



EXIMBANK

Tầng 8, Văn Phòng Số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center
Số 72 Lê Thánh Tôn & 45A Lý Tự Trọng, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3821 0056 Fax: (08) 3821 6913

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2016

Số: 1749/2016/EIB-TGD

V/v công bố Báo cáo Thường niên năm 2015
của Eximbank

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Mã chứng khoán: EIB

Trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh
Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84.8)38210056

Fax: 08.3821.6913

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Tấn Lộc – Phó TGD Thường trực

Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và
45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84.8)38210056

Fax: 08.3821.6913

Loại thông tin công bố: 24h 72h Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo Thường niên năm 2015 của Eximbank (đính kèm
báo cáo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
20/04/2016 tại đường dẫn <http://www.eximbank.com.vn>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ô.TGD (để báo cáo);
- Lưu P.KH

PHÓ TGD THƯỜNG TRỰC 



TRẦN TẤN LỘC

CHUẨN HÓA HỆ THỐNG
CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN

EXIMBANK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

- 🏠 | Tầng 8 - Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn
và 45A Lý Tự Trọng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
- ☎ | (84-8) 3821 0056
- 📠 | (84-8) 3821 6913
- 🌐 | Swift: EBVIVNVX
- 🌐 | www.eximbank.com.vn



**EXIMBANK
IS THE
ONE**

NỘI DUNG

04 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 06 PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

09 THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

- 10 Thông tin chung
- 11 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Những sự kiện nổi bật trong năm 2015
- 15 Các giải thưởng đạt được trong năm 2015
- 18 Một số chỉ tiêu kinh doanh cơ bản qua các năm hoạt động
- 20 Mô hình tổ chức
- 22 Cơ cấu bộ máy quản lý và Công ty con
- 23 Định hướng phát triển
- 24 Các rủi ro

27 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

- 28 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản
- 29 Tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2015
- 32 Giới thiệu Ban điều hành
- 38 Nhân sự và chính sách nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư vào Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (Eximbank AMC)
- 42 Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank
- 44 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

47 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 48 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 59 Tình hình tài chính
- 60 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 66 Kế hoạch kinh doanh năm 2016
- 68 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

69 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

- 70 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của ngân hàng
- 71 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- 72 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

75 QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- 76 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 80 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 98 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 80 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 102 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

103 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 104 Thông tin về Ngân hàng.
- 106 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- 107 Báo cáo kiểm toán độc lập.
- 109 Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- 113 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
- 115 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

194 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

195 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



Đầu tiên cho phép tôi được thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Eximbank, gửi lời cảm ơn đến Quý vị cổ đông, quý khách hàng cùng quý đối tác, đã luôn đồng hành, ủng hộ và chia sẻ với Eximbank trong thời gian qua.

EXIMBANK VỪA TRÁI QUA MỘT NĂM 2015 VỚI NHIỀU KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH. CỤ THỂ LÀ PHẢI TẬP TRUNG VÀO VIỆC XỬ LÝ NHỮNG TỔN ĐỘNG CŨ NHƯ LÀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH LỢI NHUẬN TỪ NHỮNG NĂM 2010 - 2013 MÀ CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN CHO ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2015 DẪN ĐẾN KHOẢN LỖ LUY KẾ LÀ 817,5 TỶ ĐỒNG.

Những việc tổn động này vẫn cần phải tiếp tục xử lý, bên cạnh đó là việc trích quỹ dự phòng rủi ro, để phản ánh tính minh bạch cũng như nâng cao chất lượng hoạt động của Eximbank.

Hội đồng Quản trị mới nhiệm kỳ VI (2015 - 2020) được bầu vào ngày 15/12/2015, với 9 thành viên, là những vị có nhiều năm kinh nghiệm nắm giữ những trọng trách khác nhau trong ngành ngân hàng, luật và các ngành kinh doanh khác. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới cam kết dẫn dắt Ngân hàng hoạt động đảm bảo tuân thủ năm nguyên tắc sống còn: **(1) Minh bạch; (2) Tuân thủ luật pháp; (3) Chuyên nghiệp; (4) Hiệu quả; (5) Hướng tới các thông lệ và chuẩn mực tốt nhất**, nhằm đưa ngân hàng Eximbank phát triển bền vững vì lợi ích lâu dài của khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên cũng như uy tín của chính mình.

Bước sang giai đoạn mới, Hội đồng Quản trị cùng Ban Điều hành quyết tâm thực thi công cuộc chuyển đổi toàn diện. Cụ thể là cùng với đội ngũ chuyên gia tư vấn cao cấp chiến lược, Eximbank sẽ (a) **Củng cố nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên**, (b) **Tập trung phát triển quy trình hệ thống chuyên nghiệp và năng động hơn**, (c) **Thiết lập và thực thi các đề án tái cơ cấu và phát triển chiến lược Eximbank trong ngắn, trung và dài hạn**, đặc biệt (d) **Chú trọng việc xây dựng thương hiệu cho Eximbank một cách chuyên nghiệp**.

Để hoàn thành chiến lược nêu trên, một trong những dự án quan trọng bước đầu hiện nay là đầu tư nâng cấp hệ thống Core-banking với công nghệ hiện đại, nhằm giúp Eximbank phát triển sản phẩm dịch vụ, bao gồm cả hệ thống bán lẻ và tăng cường quản trị rủi ro, từng bước trở thành ngân hàng đa chức năng. Công tác xử lý nợ xấu và ngăn chặn nợ quá hạn được chỉ đạo thực hiện sát sao. Tiếp tục phát huy ngành kinh doanh truyền thống thế mạnh của Eximbank đó là tài trợ thương mại, tài trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu, đây là lợi thế cạnh tranh và sẽ tiếp tục được chú trọng phát triển trong thời gian tới.

Chúng tôi tin tưởng rằng, những bước đi cụ thể đó trong thời gian tới hứa hẹn sẽ mang đến những thay đổi tích cực cũng như đưa Ngân hàng của chúng ta đi vào quỹ đạo phát triển bền vững.

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch
LÊ MINH QUỐC



Kính thưa quý vị,

Năm 2015 đã khép lại với bức tranh kinh tế toàn cầu còn gặp nhiều khó khăn. Xung đột về chính trị, xã hội đã và đang diễn ra ở nhiều nơi. Đối với kinh tế Việt Nam, năm 2015 lại là năm đánh dấu sự phục hồi khá mạnh mẽ. GDP tăng cao hơn mục tiêu đề ra và là mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, thị trường bất động sản chuyển biến tích cực, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế tăng cao đã góp phần nâng quy mô tín dụng toàn hệ thống tăng trưởng tốt trong năm 2015. Nền kinh tế đã có bước tiến mới hội nhập sâu rộng hơn với kinh tế thế giới thông qua nhiều hiệp định thương mại vừa được ký kết.

Đối với Eximbank, năm 2015 là một năm đầy khó khăn, thử thách. Những

khó khăn của môi trường kinh doanh và sự thay đổi về nhân sự cấp cao đã ảnh hưởng phần nào đến hoạt động kinh doanh của Eximbank. Các chỉ tiêu kinh doanh chính như tổng tài sản, vốn huy động, dư nợ cho vay, lợi nhuận trước thuế đều chưa đạt kế hoạch đề ra. Tính đến cuối năm 2015, tổng tài sản đạt 124.850 tỷ đồng, giảm 35.295 tỷ đồng so với đầu năm, hoàn thành 69,4% kế hoạch. Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 98.431 tỷ đồng, giảm 2.949 tỷ đồng, hoàn thành 78,1% kế hoạch. Tổng cấp tín dụng (bao gồm cho vay và trái phiếu doanh nghiệp) đạt 96.188 tỷ đồng, giảm 1.768 tỷ đồng so với đầu năm, hoàn thành 88,4% kế hoạch. Trong đó, tổng dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư là 84.760 tỷ đồng, giảm 2.387 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 61 tỷ đồng, hoàn thành 6,1% kế hoạch.

MẶC DÙ KẾT QUẢ LỢI NHUẬN CỦA EXIMBANK CHƯA ĐẠT KẾ HOẠCH ĐỀ RA, NHƯNG HOẠT ĐỘNG CỦA EXIMBANK VẪN PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH VÀ KẾT QUẢ TRÊN ĐÃ PHẢN ÁNH ĐÚNG QUYẾT TÂM CỦA EXIMBANK TRONG VIỆC QUYẾT LIỆT XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ CÒN TỒN ĐỘNG CỦA NHỮNG NĂM TRƯỚC, ĐẶC BIỆT LÀ VẤN ĐỀ XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TĂNG CƯỜNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG, TỶ LỆ NỢ XẤU GIẢM XUỐNG MỨC 1,86%.

Eximbank tái cấu trúc các khoản mục nguồn vốn và sử dụng vốn thông qua việc giảm mạnh nguồn vốn liên ngân hàng, tăng cường huy động vốn từ khách hàng cá nhân, đẩy mạnh tín dụng bán lẻ. Bảng cân đối kế toán đã thu hẹp về quy mô nhưng cơ cấu tài sản đã được điều chỉnh theo hướng lành mạnh hơn, vững chắc hơn, tạo nền móng cho phát triển bền vững.

Định hướng phát triển của Eximbank năm 2016 là tiếp tục giải quyết các vấn đề còn tồn đọng và củng cố nền tảng hoạt động, tập trung phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, nhanh chóng khôi phục lại quy mô và vị thế của Eximbank trên thị trường tài chính, hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu trong năm 2016 của ngân hàng là phấn đấu tăng tổng tài sản 14%, huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 15%, dư nợ cấp tín dụng tăng 10%, tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 720 tỷ đồng.

Hoàn thành những mục tiêu nêu trên là một thách thức đối với Eximbank trong bối cảnh môi trường kinh doanh hiện nay còn nhiều khó khăn. Để thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2016, Ban Điều hành đã đưa ra 4 nhóm giải pháp chủ yếu:

Nhóm giải pháp tái cấu trúc bộ máy hoạt động: Tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động tại Hội sở và các chi nhánh, phòng giao dịch theo hướng tinh gọn với mục đích là phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, nhanh nhất; Hoàn thiện bộ máy các Khối, Phòng, Ban tại Hội sở, đặc biệt là Khối Khách hàng doanh nghiệp, thành lập Trung tâm Thanh toán quốc tế của Eximbank; Hoàn thiện bộ máy đội ngũ bán hàng (RBO và RM), tăng cường vai trò quản lý, giám sát của Hội sở đối với đội ngũ bán hàng; Quy định cụ thể chính sách khen thưởng, xử phạt chế tài đối với các đơn vị; Hoàn thiện bộ máy giám sát hoạt động để tăng cường giám sát quản lý rủi ro trong toàn hệ thống, đặc biệt quản lý rủi ro tín dụng.

Nhóm giải pháp tái cấu trúc tài chính để đưa Eximbank phát triển một cách bền vững: Cấu trúc lại các khoản mục tài sản nợ - tài sản có nhằm đảm bảo các chỉ số tài chính được cân bằng, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả và bền vững; Cơ cấu vốn huy động từ tổ chức và dân cư tăng tập trung vào phân kỳ trung hạn và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động cấp phát tín dụng trung, dài hạn và đảm bảo tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn đạt tối đa là < 40% để đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống; Đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ; Đẩy mạnh hoạt động tài trợ thương mại; Nghiên cứu phương án tăng vốn điều lệ trong những năm sau để tăng cường năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu nguồn vốn và mở rộng quy mô hoạt động.

Nhóm giải pháp tập trung đẩy mạnh công tác xử lý nợ: Xây dựng phương án xử lý nợ trên cơ sở phân loại nợ theo từng nhóm đặc thù, có các biện pháp cụ thể để nhanh chóng thu hồi nợ đọng, nợ xấu. Công tác xử lý nợ cần được xem là nhiệm vụ trọng tâm nhằm giảm gánh nặng chi phí nợ xấu đối với lợi nhuận của Eximbank trong những năm tới; Giao chỉ tiêu kế hoạch xử lý nợ cho từng khu vực, chi nhánh. Mức độ hoàn thành chỉ tiêu xử lý nợ được xem như 1 tiêu chí trong đánh giá năng lực điều hành của cán bộ lãnh đạo tại đơn vị kinh doanh; Giao quyền chủ động đối với Trung tâm Xử lý nợ, Giám đốc chi nhánh và phòng giao dịch trong công tác thu hồi nợ như: thương lượng giảm lãi suất cho vay đã quá hạn, chủ động xử lý chi phí xử lý nợ phù hợp với mức quy định chung đã ban hành và quyết toán trên cơ sở số nợ đã thu hồi...; Củng cố lại bộ máy hoạt động của Trung tâm Xử lý nợ và Công ty AMC để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động kinh doanh: Xem xét xây dựng trụ sở của Eximbank, nhằm ổn định trụ sở làm việc của Hội sở, quản lý tập trung các phòng, ban thuộc Hội sở, tiết giảm chi phí thuê mặt bằng trong tương lai, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch của đối tác và góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu của Eximbank; Xem xét cải tạo chất lượng cơ sở hạ tầng tại các chi nhánh, phòng giao dịch theo hướng đồng bộ mặt tiền trụ sở, chuyên nghiệp và thẩm mỹ trong bố trí bộ phận giao dịch với khách hàng, nhất là quầy giao dịch phục vụ khách hàng; Rà soát vị trí trụ sở của các chi nhánh, phòng giao dịch hiện hữu theo hướng tập trung tại các khu vực thuận lợi kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả trong tiếp thị khách hàng tiềm năng với chi phí phù hợp với hiệu quả kinh doanh của đơn vị; Tập trung nhân sự và nguồn lực vào dự án phát triển hệ thống Corebanking mới, dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng nhằm đảm bảo tiến độ dự án.

Với sự đoàn kết và tâm huyết của đội ngũ cán bộ nhân viên Eximbank cùng với định hướng chiến lược từ Hội đồng Quản trị và những giải pháp điều hành phù hợp, hiệu quả từ Ban Điều hành, Eximbank sẽ sớm vượt qua giai đoạn khó khăn, trở lại quỹ đạo phát triển bền vững.

Thay mặt Ban Điều hành cùng tập thể nhân viên Eximbank, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác trong nước và quốc tế, đặc biệt với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chia sẻ, góp ý chân tình của Quý vị để Eximbank ngày càng hoàn thiện và phát triển bền vững, mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

TM. Ban Điều hành
Q. Tổng Giám đốc
TRẦN TẤN LỘC

Với sự đoàn kết và tâm huyết của đội ngũ cán bộ nhân viên Eximbank cùng với định hướng chiến lược từ Hội đồng Quản trị và những giải pháp điều hành phù hợp, hiệu quả từ Ban Điều hành, Eximbank sẽ sớm vượt qua giai đoạn khó khăn, trở lại quỹ đạo phát triển bền vững.



THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

- 10 Thông tin chung.
- 11 Quá trình hình thành và phát triển.
- 04 Những sự kiện nổi bật trong năm 2015.
- 15 Các giải thưởng đạt được trong năm 2015.
- 18 Một số chỉ tiêu kinh doanh cơ bản qua các năm hoạt động
- 20 Mô hình tổ chức.
- 22 Cơ cấu bộ máy quản lý và Công ty con
- 23 Định hướng phát triển.
- 24 Các rủi ro.

Tên đăng ký tiếng Việt	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam
Tên đăng ký tiếng Anh	: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Vietnam Eximbank)
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	: Ông Lê Minh Quốc
Quyển Tổng Giám đốc	: Ông Trần Tấn Lộc
Địa chỉ đăng ký của Hội sở	: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà Vincom Center Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ văn phòng	: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà Vincom Center Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: (84-8) 3821 0056
Fax	: (84-8) 3821 6913
Website	: http://www.eximbank.com.vn
Cơ quan quản lý	: Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
Địa chỉ	: Tầng 10, tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày đăng ký đầu tiên	: 23/07/1992
Ngày đăng ký thay đổi lần thứ 25	: 17/08/2015
Cơ quan đăng ký ban đầu	: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
Giấy phép hoạt động kinh doanh	: 11/NH-GP ngày 06/04/1992
Số chứng nhận đăng ký thuế	: 0301179079
Thông tin cổ phiếu	: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
Tên cổ phiếu	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)
Mã cổ phiếu	: EIB



Giới thiệu đồng phục nhân viên Eximbank theo Nhận dạng thương hiệu mới



Thành lập

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập tại Việt Nam vào ngày 24/05/1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/01/1990 và nhận được Giấy phép hoạt động số 11/NH-GP ký ngày 06/04/1992 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cho phép Ngân hàng hoạt động trong 50 năm với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng (tương đương 12,5 triệu đô la Mỹ tại thời điểm thành lập ngân hàng) và có tên mới là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (được gọi tắt là “Eximbank”).

Ngành nghề kinh doanh

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA EXIMBANK BAO GỒM CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU:

- ⊕ Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi;
- ⊕ Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư;
- ⊕ Nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- ⊕ Cho vay ngắn, trung và dài hạn;
- ⊕ Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá;
- ⊕ Kinh doanh ngoại hối;
- ⊕ Thanh toán quốc tế;
- ⊕ Đầu tư vào chứng khoán và các giấy tờ có giá;
- ⊕ Dịch vụ thanh toán và phát hành thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa, MasterCard, JCB;
- ⊕ Dịch vụ ngân quỹ;
- ⊕ Dịch vụ tài chính trọn gói dành cho du học sinh;
- ⊕ Dịch vụ tư vấn tài chính;
- ⊕ Mua trái phiếu doanh nghiệp;
- ⊕ Kinh doanh mua bán vàng miếng;
- ⊕ Dịch vụ bảo quản tài sản;
- ⊕ Các dịch vụ ngân hàng khác,...

Địa bàn hoạt động

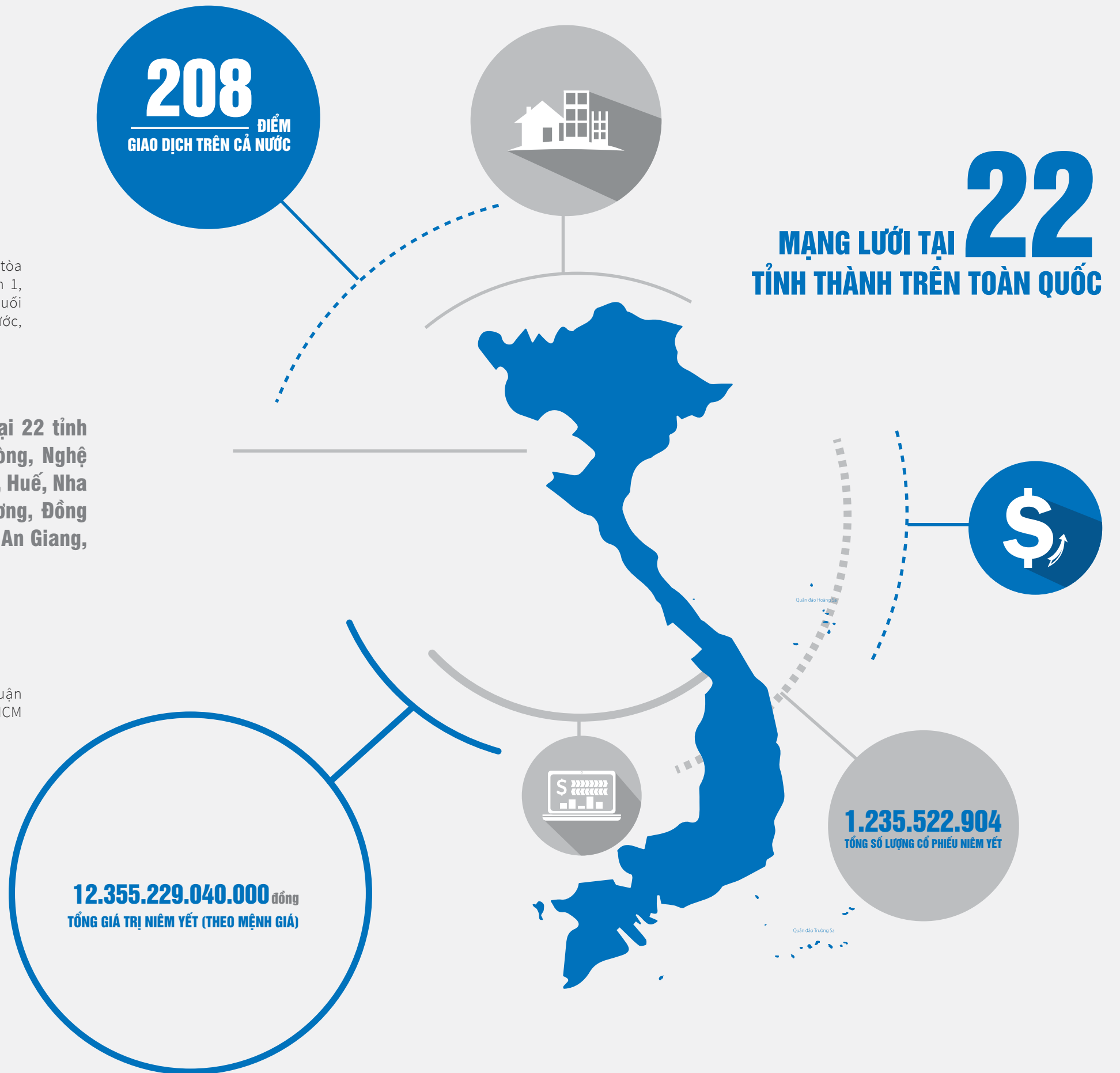
Eximbank có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. Mạng lưới hoạt động của Eximbank đến cuối năm 2015 có 208 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, bao gồm: 44 Chi nhánh, 163 Phòng giao dịch và 1 Quỹ tiết kiệm.

Hiện mạng lưới giao dịch của Eximbank có mặt tại 22 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Nha Trang, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu và Kiên Giang.

Niêm yết

Eximbank được Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 20/10/2009 theo Quyết định số 128/QĐ-SGDHCM

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 1.235.522.904 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết	: 12.355.229.040.000 đồng (theo mệnh giá)



Những SỰ KIỆN NỔI BẬT qua các năm hoạt động

1991, 1992

Được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài Chính tín nhiệm giao thực hiện một phần chương trình tài trợ không hoàn lại của Thụy Điển dành cho các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Thụy Điển.

1993

Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1995

Tham gia tổ chức Swift (Tổ Chức Viễn Thông Tài Chính Liên Ngân Hàng Toàn Cầu);

Được chọn là 1 trong 6 ngân hàng Việt Nam tham gia Dự án hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới - World Bank.

1997

Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.

1998

Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

2003

Triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến nội hàng toàn hệ thống.

2005

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit.

2007

Ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) của Nhật Bản.

2015

2014

Được tạp chí The Banker xếp hạng vào Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2014, Eximbank vinh dự nhiều năm liên tiếp đứng trong bảng xếp hạng những ngân hàng hàng đầu thế giới;

Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2014”.

2013

Được Tạp chí Asian Banker trao giải thưởng “Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013”, Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2013”; tiếp tục được xếp hạng trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2013 do tạp chí The Banker bình chọn.

Eximbank là một trong những ngân hàng đầu tiên gia nhập thành viên phát hành thẻ quốc tế mang thương hiệu JCB tại Việt Nam.

2012

Được tạp chí AsiaMoney trao giải thưởng “Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2012”; Eximbank tiếp tục được xếp hạng trong Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2012 do tạp chí The Banker bình chọn;

Eximbank chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.

2011

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 12.355 tỷ đồng;

Eximbank được tạp chí The Banker chọn vào Top 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới và Top 25 ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tài sản nhanh nhất 2010.

2010

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 10.560 tỷ đồng.

2009

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 8.800 tỷ đồng, chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM.

2008

Eximbank tăng vốn điều lệ lên 7.220 tỷ đồng.

Những SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2015

Ngày 18/01/2015

EXIMBANK
tổ chức kỷ niệm **25**
năm thành lập.



Ngày 26/06/2015

Eximbank đã tổ chức Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác bảo lãnh cho người mua nhà với Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng, tạo niềm tin cho người mua nhà và nhà đầu tư.



Ngày 29/09/2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) và Hãng hàng không giá rẻ Jetstar Pacific phối hợp cùng Công ty TNHH JCB International (JCB) ra mắt Thẻ đồng thương hiệu Jetstar - Eximbank JCB.

Ngày 19/11/2015

Eximbank và Infosys ký kết triển khai giải pháp phần mềm Infosys Finacle Core Banking để dần thay thế hệ thống Core Banking đang sử dụng hiện nay, giải pháp Core Banking sẽ giúp Eximbank tạo nên đột phá trong khai thác sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, phát triển thêm nhiều dịch vụ, sản phẩm và quản lý nội bộ chặt chẽ, hiệu quả hơn.



Các GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2015

Ngày 14/04/2015

Tại Hongkong, Eximbank được tạp chí Asian Banker trao giải thưởng **Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất năm 2015** (Best Trade Finance Bank). Đây là lần thứ 2 tạp chí Asian Banker trao tặng giải thưởng cho Eximbank.

Ngày 07/05/2015

Ngân hàng Standard Chartered Bank (SCB) đã đến thăm và trao tặng Eximbank Giải Thưởng **Thanh Toán Xuyên Suốt** (Straight Through Processing - STP Award) năm 2014. Giải thưởng nhằm ghi nhận chất lượng nghiệp vụ thanh toán xuất sắc của Eximbank, thể hiện qua tỷ lệ điện được xử lý tự động, xuyên suốt cao. Do vậy, tỷ lệ điện xử lý tự động của Eximbank luôn luôn ở mức cao xấp xỉ 100%.

Ngày 16/09/2015

Eximbank vinh dự được Tạp chí Asiamoney - Hong Kong trao tặng danh hiệu "Best Local Cash Management Bank in Vietnam 2015"
**Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Nội địa
Tốt nhất Việt Nam năm 2015**

do các doanh nghiệp quy mô nhỏ có doanh số hàng năm dưới 100 triệu USD bình chọn. Được biết, Tạp chí Asiamoney được thành lập vào năm 1989, là một công ty trực thuộc của Euromoney (Anh) và là một trong những nguyệt san chuyên ngành tài chính - ngân hàng hàng đầu tại Châu Á Thái Bình Dương. Trong đó, cuộc bình chọn "Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Tốt nhất" nằm trong cơ cấu các chương trình khảo sát và giải thưởng được Asiamoney tổ chức hàng năm dành cho các định chế tài chính trên khắp thế giới, đặc biệt là tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Ngày 29/09/2015

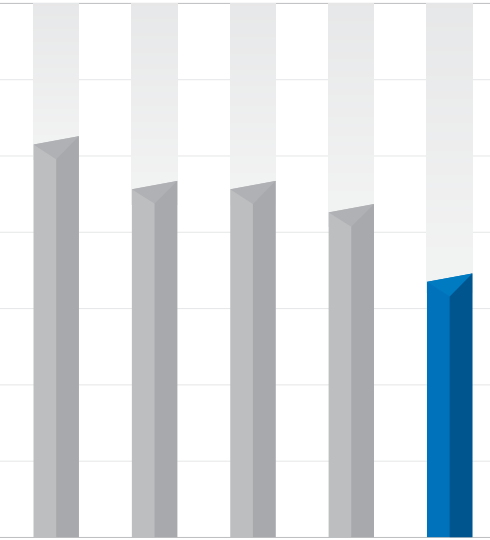
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Eximbank vinh dự nhận giải thưởng **Thanh toán Quốc tế xuất sắc năm 2015**

do ngân hàng JPMorgan Chase (Mỹ) trao tặng. Đây là giải thưởng ghi nhận Chất lượng xuất sắc của Eximbank trong xử lý tự động các điện thanh toán quốc tế (chuyển tiền cho khách hàng). Giải thưởng được trao dựa trên các tiêu chuẩn áp dụng thống nhất trên toàn cầu của JPMorgan Chase, dựa trên cả số lượng điện thanh toán và chất lượng điện thanh toán được xử lý tự động xuyên suốt.

Tổng tài sản hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

183.567 170.156 169.835 160.145 124.850

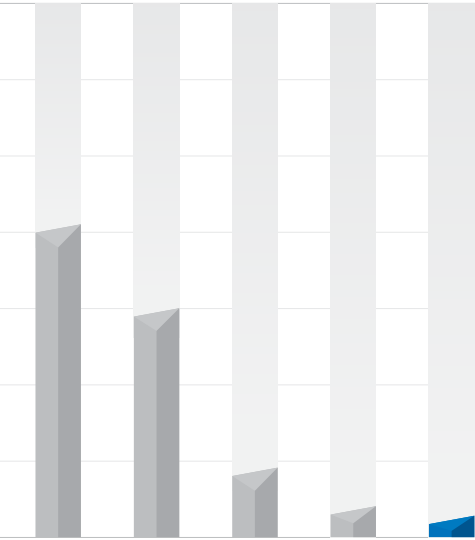


2011 2012 2013 2014 2015

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

4.056 2.851 828 354 61

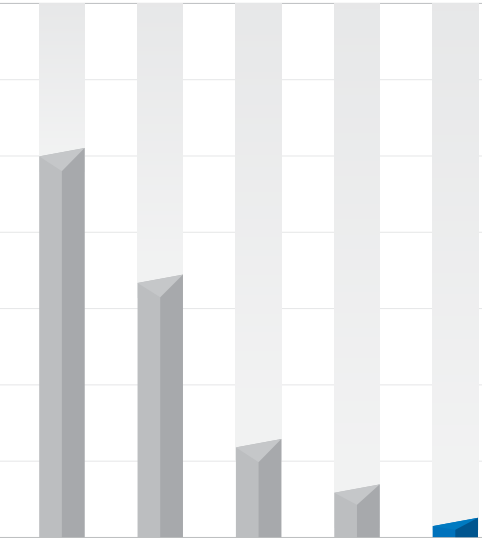


2011 2012 2013 2014 2015

ROE

ĐVT: %

20,39 13,3 4,3 2,45 0,3

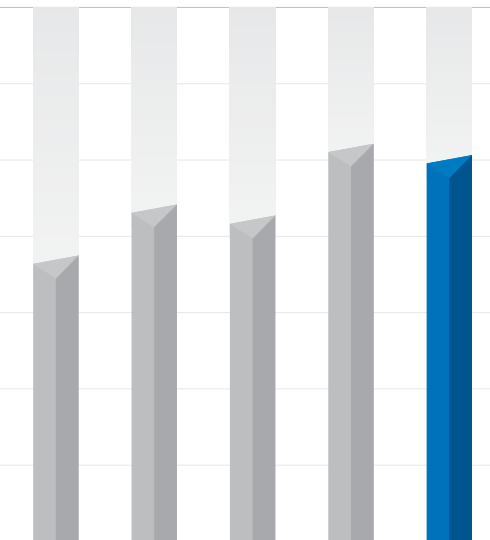


2011 2012 2013 2014 2015

Tổng vốn huy động hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

72.777 85.519 82.650 101.380 98.431

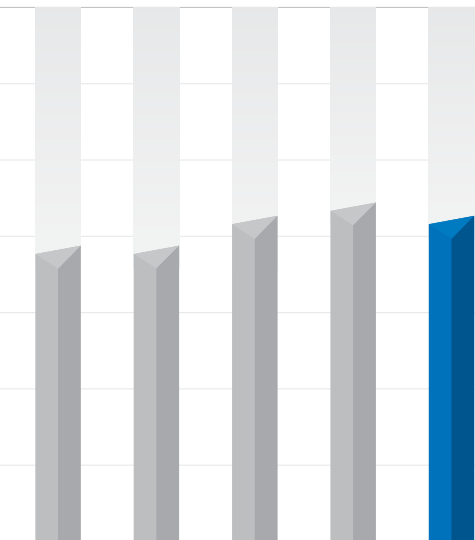


2011 2012 2013 2014 2015

Tổng dư nợ cho vay hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng

74.663 74.922 83.354 87.147 84.760



2011 2012 2013 2014 2015

12.355

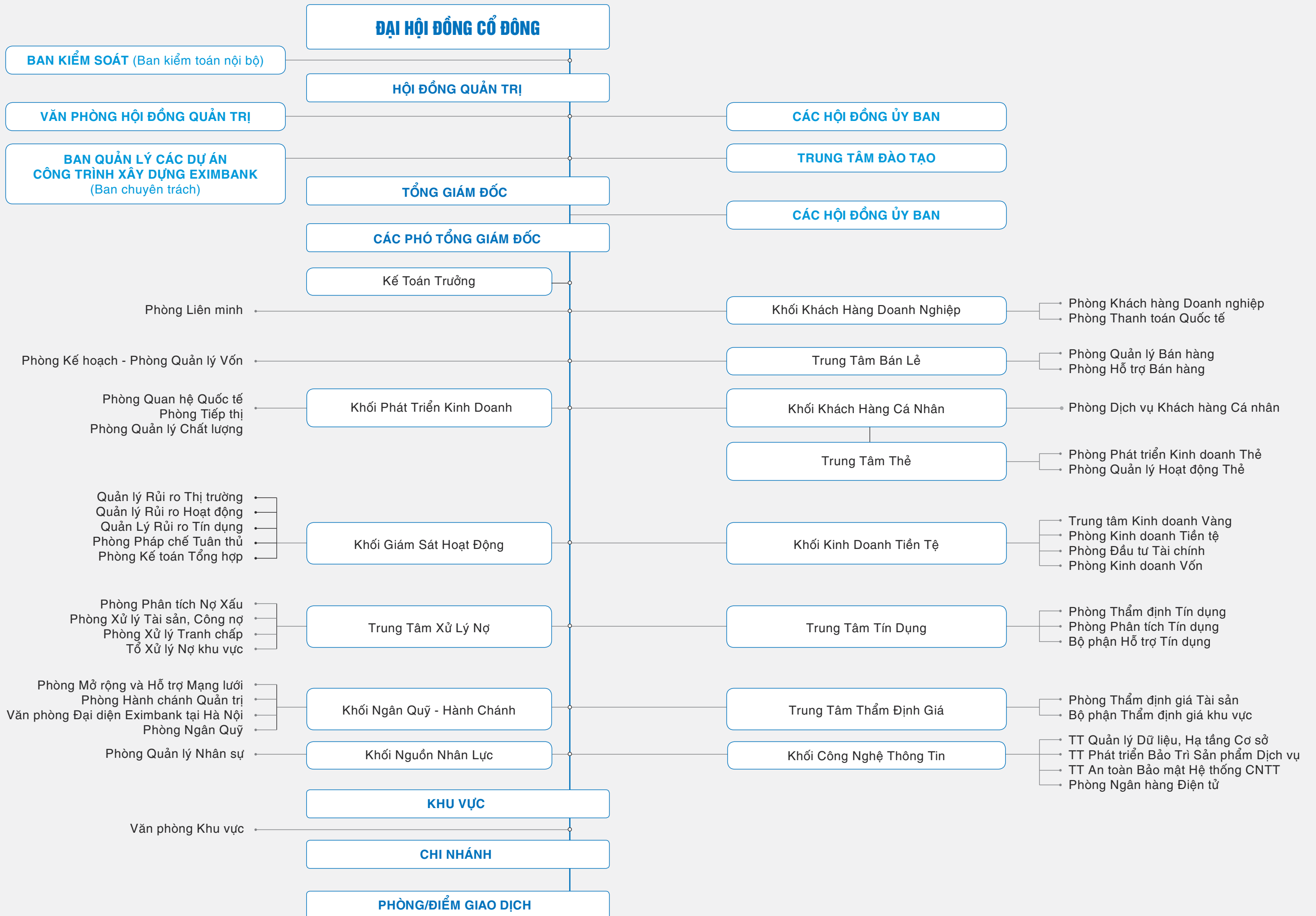
TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ
TẠI NGÀY 31/12/2015

CÁC QUỸ ĐƯỢC TRÍCH LẬP
TỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ
CÓ SỐ DƯ TÍCH LŨY HƠN

1.500

TỶ ĐỒNG





Cơ cấu Bộ máy Quản lý

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Quốc	Chủ tịch – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên
Ông Naoki Nishizawa	Thành viên
Ông Yasuhiro Saitoh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Lê Quyết	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Trần Tấn Lộc	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Masashi Mochizuki	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Kế toán trưởng

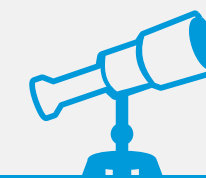
Công ty con

Eximbank có 1 công ty con là

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Với số vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng, địa chỉ đặt tại tòa nhà 24B Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM. Vốn thực góp đến ngày 31/12/2015 là 955 tỷ đồng.

TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN



Eximbank tận dụng các cơ hội thị trường để duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, củng cố và mở rộng nền tảng khách hàng, nâng tầm vị thế và xây dựng Eximbank trở thành ngân hàng thương mại cổ phần hiện đại, là nơi các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác luôn yên tâm về hiệu quả đầu tư và an toàn vốn, là ngân hàng cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao, là một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội.



MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020



Giai đoạn 2015 - 2020, Eximbank phấn đấu nằm trong top 5 ngân hàng thương mại cổ phần (không bao gồm các ngân hàng TMCP có vốn của nhà nước).

Tận dụng thời cơ, cơ hội, sử dụng thế mạnh về nguồn vốn chủ sở hữu thông qua nghiệp vụ ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, hoạt động công ty con, công ty liên kết. Đồng thời, tận dụng các thế mạnh quan hệ rất tốt với các đối tác nước ngoài, đặc biệt đối tác chiến lược là ngân hàng Sumitomo Mitsui.

Phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu thị trường, tăng cơ cấu thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập của ngân hàng, nhất là các dịch vụ thanh toán.

Tiếp tục phát huy thế mạnh trên các lĩnh vực tài trợ thương mại, tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh vàng, ngoại hối, phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ trên cơ sở ứng dụng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, từng bước áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ thông qua việc xây dựng mô hình bán lẻ phù hợp, xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp hơn, xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Tăng cường tập trung bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ quyền con người, tuân thủ các quy định về lao động, việc làm và tham gia các chính sách xã hội khác trong quá trình hoạt động của Eximbank.

EXIMBANK NHẬN THỨC VÀ KIỂM SOÁT CÁC RỦI RO CHÍNH CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HOẶC ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHUNG CỦA NGÂN HÀNG, BAO GỒM CÁC LOẠI RỦI RO

Rủi ro THỊ TRƯỜNG

Rủi ro TÍN DỤNG

Rủi ro THANH KHOẢN

Rủi ro do YẾU TỐ KHÁCH QUAN

Rủi ro HOẠT ĐỘNG HAY RỦI RO TÁC NGHIỆP



Rủi ro do YẾU TỐ KHÁCH QUAN

Rủi ro do yếu tố khách quan là rủi ro xuất phát từ các yếu tố kinh tế vĩ mô, chính sách của chính phủ và tình hình an ninh, chính trị của thế giới.

biến lớn nhất là hiệp định Đối tác xuyên Thái bình dương (TPP) giữa 12 nước bao gồm Việt Nam đã chính thức đàm phán thành công vào nửa cuối năm 2015. Việc chính thức ký kết hiệp định TPP dự kiến sẽ được diễn ra trong tháng 02/2016 sau khi các quyết sách được thông qua tại Đại Hội Đảng XII. Các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề: may mặc, thủy sản, tài chính-ngân hàng, v.v sẽ hưởng lợi từ việc tham gia hiệp định TPP; tuy nhiên đồng thời các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những thử thách lớn trong năm 2016 như công nghệ, kỹ thuật, chất lượng nguồn nhân lực phải đảm bảo theo tiêu chuẩn chung của quốc tế.

Đối với Eximbank nói riêng và hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung, năm 2015 là một năm có nhiều thử thách lớn. Về tình hình tỷ giá ngoại tệ, việc hạ tỷ giá của Trung Quốc (mức thấp nhất trong 04 năm qua) hồi tháng 12/2015 đã gây ra ảnh hưởng nặng nề cho nền kinh tế - tài chính toàn cầu. Năm 2015 cũng là năm cuối cùng thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” của Chính phủ, Eximbank đã và đang tiếp tục phấn đấu thực hiện các đề án tái cơ cấu lại toàn bộ hệ thống, nâng cao nguồn nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm duy trì vị thế là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu của Việt Nam trong suốt nhiều năm qua.

Năm 2015 ghi nhận những bước chuyển đáng kể cho nền kinh tế nước ta (GDP tăng trưởng 6,68% so với năm 2014 đạt cao nhất trong vòng 05 năm qua). Các ngành nghề nông lâm nghiệp thủy sản, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đều có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế cả nước. Ngoài ra, một trong những bước chuyển



Rủi ro TÍN DỤNG



Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của ngân hàng do khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo cam kết. Rủi ro này có thể do nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan.

RỦI RO TÍN DỤNG được xem là rủi ro lớn nhất tác động thường xuyên tới hoạt động của Eximbank do hoạt động tín dụng tạo ra nguồn thu nhập cao nhất cho ngân hàng.



Rủi ro THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do những biến động từ thị trường gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của Eximbank.

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do những biến động từ thị trường gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của Eximbank, bao gồm:

Rủi ro lãi suất do danh mục tài sản và thu nhập của Eximbank xuất phát chủ yếu từ hoạt động cho vay và đầu tư trái phiếu, các biến động lãi suất sẽ có tác động mạnh mẽ lên kết quả hoạt động của Eximbank. Rủi ro lãi suất có thể phát sinh do chênh lệch thời điểm ấn định lãi suất, thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất thị trường khác nhau, thay đổi mối quan hệ lãi suất giữa các kỳ hạn khác nhau hoặc các sản phẩm quyền chọn gắn theo lãi suất.

Rủi ro tỷ giá là rủi ro phát sinh do những biến động của tỷ giá gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của Eximbank. Rủi ro tỷ giá có thể phát sinh từ một số các hình thức sau: các giao dịch ngoại hối, các giao dịch phái sinh ngoại tệ (Hợp đồng tương lai, Hoán đổi tiền tệ và Quyền chọn).

Rủi ro giá đầu tư là rủi ro phát sinh do sự biến động của giá cổ phiếu, trái phiếu và những khoản đầu tư vốn và chứng khoán khác dẫn đến việc giảm giá trị các khoản đầu tư mà ngân hàng nắm giữ.



Rủi ro THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro dẫn đến khả năng Eximbank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ, nhu cầu thanh khoản tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính, hoặc Eximbank có khả năng thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn

nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện nghĩa vụ đó. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro về thanh khoản có thể xuất phát từ sự chênh lệch giữa quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản Nợ và tài sản Có trong các thời điểm.



Rủi ro HOẠT ĐỘNG hay rủi ro TÁC NGHIỆP

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro xuất hiện gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó quản lý và ngăn chặn. Xuất phát từ yếu tố con người, sơ hở trong các quy trình tác nghiệp, sự yếu kém trong hệ thống thông tin, hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc từ các yếu tố bên ngoài. Rủi ro hoạt động là rủi ro phức

tạp nhất mà Eximbank phải đối mặt vì tính chất khó kiểm soát và đa dạng của nó. Để đối phó với rủi ro hoạt động, Eximbank đã xây dựng và ban hành các chính sách, cẩm nang nội bộ, xây dựng kế hoạch hoạt động liên tục nhằm đối phó với các sai phạm trong tác nghiệp và các sự cố ngoài ý muốn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

- 28 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản
- 29 Tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2015
- 32 Giới thiệu Ban điều hành
- 38 Nhân sự và chính sách nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư vào Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản (Eximbank AMC)
- 42 Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank
- 44 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TUÂN THỦ LUẬT PHÁP

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm so năm 2014
1. Quy mô vốn				
Tổng tài sản	tỷ đồng	160.145	124.850	-22%
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	13.120	13.145	0,2%
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	12.355	12.355	0,0%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất	%	13,16	16,52	
2. Kết quả hoạt động				
Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	101.380	98.431	-3%
Tổng dư nợ cấp tín dụng	tỷ đồng	97.956	96.188	-1,8%
Trong đó, dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	87.147	84.760	-2,7%
Nợ quá hạn (nhóm 2-5)	tỷ đồng	2.680	2.069	-22,8%
Nợ xấu (nhóm 3-5)	tỷ đồng	2.144	1.575	-26,5%
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	%	3,08	2,44	
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	%	2,46	1,86	
3. Tình hình tài chính				
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	2.828	3.398	20,2%
Thu nhập ngoài lãi thuần	tỷ đồng	376	317	-15,7%
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	tỷ đồng	24	85	254%
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	tỷ đồng	3.228	3.800	17,7%
Tổng chi phí hoạt động	tỷ đồng	(2.049)	(2.305)	12,5%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước trích DPRR tín dụng	tỷ đồng	1.179	1.495	26,8%
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	(825)	(1.434)	73,8%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	354	61	-83%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	(13)	(21)	61,5%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	341	40	-88,3%
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,45	0,30	
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	%	0,21	0,03	
5. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay (quy đổi VNĐ)	%	17,38	16,51	
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn	%	24,19	48,79	
6. Tỷ lệ chi trả cổ tức				
	%/năm	0	0	

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, & TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH & KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015

Trong bối cảnh môi trường hoạt động còn nhiều khó khăn, Eximbank đã nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động.

Q uy mô tổng tài sản đạt 124.850 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2014, hoàn thành 69,4% kế hoạch. Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng đạt 98.431 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2014, hoàn thành 78,1% kế hoạch. Tổng dư nợ cấp tín dụng cho tổ chức kinh tế và dân cư (bao gồm dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp) đạt

96.188 tỷ đồng, giảm 1,8% so với năm 2014, hoàn thành 88,4% kế hoạch. Trong đó, dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư quy đổi tiền đồng là 84.760 tỷ đồng, giảm 2,7% so với năm 2014.

Eximbank đã tăng cường trích lập dự phòng bằng nguồn lợi nhuận có được từ hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đúng cam kết phát triển ngân hàng theo hướng lành mạnh và bền vững, làm tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo. Vì vậy, kết quả hoạt động năm 2015 Eximbank đạt mức lợi nhuận trước thuế là 61 tỷ đồng.

Trong năm 2015, các chỉ số về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của Eximbank đều tuân thủ theo đúng quy định Thông tư 36/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể: tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn là 48,79% (theo quy định của NHNN ≤ 60%); tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 78,65% (theo quy định của NHNN ≤ 80%); hệ số an toàn vốn (CAR) là 16,52% (cao hơn nhiều so với mức quy định của NHNN là 9%).



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG,
& TÌNH HÌNH **TÀI CHÍNH**
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015 (tiếp theo)

Eximbank tiếp tục tái cấu trúc mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động;

Tập trung nhân sự phát triển đội ngũ bán hàng vững mạnh; không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ; quản lý chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt công tác xử lý nợ xấu, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp; củng cố và nâng cấp

chất lượng hoạt động của hệ thống phòng giao dịch nhằm tăng cường hoạt động kinh doanh, nâng cao lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị phần. Eximbank đã đẩy mạnh triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng tâm, liên tục cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ Ngân hàng điện tử nhằm tăng năng lực cạnh tranh. Trong năm 2015, nhằm khuyến khích Chi nhánh, Phòng giao dịch tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Eximbank đã phát động phong trào thi đua, khen thưởng và triển khai áp dụng trong nhiều mảng nghiệp vụ như tín dụng, thẻ, thanh toán quốc tế, vàng... tạo động lực, động viên tinh thần làm việc cho cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, Eximbank tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện mô hình về quản trị rủi ro ở tất cả các cấp độ quản lý từ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đến Ban Điều hành và các Khối trên cả ba khía cạnh: cơ cấu tổ chức; chính sách, quy trình, quy định nội bộ và nhân sự thực thi phù hợp với quy mô, định hướng hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2015, Eximbank cũng đã thuê công ty Ernst & Young Việt Nam thực hiện đánh giá hiện trạng quản lý rủi ro tại Eximbank để chuẩn bị cho kế hoạch triển khai áp dụng Basel II theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước.



NGÂN HÀNG QUẢN LÝ TIỀN MẶT NỘI ĐỊA **TỐT NHẤT**
VIỆT NAM NĂM 2015
ASIAMONEY

NGÂN HÀNG **TĂNG TRƯỞNG THƯƠNG MẠI MẠNH**
WELLS FARGO

CHẤT LƯỢNG **THANH TOÁN XUẤT SẮC**
JPMorganChase BNY MELLON Standard Chartered



NGÂN HÀNG **TỐT NHẤT**
TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI **VIỆT NAM NĂM 2015**
được trao tặng bởi **THE ASIAN BANKER**
STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR ASIA'S FINANCIAL SERVICES COMMUNITY

Giải thưởng

Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam năm 2015

Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Nội địa Tốt nhất Việt Nam năm 2015

Ngân hàng Tăng trưởng Thương mại Mạnh

Chất lượng Thanh toán Xuất sắc

Đơn vị trao tặng

The Asian Banker

Tạp chí Asiamoney

Wells Fargo

JPMorgan Chase Bank,
The Bank of New York Mellon,
Standard Chartered Bank



Ông ĐÀO HỒNG CHÂU
Phó Tổng Giám đốc

Tuổi: 48

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc vào tháng 4/2004.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 24 năm.

Ông TRẦN TẤN LỘC
Quyền Tổng Giám đốc

Tuổi: 47

Được bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc vào tháng 12/2015.

Trình độ: Tiến sĩ Kinh tế ngành Tài chính – Tín dụng.

Công tác tại Eximbank: 22 năm.

Bà ĐINH THỊ THU THẢO
Phó Tổng Giám đốc

Tuổi: 47

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ tháng 12/2007.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 25 năm.

Bà VĂN THÁI BẢO NHI
Phó Tổng Giám đốc

Tuổi: 45

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ tháng 05/2012.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 20 năm.

Ông NGUYỄN QUỐC HƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

Tuổi: 45

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc vào tháng 02/2006, bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc tháng 9/2013 và bổ nhiệm chính thức Tổng Giám đốc từ tháng 12/2013, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 23 năm.

Ông NGUYỄN HỒ HOÀNG VŨ
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính

Tuổi: 45

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính từ tháng 09/2013.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 23 năm.



Ông **MASASHI MOCHIZUKI**
Phó Tổng Giám đốc

Được tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Đồng Trưởng Phòng Liên Minh từ tháng 05/2015.

Trình độ: Cử nhân Kinh tế.

19 năm kinh nghiệm làm việc cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation.

Bà **BÙI ĐỖ BÍCH VÂN**
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ tháng 08/2013, hiện là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 23 năm.

Ông **LÊ HẢI LÂM**
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ tháng 09/2013, hiện là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn.

Trình độ: Cử nhân Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 20 năm.

Ông **NGUYỄN QUANG TRIẾT**
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ tháng 09/2013.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế

Công tác tại Eximbank: 24 năm.

Ông **NGUYỄN VĂN HÀO**
Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ tháng 01/2014, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực miền Đông Nam Bộ.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: từ năm 2007.



Ông LÊ ANH TÚ
 Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ tháng 08/2013, hiện là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực miền Bắc.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 21 năm.

Ông BÙI VĂN ĐẠO
 Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực miền Tây Nam Bộ từ tháng 10/2015.

Trình độ: Thạc sĩ Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: từ năm 2008.

Ông NGUYỄN NGỌC HÀ
 Kế toán trưởng

Được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ tháng 09/2013.

Trình độ: Cử nhân Kinh tế.

Công tác tại Eximbank: 19 năm.

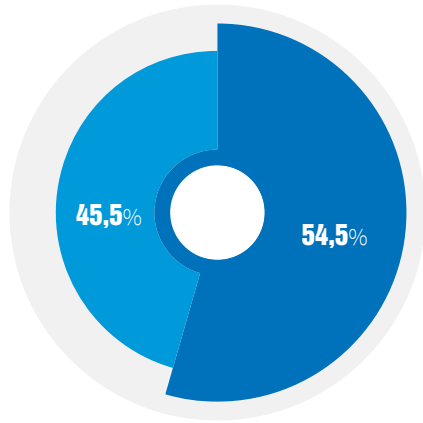
THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 02/2015	Thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc và phân công làm Tư vấn Công nghệ thông tin cấp cao đối với Ông Mitsuki Shioho.
2	Tháng 5/2015	Thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Đồng Trưởng Phòng Liên Minh đối với Ông Kenji Kuroki. Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Masashi Mochizuki giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Đồng Trưởng Phòng Liên Minh
3	Tháng 10/2015	Bổ nhiệm Ông Bùi Văn Đạo – Giám đốc Khu vực miền Tây Nam bộ giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực miền Tây Nam Bộ.
4	Tháng 11/2015	Thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc và chấp thuận nghỉ việc đối với Ông Nguyễn Thúc Vinh.
5	Tháng 12/2015	Ông Phạm Hữu Phú – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thôi kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Bổ nhiệm Ông Trần Tấn Lộc – Phó Tổng Giám đốc Thường trực giữ chức danh Quyền Tổng Giám đốc.
6	Tháng 01/2016	Thôi chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Cao Xuân Lãnh

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

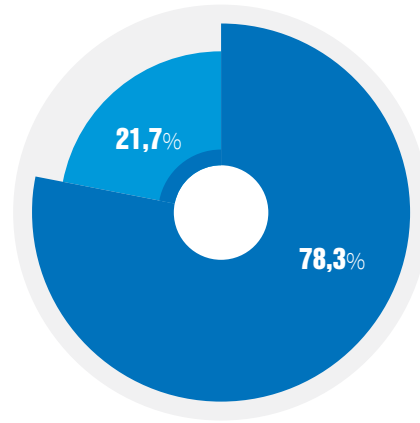
STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Ông Trần Tấn Lộc	Quyền Tổng Giám Đốc	0,00
2	Ông Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng Giám Đốc	0,0033689
3	Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng giám đốc	0,0057685
4	Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng giám đốc	0,0016472
5	Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng giám đốc	0,0000009
6	Ông Masashi Mochizuki	Phó Tổng giám đốc	0,00
7	Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng giám đốc	0,0042342
8	Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng giám đốc	0,00
9	Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	0,0023008
10	Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng giám đốc	0,00
11	Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng giám đốc	0,0001102
12	Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng giám đốc	0,0000007
13	Ông Bùi Văn Đạo	Phó Tổng giám đốc	0,0000006
14	Ông Nguyễn Ngọc Hà	Kế toán trưởng	0,0000001

NHÂN SỰ



Theo giới tính

Nữ	3.401 người	54,5%
Nam	2.838 người	45,5%



Theo trình độ

Đại học trở lên	4.885 người	78,3%
Cao đẳng trở xuống	1.354 người	21,7%

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tổng số nhân sự năm 2015	6.239 người	100%
2	Giới tính:		
	• Nữ	3.401 người	54,5%
	• Nam	2.838 người	45,5%
3	Trình độ:		
	• Đại học trở lên	4.885 người	78,3%
	• Cao đẳng trở xuống	1.354 người	21,7%
4	Thâm niên công tác:		
	• Trên 15 năm	227 người	3,6%
	• Từ 10 đến 15 năm	478 người	7,7%
	• Từ 05 đến 10 năm	2.663 người	42,7%
	• Dưới 05 năm	2.871 người	46,0%
5	Cán bộ quản lý (từ phó Phòng trở lên)	1.051 người	46,8%
6	Theo khu vực:		
	• Khu vực Tp. Hồ Chí Minh	3.711 người	59,5%
	• Miền Bắc	911 người	14,5%
	• Miền Trung – Tây Nguyên	621 người	10%
	• Miền Đông Nam Bộ	487 người	7,8%
	• Miền Tây Nam Bộ	509 người	8,2%

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

TIẾP TỤC PHÁT HUY THỂ MẠNH NGUỒN NHÂN LỰC VỐN CÓ, NĂM 2015 EXIMBANK TẬP TRUNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THU HÚT NHÂN TÀI, TUYỂN DỤNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NHÂN VIÊN CHẤT LƯỢNG CAO VỚI HƠN 1.300 LƯỢT CÁN BỘ NHÂN VIÊN TUYỂN MỚI.

1.300 lượt
TUYỂN MỚI CBNV CHẤT LƯỢNG CAO

Bên cạnh đó, Eximbank luôn chăm lo đời sống cho CBNV thông qua các chính sách như: chính sách lương, thưởng; chính sách quy hoạch, phát triển nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên; chính sách đào tạo; chính sách đãi ngộ; chính sách an toàn, sức khỏe cho cán bộ nhân viên...

Trách nhiệm của NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Tiếp nối truyền thống từ ngày đầu thành lập đến nay, trong năm 2015 Eximbank tiếp tục định hướng và tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia, đóng góp các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội như: chương trình “Mái ấm

ngày hè”, chương trình “Đêm hội trăng rằm” cùng Đài Phát thanh và Truyền hình Tỉnh Bình Phước, thăm và tặng quà cho các Mẹ Việt Nam Anh Hùng, chương trình tài trợ học bổng cho sinh viên các Trường Đại học...



ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA EXIMBANK AMC

Thành lập

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản được thành lập theo Quyết định số 157/2010/EIB/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định số 754/QĐ-NHNN ngày 01/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh số 0310280974 ngày 24/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động trung gian tiền tệ khác

Chi tiết: Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (bao gồm: nợ có tài sản bảo đảm và nợ không có tài sản bảo đảm) và tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố; tài sản gán nợ; tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất. Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức sau: Tự bán công khai trên thị trường; Bán qua Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản; Bán cho Công ty

mua bán nợ của nhà nước (khi được thành lập). Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp. Xử lý tài sản đảm bảo nợ vay bằng các biện pháp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ. Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo quy định của pháp luật. Mua, bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 300 tỷ đồng, thay đổi lần thứ hai ngày 08/09/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 30/03/2012, thay đổi lần thứ chín ngày 02/04/2014 với vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2015, vốn điều lệ được cấp là 955 tỷ đồng.

955 TỶ VNĐ
VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2015

TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÀI CHÍNH & KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA AMC

Một số chỉ tiêu tài chính

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015
1	Tổng tài sản	986.940
2	Tiền gửi ngân hàng	94.692
3	Phải thu dài hạn khác (từ Eximbank)	806.930
4	Tài sản cố định	45.044
5	Chi phí xây dựng cơ bản và mua sắm TSCĐ	39.197
6	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn điều lệ đăng ký: 1.700 tỷ đồng)	955.000
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015	10.849
8	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.664

Kết quả kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm so 2014	%Tăng/giảm so 2014
I. Tổng doanh thu	22.232	21.077	-1.155	-5,20%
1. Doanh thu cho thuê	13.830	14.574	744	5,38%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.362	6.503	-1.859	-22,23%
3. Thu nhập khác	40		-40	
II. Tổng chi phí	10.105	10.228	123	1,22%
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.104	9.803	-301	-2,98%
2. Chi phí khác	1	425	424	
III. Lợi nhuận trước thuế	12.127	10.849	-1.278	-10,54%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA EXIMBANK

Số lượng cổ phần

Tại thời điểm 31/12/2015, số lượng cổ phần	:	1.235.522.904 cổ phần
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	:	948.642.158 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 – Luật Các tổ chức tín dụng 2010	:	286.880.746 cổ phần

Thông tin chi tiết cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Ngành nghề hoạt động	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation	Ngân hàng	1-2 Marunouchi 1-chome, Chiyado-ku, Tokyo 100-0005 Japan	185.329.207	15%
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)	Ngân hàng	198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	101.245.131	8,19%

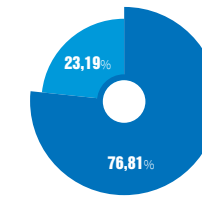
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2015 Eximbank không có sự thay đổi về vốn cổ đông

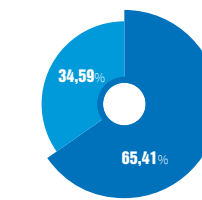
Giao dịch cổ phiếu quỹ

Đến ngày 31/12/2015, số lượng cổ phiếu quỹ của Eximbank là **6.090.000** cổ phiếu. Eximbank không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2015.

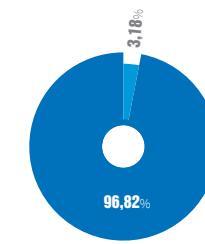
Các chứng khoán khác: Eximbank không phát hành chứng khoán khác trong năm 2015.



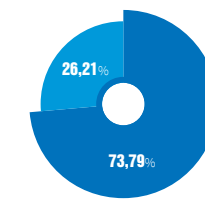
Danh mục	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)	23,19
Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	76,81



Danh mục	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông tổ chức	65,41
Cổ đông cá nhân	34,59



Danh mục	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông nhà nước	3,18
Cổ đông khác	96,82
Cổ đông sáng lập	0,00



Danh mục	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông trong nước	73,79
Cổ đông nước ngoài	26,21

Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)	286.574.338	23,19
	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	948.948.556	76,81
2	Cổ đông tổ chức	808.184.385	65,41
	• Trong nước	486.581.891	39,38
	• Ngoài nước	321.602.494	26,03
3	Cổ đông cá nhân	427.338.519	34,59
	• Trong nước	425.068.990	34,40
	• Ngoài nước	2.269.529	0,18
4	Cổ đông trong nước	911.650.881	73,79
	Cổ đông nước ngoài	323.872.023	26,21
	Cổ đông nhà nước	39.274.536	3,18
4	Cổ đông khác	1.196.248.368	96,82
	Cổ đông sáng lập	0	0,00
	Tổng số cổ phần	1.235.522.904	-

Tuân thủ pháp luật VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



Eximbank luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường

EXIMBANK ĐẢM BẢO TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI. BÊN CẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, EXIMBANK CÒN TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, CHĂM LO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN, ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG NƠI RIÊNG VÀ XÃ HỘI NÓI CHUNG.

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lương, thưởng

Trong năm 2015, nhằm khuyến khích Chi nhánh, Phòng giao dịch tập trung đẩy mạnh tăng trưởng các mục tiêu kinh doanh chính, cũng như nhằm tạo động lực, tinh thần làm việc cho cán bộ nhân viên ở các nghiệp vụ khác nhau, Eximbank phát động phong trào thi đua, khen thưởng và triển khai áp dụng nhiều loại khen thưởng khác nhau trong nghiệp vụ như tín dụng, thẻ, thanh toán quốc tế, vàng...

Bên cạnh đó, trong năm 2015, nhằm kịp thời biểu dương khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật trong hoạt động kinh doanh, Eximbank tiếp tục duy trì giải thưởng Bông Mai và thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2015 cho các đơn vị, cá nhân có kết quả kinh doanh tốt, hoàn thành kế hoạch năm 2015.

Số lượng cán bộ nhân viên bình quân và mức lương bình quân xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015, phần Thuyết minh mục 33 "Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên".



Chính sách quy hoạch, phát triển nghề nghiệp cho CBNV

Công tác quy hoạch cán bộ các cấp được Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đặc biệt quan tâm nhằm chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng cán bộ kế thừa phục vụ nhu cầu phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động cũng như để chủ động trong công tác cán bộ.

Năm 2015, nhằm tạo dựng một đạo ngũ cán bộ kế thừa cho Chi nhánh và Phòng giao dịch, Eximbank tổ chức thi tuyển các chức danh Lãnh đạo cho Chi nhánh và Phòng giao dịch. Đồng thời, Eximbank tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo chức danh Giám đốc Chi nhánh và Giám đốc Phòng giao dịch dự bị.

Ngoài ra, định kỳ Eximbank tổ chức kiểm tra trình độ, chuyên môn, kiến thức nghiệp vụ của nhân viên theo từng nghiệp vụ để đánh giá hiệu quả công việc, tinh thần, tiềm năng phát triển để định hướng lộ trình thăng tiến nghề nghiệp cho CBNV.



Chính sách đào tạo

Eximbank khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ nhân viên được nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình để phục vụ cho công việc theo nhiều hình thức như: cử cán bộ nhân viên tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước do Viện, Trường Đại học, đối tác chiến lược, Ngân hàng đại lý tổ chức; hỗ trợ học phí và tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo sau đại học, văn bằng 2 liên quan đến chuyên môn; cử cán bộ tham gia các Hội thảo, các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ... để đáp ứng nhu cầu công việc.

Eximbank còn tự tổ chức thực hiện việc đào tạo và huấn luyện nâng cao các nghiệp vụ chuyên môn lẫn kỹ năng quản trị ngân hàng cho cán bộ nhân viên.

Trong năm 2015, Trung tâm đào tạo Eximbank tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện được 133 lớp đào tạo với 4.090 lượt người học. Trong đó:

Đào tạo nhân viên mới tuyển dụng:	04 lớp	139 học viên
Đào tạo cán bộ quản lý:	07 lớp	179 học viên
Đào tạo cán bộ bán hàng:	14 lớp	439 học viên
Tập huấn nghiệp vụ cho CBNV:	101 lớp	3.078 học viên
Các lớp khác:	7 lớp	255 học viên

Chính sách đãi ngộ

Thể hiện sự quan tâm đối với cán bộ, nhân viên có thâm niên công tác và có thời gian gắn bó lâu dài với Eximbank, từ tháng 05/2012 Eximbank đã ban hành và áp dụng "chính sách thâm niên đối với cán bộ nhân viên". Theo đó, cán bộ nhân viên đủ 5 năm công tác được hưởng mức phụ cấp thâm niên.

Ngoài ra, trong năm 2015 Eximbank vẫn tiếp tục tìm kiếm các quỹ đất để thực hiện "chính sách nhà ở" đối với cán bộ nhân viên nhằm tạo sự gắn kết giữa CBNV với Eximbank.

Chính sách an toàn, sức khỏe cho CBNV

Eximbank luôn chú trọng đến việc đảm bảo sức khỏe cho CBNV trong công tác. Vì vậy, hằng năm Eximbank trích một phần lợi nhuận để chăm lo cho sức khỏe của cán bộ là đoàn viên công đoàn cấp cơ sở thông qua các hoạt động: tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tập trung cho tất cả cán bộ nhân viên; tổ chức các hội thao để cán bộ nhân viên rèn luyện sức khỏe; kịp thời thăm hỏi và hỗ trợ kinh phí điều trị đối với CBNV bị bệnh;... Trên tinh thần đó, số người lao động gặp các vấn đề về sức khỏe và bệnh nghề nghiệp tại Eximbank luôn ở tỷ lệ rất thấp trong những năm qua.

4.090 lượt
NGƯỜI ĐƯỢC ĐÀO TẠO
QUA 133 KHÓA HỌC

BÁO CÁO
LIÊN QUAN ĐẾN

trách nhiệm



ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

TỪ NĂM 2009 (NĂM EXIMBANK THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN) ĐẾN NAY, NGOÀI CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU, CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ, EXIMBANK CŨNG ĐÃ QUAN TÂM ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH TỪ THIỆN, CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG, CHỦ YẾU LÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN: TRAO HỌC BỔNG, TÀI TRỢ Y TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI...

- ❖ **Hỗ trợ cho UBND tỉnh Quảng Trị** xây dựng công viên Thanh thiếu niên
- ❖ **Hỗ trợ UBND tỉnh Bình Định** xây dựng trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn
- ❖ **Hỗ trợ xây dựng nghĩa trang liệt sỹ Duy Hòa**, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
- ❖ **Hỗ trợ xây dựng nhà tình thương** cho Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tại tỉnh An Giang
- ❖ **Ủng hộ hàng trăm học bổng** cho các học sinh nghèo thuộc các tỉnh vùng sâu, vùng xa, các trường Đại học và các chương trình tri ân/hỗ trợ chăm lo người nghèo đón Tết trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh...

Ngoài các chương trình nói trên, Eximbank luôn cố gắng hỗ trợ cho các chương trình từ thiện của cộng đồng trên địa bàn do các tổ chức có uy tín phát động như: chăm lo quà Tết Ất Mùi cho Hội Nông dân tại TP.HCM, Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận Gò Vấp; hỗ trợ chương trình “Nghĩa tình Quận 3” Tết Ất Mùi 2015; hỗ trợ cho Hội Thanh niên Khuyết tật và chương trình Vinh quang Doanh nhân cứu chiến binh Việt Nam, hỗ trợ cho Ban Liên lạc Hữu trí Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh TP.HCM.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 48 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.
- 59 Tình hình tài chính.
- 60 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
- 66 Kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- 68 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

ĐỐI VỚI EXIMBANK, NĂM 2015 LÀ MỘT NĂM ĐẦY KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH. NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ SỰ THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ CẤP CAO ĐÃ ẢNH HƯỞNG PHẦN NÀO ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA EXIMBANK.

Các chỉ tiêu kinh doanh chính như tổng tài sản, vốn huy động, dư nợ cấp tín dụng, lợi nhuận trước thuế đều chưa đạt kế hoạch đề ra. Tính đến cuối năm 2015, tổng tài sản giảm 22%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư giảm 3%, dư nợ cấp tín dụng giảm 1,8% so với năm 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 61 tỷ đồng, hoàn thành 6,1% kế hoạch.

Mặc dù kết quả lợi nhuận của Eximbank chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng hoạt động của Eximbank vẫn phát triển ổn định và kết quả trên đã phản ánh đúng quyết tâm của Eximbank trong việc quyết liệt xử lý các vấn đề còn tồn đọng của những năm trước, đặc biệt là vấn đề xử lý nợ xấu và tăng cường trích lập dự phòng, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống mức 1,86%. Cơ cấu tài sản từng bước được tái cấu trúc vững chắc hơn, tạo nền móng cho phát triển bền vững.

Về công tác quản trị điều hành, Eximbank tiếp tục cải tổ bộ máy điều hành tại Hội sở theo hướng năng động, xử lý nhanh các yêu cầu của các đơn vị kinh doanh; đẩy mạnh hoạt động của các phòng giao dịch; sắp xếp lại địa điểm kinh doanh của các đơn vị đảm bảo cho việc kinh doanh thuận lợi; xây dựng và thực hiện chính sách khen thưởng theo kết quả kinh doanh; tăng cường đào tạo, đặc biệt là đào tạo lãnh đạo và



1,86%
TỶ LỆ NỢ XẤU XUỐNG MỨC THẤP &
TĂNG CƯỜNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

cán bộ bán hàng; tăng cường công tác quản lý rủi ro, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng...

Bên cạnh đó, Eximbank đẩy mạnh triển khai các dự án trọng tâm về công nghệ thông tin, liên tục cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ Ngân hàng điện tử.

TRONG NĂM 2015 EXIMBANK ĐÃ KÝ HỢP ĐỒNG TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP COREBANKING FINACLE.

Đây là cơ hội để Eximbank tận dụng thế mạnh của giải pháp Corebanking để triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo sự khác biệt về sản phẩm dịch vụ, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế và nâng cao vị thế cạnh tranh.



DỊCH VỤ **CÁ NHÂN**
NGÂN HÀNG

 **Huy động VỐN CÁ NHÂN**

ĐẾN 31/12/2015 SỐ DƯ HUY ĐỘNG VỐN CÁ NHÂN ĐẠT 70.322 TỶ ĐỒNG, TĂNG 7% SO ĐẦU NĂM, VỚI QUY MÔ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN CHIẾM ĐẾN 96% TỔNG LƯỢNG KHÁCH HÀNG CỦA EXIMBANK, ĐẠT 1.011.048 KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN, TĂNG 13% SO VỚI ĐẦU NĂM.

Cơ cấu nguồn vốn huy động trong năm 2015 được thay đổi tích cực theo xu hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn trung dài hạn (từ tỷ trọng 17% năm 2014 lên tỷ trọng 22% năm 2015), đảm bảo tính ổn định của nguồn vốn huy động và đáp ứng nhu cầu cho vay trung dài hạn.

Để đạt được các kết quả tích cực trong 2015, Eximbank đã

luôn chủ động, kịp thời trong các chính sách huy động vốn, phù hợp với chính sách của Ngân hàng Nhà nước và với xu hướng thị trường. Bên cạnh đó, Eximbank cũng đã không ngừng nỗ lực, đưa ra các giải pháp chăm sóc khách hàng tốt hơn, nâng cao sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đa dạng hoá kết hợp công nghệ hiện đại, đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

Các sản phẩm huy động Eximbank cung cấp đến các khách hàng cá nhân - 15 sản phẩm.

- ❖ Combo tiền gửi thanh toán.
- ❖ Tiết kiệm có kỳ hạn tự chọn.
- ❖ Tiết kiệm Eximbank VIP,
- ❖ Tiết kiệm Trưởng Phát Lộc,
- ❖ Tiết kiệm Online,
- ❖ Tiết kiệm Phúc Bảo An,
- ❖ Tiết kiệm 50+,
- ❖ Tiết kiệm cho con yêu,
- ❖ Tiết kiệm tích lũy tiền lương,...

cùng nhiều tiện ích (dịch vụ nhận tin nhắn SMS thông báo ngày đến hạn gửi, tiết kiệm...).

1.011.048
KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
↗ 13% SO VỚI ĐẦU NĂM



Tín dụng CÁ NHÂN

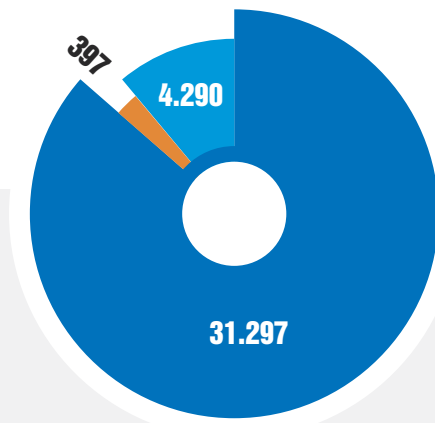
35.985 TỶ VNĐ
DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN, ĐẠT 112% SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2015, ↗18% SO VỚI 2014

Trong năm 2015, bên cạnh việc đào tạo và phát triển đội ngũ bán hàng RBO có nghiệp vụ chuyên sâu, am hiểu thị trường nhằm đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ, Eximbank tiếp tục triển khai các chương trình cho vay mua nhà, mua phương tiện vận tải (ô tô), sản xuất kinh doanh,... với lãi suất ưu đãi, tập trung vào phân khúc khách hàng có nguồn thu nhập ổn định.

Đến 31/12/2015, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân là 35.985 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch năm 2015, tăng 18% so với 2014, chiếm tỷ trọng 42% trên tổng dư nợ hệ thống. Trong đó, dư nợ bán lẻ đạt 31.694 tỷ đồng và tăng xấp xỉ 9.300 tỷ so với năm 2014.

Cơ cấu dư nợ KHCN (Tỷ đồng)

■ Bán lẻ	31.297
■ Khác	4.290
■ Thẻ, thấu chi	397



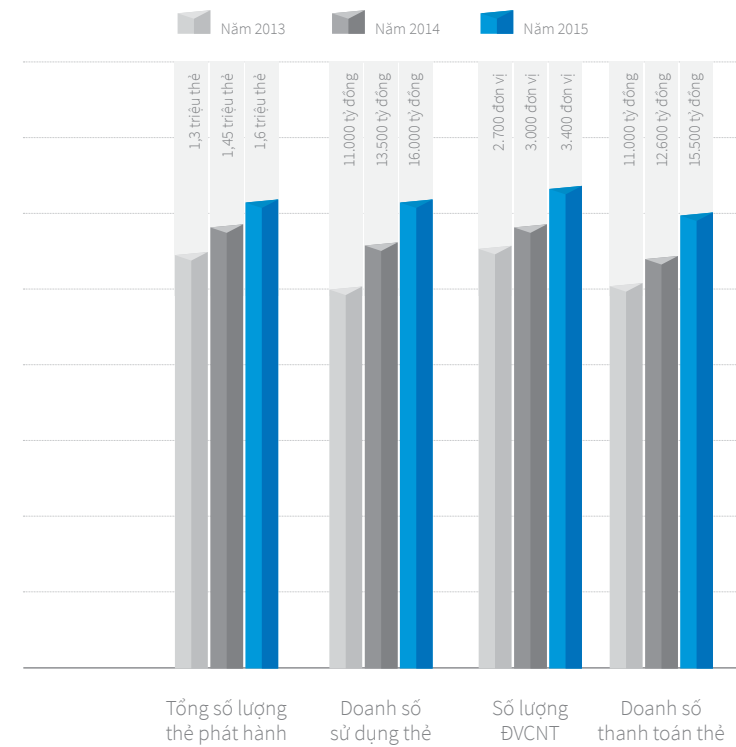
Hoạt động PHÁT HÀNH VÀ THANH TOÁN THẺ

1,6 TRIỆU THẺ
↗11% SO VỚI 2014, DOANH SỐ SỬ DỤNG THẺ ĐẠT 16.000 TỶ ĐỒNG, ↗18% SO VỚI NĂM 2014

Trong năm 2015, tổng số lượng thẻ phát hành đạt 160.000 thẻ, nâng tổng số lượng thẻ đã phát hành lên 1,6 triệu thẻ, tăng 11% so với năm 2014. Doanh số sử dụng thẻ đạt 16.000 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2014.

Mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ của Eximbank đạt gần 3.400 đơn vị với hơn 6.800 máy POS và 260 máy ATM phân bố tại các địa bàn trọng điểm trên toàn quốc. Tổng doanh số thanh toán trong năm 2015 qua các kênh thanh toán POS và ATM đạt kết quả khả quan với 15.500 tỷ đồng, tăng 22% so cùng kỳ năm trước.

Tăng trưởng thẻ Eximbank giai đoạn 2013-2015



Hiện tại, cùng với sự sáp nhập của hai liên minh thẻ Smartlink và Banknet, Eximbank đã mở rộng kết nối liên thông hệ thống ATM, POS với các ngân hàng lớn tại Việt Nam và đa dạng hóa loại hình kinh doanh của điểm chấp nhận thanh toán thẻ, đáp ứng nhu cầu sử dụng thẻ của khách hàng.

Trong năm 2015, Eximbank đã triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ, gia tăng tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nổi bật như các sản phẩm: Thẻ đồng thương hiệu tín dụng và ghi nợ Jetstar – Eximbank JCB, Thẻ ghi nợ quốc tế JCB, Chương trình Trả góp lãi suất ưu đãi với thẻ tín dụng Eximbank, nâng cao chất lượng dịch vụ bảo mật thanh toán 3D Secure cho thẻ quốc tế, mở rộng mạng lưới cổng thanh toán trực tuyến chấp nhận thẻ của Eximbank và gia tăng tiện ích thẻ trên Internet Banking...

NGOÀI RA, NHẪM MỤC TIÊU CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG TỐT HƠN NỮA, EXIMBANK ĐÃ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢNG BÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THẺ VÀ TRIỂN KHAI NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI, KHUYẾN MÃI VỚI NHIỀU HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHONG PHÚ, ĐA DẠNG ĐÃ THU HÚT NHIỀU SỰ QUAN TÂM CỦA KHÁCH HÀNG.

Dịch vụ CHUYỂN TIỀN đi nước ngoài



Tổng doanh số chuyển tiền đi nước ngoài của khách hàng cá nhân năm 2015 tăng 8% so với năm 2014 và đạt 78% kế hoạch năm 2015. Trong đó, doanh số chuyển tiền du học chiếm 70% tổng doanh số chuyển tiền đi nước ngoài, tăng 2% so với năm 2014. Trong năm, Eximbank điều chỉnh giới hạn hạn mức chuyển tiền nên dịch vụ có phần tăng trưởng chậm.

Thị trường chuyển tiền nhiều nhất vẫn là thị trường Mỹ, kế đến là Úc, Canada, Hong Kong, Anh,...

Eximbank hiện đang cung cấp 02 kênh chuyển tiền ra nước ngoài gồm: Chuyển tiền qua hệ thống SWIFT và Chuyển tiền nhanh qua MoneyGram, khách hàng có thể lựa chọn kênh chuyển tiền phù hợp nhu cầu với chi phí cạnh tranh. Trong thời gian sắp tới, Eximbank sẽ mở rộng thêm kênh chuyển tiền nhanh để đẩy mạnh và tăng trưởng doanh số chuyển tiền đi nước ngoài.

Dịch vụ CHI TRẢ KIỀU HỐI

NĂM 2015, TỔNG DOANH SỐ KIỀU HỐI CỦA KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TĂNG 53% SO CÙNG KỲ NĂM 2014 VÀ ĐẠT 104% KẾ HOẠCH NĂM 2015. THỊ TRƯỜNG KIỀU HỐI CHUYỂN VỀ VẤN TẬP TRUNG CHỦ YẾU TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG TRUYỀN THỐNG NHƯ MỸ, NHẬT, ÚC, ĐỨC.

Trong năm, Eximbank đã ký kết hợp tác với 04 đối tác kiều hối mới, mở rộng thêm đối tác và thị trường Châu Âu, Mỹ, Mã Lai, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng nhận tiền từ người thân ở nước ngoài chuyển về Việt Nam một cách thuận tiện, nhanh chóng.

Bên cạnh đó, Eximbank cũng đã mở rộng thêm kênh chi trả kiều hối mới, gồm:

“Điểm giao dịch chuẩn - Red Kiosk”
- Đây là mô hình đại lý phụ chuẩn đầu tiên của MoneyGram tại thị trường Việt Nam nhằm tạo điểm giao dịch khác biệt và chuyên nghiệp hóa dịch vụ, thu hút khách hàng đến giao dịch nhận kiều hối MoneyGram.

“Kênh chi trả kiều hối NHANH” vào tài khoản/thẻ qua hệ thống Banknetvn.

Đây là kênh dịch vụ chi trả kiều hối “Nhanh” đầu tiên tại Eximbank và cũng như tại thị trường Việt Nam. Dịch vụ kết nối thanh toán trực tuyến từ phía đầu gửi, người nhận có thể nhận được tiền vào tài khoản trong vòng vài phút sau khi người chuyển hoàn tất thủ tục chuyển tiền. Kênh chi trả kiều hối này hoạt động suốt 24/24 giờ và 7/7 kể cả ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ. Do vậy, kênh chi trả này được xem là bước đột phá giúp cho dịch vụ kiều hối Eximbank cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, kiều hối Eximbank đã và đang không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư cải tiến công nghệ cho các kênh thanh toán nhanh, tiện lợi, an toàn nhằm đa dạng hóa các kênh chi trả kiều hối và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG **DOANH NGHIỆP**

Huy động VỐN KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN TỪ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TRONG NĂM 2015 ĐÁNH DẤU SỰ THAY ĐỔI TÍCH CỰC TRONG CƠ CẤU HUY ĐỘNG THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VÀ KỶ HẠN TIỀN GỬI.

Eximbank đã triển khai các chương trình nhằm gia tăng tiền gửi thanh toán để tạo nguồn vốn với lãi suất tốt, gia tăng tiền gửi trung dài hạn để cải thiện tỷ trọng giữa huy động trung dài hạn và cho vay trung dài hạn. Đồng thời, Eximbank cũng triển khai nhiều chương trình khuyến mãi để thu hút nguồn vốn từ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).

Kết quả là Eximbank tăng trưởng mạnh tỷ trọng tiền gửi thanh toán (tăng tỷ trọng thêm 15%), cải thiện đáng kể kết quả huy động vốn trung dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu về hoạt động cho vay trung dài hạn và gia tăng tỷ trọng huy động vốn từ khách hàng doanh nghiệp SMEs.

Hoạt động Tín dụng doanh nghiệp

Trong năm 2015, định hướng hoạt động kinh doanh mảng doanh nghiệp có nhiều sự thay đổi theo hướng cải thiện cơ cấu dư nợ doanh nghiệp theo phân khúc khách hàng, cơ cấu lại việc cấp tín dụng cho doanh nghiệp theo loại tài sản, gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh theo hướng tăng cường đẩy mạnh phân khúc doanh nghiệp mang lại hiệu quả cao cho toàn hệ thống. Theo đó, Eximbank đã tăng trưởng mạnh mảng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) với chất lượng tín dụng cao, mức độ rủi ro được kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả kinh doanh tăng trưởng tốt.

Với lợi thế là một ngân hàng chuyên về tài trợ vốn cho hoạt động xuất nhập khẩu, Eximbank cũng đã cơ cấu lại hoạt động cho vay doanh nghiệp theo hướng tập trung tài trợ vốn cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp thông qua chính

sách tín dụng, chính sách lãi suất và sản phẩm dịch vụ. Do đó, hoạt động tài trợ vốn đối với các đối tượng này trong năm qua cũng có nhiều sự cải thiện đáng kể.

Hoạt động doanh nghiệp SMEs tăng trưởng mạnh trong năm qua do có sự đóng góp lớn từ đội ngũ quan hệ khách hàng (RM) với tỷ lệ tăng trưởng trên 10% cả về số lượng và dư nợ, đồng thời đội ngũ này góp phần làm tăng trưởng các mảng hoạt động khác trong hệ thống. Đội ngũ quan hệ khách hàng (RM) ngày càng lớn mạnh và vững vàng với kiến thức được đào tạo tốt sẽ là một lực lượng nòng cốt trong việc tiếp thị, tư vấn và chăm sóc khách hàng trong thời gian tới của toàn hệ thống.

Thêm vào đó, Eximbank cũng nhận được nhiều sự tin tưởng của các cơ quan ban ngành và tham gia rất

tích cực các chủ trương của Nhà nước thông qua việc phối hợp với UBND, các sở ngành, Ngân hàng Nhà nước để triển khai các chương trình bao gồm: cho vay chương trình bình ổn của TP.HCM, cho vay các doanh nghiệp cung ứng hàng hóa cho doanh nghiệp bình ổn thị trường, chương trình tín dụng hỗ trợ nông thôn, chương trình kết nối ngân hàng và doanh nghiệp.

VỚI NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÃ TRIỂN KHAI ĐỂ GIA TĂNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THEO ĐỊNH HƯỚNG KHÁCH HÀNG TRỌNG TÂM, EXIMBANK ĐÃ GẶT HÁI ĐƯỢC KẾT QUẢ TÍCH CỰC TRONG NĂM QUA.

Hoạt động THANH TOÁN QUỐC TẾ

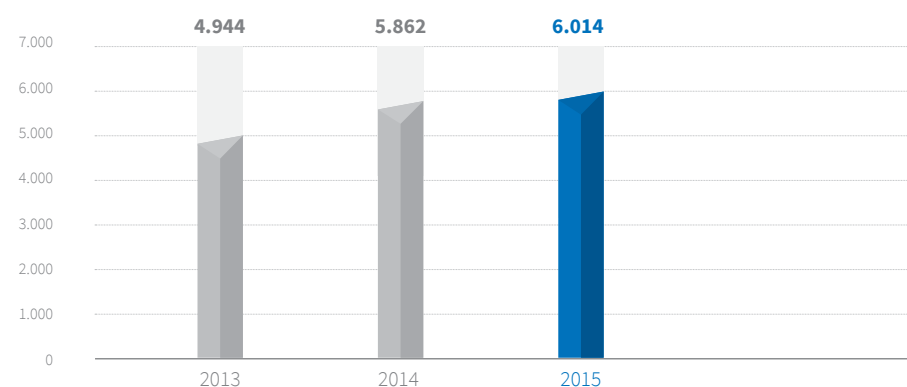
6.014 TRIỆU USD
DOANH SỐ THANH TOÁN QUỐC TẾ
NĂM 2015, **↗ 2,6% SO VỚI NĂM 2014**

Đẩy mạnh tăng trưởng hoạt động thanh toán quốc tế, nâng cao chất lượng dịch vụ là một trong những mục tiêu quan trọng của Eximbank trong năm 2015. Mặc dù hoạt động ngân hàng vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do sự phức tạp của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, Eximbank cũng đã cố gắng duy trì mức tăng trưởng trong hoạt động thanh toán quốc tế vốn là thế mạnh truyền thống của Ngân hàng.

Với thế mạnh về thương hiệu và chính sách tài trợ xuất nhập khẩu, Eximbank hướng đến mục tiêu tập trung vào giá trị cốt lõi với những chính sách đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang lại những giá trị gia tăng cho khách hàng. Đây sẽ là những công cụ hiệu quả để tiếp tục duy trì và phát huy nền tảng phát triển vững chắc hoạt động thanh toán quốc tế của Eximbank trong những năm tới.

Doanh số thanh toán quốc tế qua các năm

ĐVT: Triệu USD



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ



Dịch vụ Ngân hàng điện tử của Eximbank giúp khách hàng quản lý tài khoản và thực hiện các giao dịch tài chính với ngân hàng dễ dàng, thuận tiện, mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian và chi phí. Khách hàng có thể thực hiện hầu hết các giao dịch tài chính với ngân hàng thông qua các kênh Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking mà không cần phải đến điểm giao dịch của Eximbank.

Hiện nay, dịch vụ ngân hàng điện tử của Eximbank đã cung cấp các tiện ích từ cơ bản đến nâng cao, đáp ứng phần lớn nhu cầu của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Thông qua dịch vụ ngân

hàng điện tử, khách hàng có thể theo dõi hoặc thực hiện các giao dịch như:

- ❖ Truy vấn thông tin tài khoản, lãi suất, địa điểm PGD/ATM, tích lũy điểm thưởng...;
- ❖ Chuyển tiền trong và ngoài hệ thống Eximbank (chuyển khoản theo lô, chuyển tiền nhanh liên ngân hàng, đặt lịch giao dịch chuyển tiền định kỳ...);
- ❖ Thanh toán hóa đơn (điện, nước, viễn thông, truyền hình cáp, vé máy bay...);
- ❖ Tiền gửi tiết kiệm trực tuyến;
- ❖ Nạp tiền điện thoại (VnTopup);
- ❖ Quản lý tín dụng (trả nợ vay, thanh toán dư nợ thẻ tín dụng);
- ❖ Dịch vụ thẻ: Mở/khóa thẻ, cấp lại PIN, thay đổi thông tin thẻ, dịch vụ SMS thẻ, dịch vụ thanh toán trực tuyến bằng thẻ nội địa, phát hành thẻ;
- ❖ Dịch vụ chi lương dành cho doanh nghiệp, đăng ký dịch vụ SMS Banking trực tuyến...

Nhằm đảm bảo tính an toàn bảo mật cũng như tạo sự an tâm cho khách hàng trong giao dịch ngân hàng

điện tử, Eximbank đã triển khai các hình thức xác thực giao dịch trực tuyến của khách hàng khi thực hiện trên kênh Internet Banking/Mobile Banking như SMS OTP, Mobile OTP và chứng thư số (PKI Token).

Ngoài ra, bên cạnh việc liên tục cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ Ngân hàng điện tử, Eximbank đã xây dựng nhiều chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi và quảng bá sản phẩm, qua đó đã thu hút khách hàng đăng ký và sử dụng các dịch vụ Ngân hàng điện tử. Cụ thể đã triển khai các chương trình trong năm 2015 gồm: “Tưng bừng khuyến mãi cùng Ebanking”, “Ebanking – 90 ngày tăng trưởng khách hàng doanh nghiệp”, “Nạp tiền Topup, nhận quà hấp dẫn”, “Tỷ giá ưu đãi cùng Internet Banking”...



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ TRONG NĂM 2015 ĐÃ ĐẠT KẾ HOẠCH ĐỀ RA, CỤ THỂ SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG TĂNG 16% VÀ LỢI NHUẬN TĂNG 29% SO VỚI NĂM 2014.

KINH DOANH VỐN

**MẶC DÙ MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH ĐẦY BIẾN
ĐỘNG NHỮNG NĂM
GẦN ĐÂY ĐÃ LÀM
HAO HỤT ĐÁNG KỂ
NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH,
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
NÓI CHUNG VÀ MẢNG
KINH DOANH LIÊN
NGÂN HÀNG NÓI RIÊNG,**

nhưng với chiến lược hoạt động linh hoạt, thích ứng nhanh nhạy với các thay đổi chính sách của Ngân hàng Nhà nước cũng như thị trường tiền tệ, bộ phận Kinh Doanh Vốn tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong đảm bảo thanh khoản và lợi nhuận của Eximbank, không ngừng đổi mới và hoàn thiện trong hoạt động quản lý và kinh doanh vốn:

- ❖ Cân đối dòng tiền đảm bảo thanh khoản toàn hệ thống.
- ❖ Theo dõi sự thay đổi của nguồn vốn - sử dụng vốn toàn hệ thống, thu thập và phân tích ảnh hưởng

của các thay đổi về lãi suất và tỷ giá trên thị trường, từ đó có các đề xuất chính sách liên quan đến huy động vốn và sử dụng vốn về cân đối vốn hiệu quả cho hệ thống.

- ❖ Cân đối nguồn vốn kinh doanh cho khối Kinh Doanh Tiền Tệ và thực hiện việc kinh doanh chênh lệch lãi suất trên thị trường vốn liên ngân hàng thông qua các hoạt động vay, cho vay, repo trái phiếu chính phủ, hoán đổi lãi suất và đầu tư giấy tờ có giá ngắn hạn dưới 01 năm.



KINH DOANH NGOẠI TỆ

**THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VIỆT
NAM ĐÃ CÓ SỰ BIẾN ĐỘNG
MẠNH TRONG NĂM 2015 KHI
NỀN KINH TẾ QUAY TRỞ LẠI
NHẬP SIÊU VÀ ẢNH HƯỞNG TỪ
VIỆC CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG
MỸ BƯỚC VÀO CHU KỲ TĂNG
LÃI SUẤT ĐỒNG USD CŨNG
NHƯ SỰ KIẾN NGÂN HÀNG
TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC ÁP
DỤNG CƠ CHẾ TỶ GIÁ MỚI ĐỐI
VỚI ĐỒNG NHÂN DÂN TỆ.**

Điều này đã tạo ra nhiều thách thức nhưng đồng thời cũng mang lại nhiều cơ hội cho hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Eximbank.

Với thế mạnh truyền thống trong hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu và kinh doanh ngoại tệ, Eximbank tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ để đáp ứng tối đa nhu cầu ngoại tệ của khách hàng, đồng thời không ngừng nâng cao các tiện ích giao dịch trực tuyến đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ nhằm tạo sự thuận tiện nhất có thể cho khách hàng khi giao dịch tại ngân hàng, qua đó tăng tính cạnh tranh và doanh số giao dịch.

Các hệ thống giao dịch và quản lý nội bộ tiếp tục được cải tiến để tiết kiệm thời gian xử lý giao dịch cho khách hàng, nâng cao hiệu quả và giảm thiểu rủi ro tác nghiệp. Eximbank cũng tăng cường công tác quản trị đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ, tuân thủ theo các quy định quản lý ngoại hối mới của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời không ngừng bồi dưỡng và nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kinh doanh của toàn hệ thống trong tình hình mới.

Doanh số kinh doanh ngoại tệ đối với khách hàng trong năm 2015 là 41 tỷ USD, đạt gần 80% kế hoạch đề ra.

KINH DOANH VÀNG

**NĂM 2015, NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC TIẾP TỤC QUẢN
LÝ CHẶT THỊ TRƯỜNG VÀNG
VỚI MỤC TIÊU ỔN ĐỊNH
MÀ THỐNG ĐỐC NGÂN
HÀNG NHÀ NƯỚC ĐÃ ĐỀ
RA. NHIỀU DOANH NGHIỆP,
NGÂN HÀNG THU HẸP HOẠT
ĐỘNG KINH DOANH VÀNG.**

Eximbank – với lợi thế là ngân hàng có uy tín lâu năm trong hoạt động kinh doanh vàng, có lượng khách hàng lớn, mạng lưới Chi Nhánh, Phòng Giao Dịch được Ngân hàng Nhà nước cấp phép kinh doanh mua bán vàng miếng rộng khắp - đã tập trung đẩy mạnh hoạt động bán lẻ vàng với phương châm đáp ứng tốt nhất nhu cầu mua bán của khách hàng tại các địa bàn Eximbank có điểm giao dịch, luôn hướng đến hoàn thiện, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Cụ thể, Eximbank đã thực hiện các chính sách động viên, khuyến khích

nhân viên hết lòng vì công việc, ngày càng hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ, đồng thời, áp dụng các biện pháp công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu suất, rút ngắn thời gian tác nghiệp, tăng hiệu quả trong việc phục vụ khách hàng.

**NHỜ ĐÓ, THỊ PHẦN EXIMBANK ĐƯỢC MỞ
RỘNG VÀ HIỆN ĐANG CHIẾM THỊ PHẦN
LỚN NHẤT TRONG CẢ NƯỚC.**

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.871 TỶ VNĐ
SỐ DƯ DANH MỤC TRÁI PHIẾU CUỐI KỶ

Năm 2015 mặc dù tình hình kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, trong đó đáng kể là việc giảm sâu của giá dầu thế giới và sự biến động mạnh của tỷ giá, tuy nhiên thị trường chứng khoán đã có mức tăng trưởng khá tốt trong đó chỉ số VN Index có mức tăng trưởng 6,1% so với cuối năm 2014.

Đối với cổ phiếu, tiếp tục thực hiện chủ trương cơ cấu lại các khoản đầu tư Eximbank theo hướng không thực hiện đầu tư mới và thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả.

Đối với trái phiếu, Eximbank duy trì danh mục đầu tư vào các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, có uy tín trên thị trường với tỷ suất sinh lợi tốt. Do đó, mặc dù lãi suất trong năm 2015 giảm nhưng danh mục trái phiếu vẫn đem lại một phần lợi nhuận không nhỏ cho Eximbank.

Số dư danh mục trái phiếu cuối kỳ đạt 13.871 tỷ đồng trong đó bao gồm: 4.072 tỷ trái phiếu chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương; 4.600 tỷ trái phiếu tổ chức tín dụng và 5.198 tỷ trái phiếu doanh nghiệp.

PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG

Nền tảng khách hàng của Eximbank tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá nhờ những nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ, cải tiến sản phẩm dịch vụ. Tổng số lượng khách hàng của Eximbank đến cuối năm 2015 đạt gần 1,06 triệu khách hàng, tăng 13% so với năm 2014.

Trong đó:

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN CHIẾM TỶ TRỌNG 96%
↗12,5% SO VỚI SO VỚI ĐẦU NĂM
TƯƠNG ĐƯƠNG 113 NGHÌN KHÁCH HÀNG

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CHIẾM TỶ TRỌNG 4%
↗16,8% SO VỚI SO VỚI ĐẦU NĂM
TƯƠNG ĐƯƠNG 7 NGHÌN KHÁCH HÀNG

 Tình hình tài sản

16,52%
CHỈ SỐ AN TOÀN VỐN CAR VÀ CÁC QUỸ ĐƯỢC TRÍCH LẬP TỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÓ SỐ DƯ TÍCH LŨY HƠN 1.500 TỶ ĐỒNG

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán, hoạt động của Eximbank riêng trong 2015 đã thể hiện trạng thái ổn định, an toàn của ngân hàng. Tổng tài sản của ngân hàng năm 2015 là 124.850 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế là 61 tỷ đồng; các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế có số dư tích lũy hơn 1.500 tỷ đồng; tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,86% tổng dư nợ, đây là tỷ lệ nợ xấu thấp trong hệ thống ngân hàng. Lợi nhuận trước thuế ở mức 61 tỷ đồng cho thấy Hội đồng Quản trị đã mạnh tay trích lập dự phòng và xử lý tổn động theo các nguyên tắc, tôn chỉ minh bạch đã nêu. Chỉ số an toàn vốn CAR là 16,52%, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn là 48,79% và tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi là 78,65%.

 Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2015 Eximbank đã điều chỉnh chính sách huy động theo hướng nâng dần tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng cá nhân và gia tăng tiền gửi thanh toán

của khách hàng doanh nghiệp nhằm cải thiện cơ cấu vốn huy động, duy trì và phát triển nguồn vốn ổn định với chi phí thấp. Kết quả là vốn huy động từ khách hàng cá nhân đã tăng gần



7% trong năm 2015, tỷ trọng tiền gửi thanh toán trong tổng nguồn vốn huy động từ thị trường 1 được cải thiện từ mức 11% năm 2014 lên mức 14% năm 2015.

KẾT QUẢ LÀ VỐN HUY ĐỘNG TỪ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN ĐÃ TĂNG GẦN 7% TRONG NĂM 2015, TỶ TRỌNG TIỀN GỬI THANH TOÁN TRONG TỔNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG TỪ THỊ TRƯỜNG 1 ĐƯỢC CẢI THIỆN TỪ MỨC 11% NĂM 2014 LÊN MỨC 14% NĂM 2015.

Dựa trên tín hiệu tích cực của 2015, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Eximbank đã và đang phối hợp cùng các cổ đông, đặc biệt là cổ đông chiến lược Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC là một định chế tài chính toàn cầu hàng đầu đến từ Nhật Bản và nhà đầu tư chiến lược đã đồng hành với Eximbank từ năm 2008) để ra một số phương án khả thi nhằm xây dựng Eximbank trở lại vị thế hàng đầu trong số các ngân hàng TMCP.

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

VỚI MỤC TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRONG HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ NGÂN HÀNG, EXIMBANK ĐÃ THÀNH LẬP PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀO THÁNG 10/2013.

Trong năm 2015, Eximbank đã tiếp nhận 43.000 ý kiến của khách hàng thông qua bộ phận chăm sóc khách hàng Call Center liên quan đến tư vấn, hỗ trợ giải đáp các thắc mắc/phản ánh về các sản phẩm dịch vụ, thái độ phục vụ của nhân viên; Trên cơ sở các cuộc gọi này, các bộ phận liên quan đã tổng hợp/phân tích để điều chỉnh các chính sách, quy định về sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng trong khuôn khổ luật định. Đồng thời từ các phản ánh khách hàng, Eximbank cũng tổng hợp thành các bài học tình huống, phổ biến cho các giao dịch viên tại các đơn vị trong hệ thống tham khảo và có giải pháp xử lý phù hợp. Bên cạnh đó, Ban Điều

hành cũng phát động chương trình thi đua chất lượng dịch vụ giữa các đơn vị trong hệ thống nhằm động viên khuyến khích các đơn vị nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và làm cơ sở cho việc đánh giá xếp loại các đơn vị hàng năm. Mặt khác, công tác giám sát và nâng cao chất lượng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp của nhân viên cũng được chú trọng thông qua việc tổ chức các đợt kiểm tra bí mật và các kỳ kiểm tra nghiệp vụ cho các đơn vị trong hệ thống nhằm đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân viên để từ đó làm cơ sở cho Ban lãnh đạo đơn vị trong hệ thống có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phù hợp nâng lực chuyên môn của từng cá nhân.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhận biết được rủi ro có thể phát sinh từ những thay đổi và thách thức trong môi trường kinh tế ngày nay, trong năm 2015 Eximbank tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện mô hình về quản trị rủi ro ở tất cả các cấp độ quản lý từ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đến Ban Điều hành và các Khối trên cả ba khía cạnh: cơ cấu tổ chức; chính sách, quy trình, quy định nội bộ và nhân sự thực thi phù hợp với quy mô, định hướng hoạt động kinh doanh.

Về mặt cơ cấu tổ chức, ở cấp độ Hội đồng Quản trị, Eximbank luôn đảm bảo nhân sự cho Ủy ban Quản lý rủi ro bao gồm các thành viên nước ngoài thông thạo các chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế kết hợp với

các thành viên người Việt Nam có sự thấu hiểu các đặc trưng rủi ro của thị trường Việt Nam.

Ở cấp độ Ban Điều hành, ngân hàng tiếp tục xây dựng, củng cố và tăng cường phạm vi hoạt động của các bộ phận quản lý rủi ro theo mô hình quản lý độc lập đã được SMBC tư vấn, bao gồm các phòng: Quản lý rủi ro tín dụng, Quản lý rủi ro thị trường, Quản lý rủi ro hoạt động.

Giữa hai cấp độ quản trị rủi ro luôn có sự trao đổi thông tin liên tục, kịp thời nhằm đảm bảo các thông tin rủi ro được nhận biết đầy đủ bởi tất cả các cá nhân có trách nhiệm. Đồng thời các bộ phận thuộc cấp độ Ban điều hành thường xuyên tham mưu cho Ủy ban Quản lý rủi

ro về những điều chỉnh cần thiết trong chính sách, quy trình quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro.

Trong năm 2015, Eximbank đã thực hiện xong dự án đánh giá thực trạng quản trị rủi ro và xây dựng chi tiết lộ trình triển khai Basel II được sự hỗ trợ từ Đơn vị tư vấn Ernst & Young. Hiện tại, Eximbank đã hoàn tất dự án này và tiếp tục xúc tiến các dự án lớn nhỏ khác nhau nhằm thu hẹp khoảng cách với hiệp định quốc tế Basel II, đảm bảo thực hiện đúng theo lộ trình do Ngân hàng Nhà nước đã đề ra.

Công tác quản trị rủi ro hiện nay tại Eximbank được thực hiện với các loại rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp.

Quản trị rủi ro TÍN DỤNG

Trong năm 2015, Eximbank tiếp tục duy trì thực hiện quản lý rủi ro tín dụng tập trung thông qua việc không tăng thẩm quyền quyết định tín dụng cho các Chi nhánh, PGD; tiếp tục giao thẩm quyền quyết định tín dụng cho các Giám đốc khu vực, Tổng giám đốc, Hội đồng tín dụng Hội sở, Hội đồng tín dụng Trung Ương để xử lý các hồ sơ vượt thẩm quyền của Chi nhánh, Phòng giao dịch.

Hoạt động giám sát tín dụng, tuân thủ quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước luôn được đặc biệt chú trọng. Đặc biệt trong năm 2015, Eximbank triển khai quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước

theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng nhà nước. Việc kiểm soát các điều kiện cấp tín dụng trước, trong, sau khi giải ngân và đánh giá lại tài sản bảo đảm được thực hiện thường xuyên nhằm đánh giá kịp thời chất lượng tín dụng của Eximbank để có biện pháp xử lý kịp thời.

Hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng là công cụ cơ bản để hỗ trợ quản lý rủi ro tín dụng. Từ năm 2013, Eximbank đã đưa hệ thống này vào vận hành để hỗ trợ công tác phê duyệt cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng. Trong năm 2015, Eximbank đã thuê công ty Ernst & Young Việt Nam để thực hiện kiểm định lại hệ thống nhằm đảm bảo mức độ tối ưu của hệ thống khi

được chính thức đưa vào sử dụng như một công cụ quản lý rủi ro của Eximbank.

MẶT KHÁC, TRONG NĂM 2015, EXIMBANK CŨNG ĐÃ THUÊ CÔNG TY ERNST & YOUNG VIỆT NAM THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ RỦI RO TẠI EXIMBANK ĐỂ CHUẨN BỊ CHO KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ÁP DỤNG BASEL II THEO LỘ TRÌNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC.

Quản trị rủi ro THANH KHOẢN

Thanh khoản là yếu tố quan trọng đối với các tổ chức tài chính. Hầu hết sự sụp đổ của các tổ chức tài chính đã xảy ra phần lớn là do không đảm bảo khả năng thanh khoản của nó. Để ngăn ngừa và xử lý các vấn đề về rủi ro thanh khoản, Eximbank đã xây dựng một

hệ thống các quy định, quy trình nội bộ đầy đủ, thận trọng về quản lý rủi ro thanh khoản bắt kịp với tiêu chuẩn chung của toàn ngành, tuân thủ các quy định về quản lý khả năng chi trả, quy định tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp hoạt động đặc thù của

Eximbank. Mô hình đánh giá sức chịu đựng (Stress-test) được Eximbank áp dụng nhằm phỏng đoán các trường hợp Ngân hàng đối mặt với các vấn đề về rủi ro thanh khoản, theo đó đưa ra các phương án xử lý, dự phòng tối ưu nhất.

Quản trị RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Quản lý rủi ro lãi suất: để kịp thời ứng phó, xử lý với rủi ro lãi suất, Eximbank đã nghiên cứu, xây dựng, triển khai các mô hình quản lý rủi ro lãi suất: chênh lệch kỳ hạn định lại giá của tài sản Có – tài sản Nợ (kỹ thuật GAP lãi suất), tỷ lệ nhạy cảm lãi suất (ISR), đánh giá rủi ro lãi suất theo phương pháp tính giá trị ròng đối với các hạng mục nhạy lãi (NPV). Eximbank sẽ tiếp tục nghiên cứu xây dựng, nâng cao hệ thống quy định nội bộ trong đó có Quy định quản lý rủi ro lãi suất nhằm đảm bảo an

toàn trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tuân thủ các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước cũng như từng bước tiếp cận thông lệ quốc tế mà trước mắt là Hiệp ước quốc tế Basel II.

Quản lý rủi ro tỷ giá: để quản lý rủi ro tỷ giá, Eximbank nghiên cứu xây dựng, ban hành các quy định về chính sách, hạn mức giao dịch, các công cụ đo lường và kiểm soát rủi ro ngoại hối tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của NHNN và pháp luật Việt

Nam; đồng thời đưa ra các sản phẩm phái sinh với mục đích ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro tỷ giá phát sinh.

Quản lý rủi ro giá đầu tư: để quản lý rủi ro giá đầu tư, Eximbank đã triển khai các phương pháp đo lường, đánh giá danh mục đầu tư theo giá thị trường, thiết lập các giới hạn rủi ro giá đầu tư (hạn mức đầu tư chứng khoán, hạn mức dừng lỗ, mức trích lập dự phòng rủi ro...) phù hợp với mục tiêu và chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Quản trị rủi ro HOẠT ĐỘNG HAY TÁC NGHIỆP

Quản lý rủi ro liên quan đến gian lận nội bộ

Eximbank đã ban hành các quy định nội bộ và điều kiện để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, cán bộ tín dụng trong khâu bổ nhiệm cán bộ, việc bổ nhiệm này chỉ được tập trung tại Hội sở, Chi nhánh, Khu vực không có thẩm quyền.

Eximbank luôn xem xét, đánh giá năng lực cán bộ của từng chi nhánh, phòng giao dịch để giao thẩm quyền phê duyệt tín dụng, thẩm quyền định giá phù hợp;

Tách bạch chức năng của cán bộ bán hàng và cán bộ thẩm định khoản vay theo quy trình tín dụng;

Ban hành các quy định mới để quản trị rủi ro, nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ...

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát sẽ được các Tổ KTKSNB tại chi nhánh thực hiện thường xuyên nhằm hạn chế các rủi ro như: nghiệp vụ tín dụng, thanh toán quốc tế, kế toán, ngân quỹ, thẻ;

Quản lý rủi ro liên quan đến việc gián đoạn hoạt động và lỗi hệ thống CNTT

Eximbank đã xúc tiến xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng tại Bình Dương và kế hoạch hoạt động liên tục khi có xảy ra sự cố như ứng phó về thanh khoản; ứng phó sự cố CNTT; xử lý khủng hoảng thông tin;

Quản lý rủi ro liên quan đến sản phẩm dịch vụ

Eximbank đã ban hành các quy định, hướng dẫn quy trình thực hiện cho từng sản phẩm dịch vụ cụ thể, chú trọng công tác đào tạo nhân viên mới, đảm bảo kiểm tra, kiểm soát chéo trong các nghiệp vụ, xây dựng và quản lý các hạn mức phê duyệt trên các hệ thống giao dịch phù hợp với mô hình mới của hoạt động kinh doanh và giới hạn rủi ro; phát huy vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ;

Rủi ro liên quan đến gian lận bên ngoài:

Eximbank luôn chú trọng công tác thẩm định khách hàng, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đối với từng sản phẩm, cập nhật thông tin liên quan đến các rủi ro để cảnh báo hệ thống;

Quản lý rủi ro liên quan đến công tác rửa tiền

Eximbank đã triển khai hệ thống phòng, chống rửa tiền để giám sát, phòng ngừa các giao dịch gian lận, giao dịch đáng ngờ;

Trong thời gian tới Eximbank sẽ xây dựng chính sách quản lý rủi ro hoạt động tiến tới hoàn thiện việc xây dựng phương pháp để đánh giá và xếp hạng chi nhánh; Xây dựng các công cụ để thu thập, phân tích và quản lý các tổn thất có liên quan đến rủi ro hoạt động; Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát; Đưa ra chỉ số rủi ro chính (Key risk indicator - KRI) để nhận diện các thay đổi tiềm ẩn của môi trường nội bộ và bên ngoài.



HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nhận thức về tầm quan trọng của CNTT, Eximbank đã đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng, đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại, thường xuyên nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng yêu cầu kinh

doanh và tuân thủ của Ngân hàng.

Nằm trong chiến lược phát triển chung của Ngân hàng, trong năm 2015 Eximbank tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống CNTT và đã đạt được các kết quả như sau:



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) ĐÓNG VAI TRÒ NÒNG CỐT TRONG QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN KINH DOANH VÀ ĐÁP ỨNG TUÂN THỦ CỦA MỘT NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI, LÀ CÔNG CỤ TẠO RA LỢI THẾ VÀ KHÁC BIỆT CẠNH TRANH TRÊN THỊ TRƯỜNG.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án trọng tâm trong Chương trình phát triển CNTT nhằm đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển kinh doanh giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến 2020, cụ thể như sau:

Trong năm 2015, Eximbank đã ký hợp đồng triển khai giải pháp Corebanking Finacle với công ty Infosys. Với việc lựa chọn giải pháp Corebanking hàng đầu thế giới được triển khai đầu tiên tại Việt Nam, đây là cơ hội để Eximbank tận dụng thế mạnh của giải pháp Corebanking để triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo sự khác biệt về sản phẩm dịch vụ, rút ngắn thời gian triển khai sản phẩm ra thị trường, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, nâng cao vị trí cạnh tranh.

Sau khi ký hợp đồng với công ty Schneider Electric IT Việt Nam để triển khai xây dựng Trung tâm dữ liệu hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế, trong năm 2015 Eximbank đã và đang đẩy nhanh việc xây dựng tòa nhà Trung tâm dữ liệu song song với việc lắp đặt thiết bị CNTT cho Trung tâm dữ liệu để có thể đưa Trung tâm dữ liệu chính thức vận hành trong năm 2016.

Duy trì sự ổn định trong vận hành đối với các hệ thống CNTT trọng yếu như Corebanking, hệ thống Thẻ, Internet Banking, Mobile Banking đã giúp Eximbank không chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh truyền thống mà còn cung cấp các dịch vụ mới cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh của Ngân hàng.

Tăng cường thực hiện các biện pháp kỹ thuật và các chính sách an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT, thực hiện công tác quản trị và giám sát vận hành hệ thống mạng, bảo mật đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn.

Tiếp tục hoàn thiện quy trình nội bộ về CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Trong năm 2015 Eximbank đã tiếp tục ban hành các quy định, quy trình quan trọng như quy định về quản lý mật khẩu, quy trình triển khai kế hoạch hoạt động liên tục, quy định quản lý chứng thư số và thiết bị lưu trữ chứng thư số...

Đồng bộ với chiến lược kinh doanh tập trung vào hoạt động bán lẻ, Eximbank hướng hoạt động CNTT tập trung vào

hỗ trợ phát triển kinh doanh bán lẻ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng điện tử.

Trong năm 2016, Eximbank tiếp tục phát triển CNTT theo định hướng như sau:

- Triển khai hệ thống Corebanking mới và hoàn thành xây dựng Trung tâm dữ liệu hiện đại đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Thực hiện việc chuyển đổi hệ thống CNTT hiện tại sang kiến trúc hệ thống CNTT mới, xây dựng nền tảng cơ sở hạ tầng CNTT vững mạnh là tiền đề cho sự phát triển đột phá về công nghệ và dịch vụ CNTT.

- Đẩy mạnh triển khai các dự án Thẻ và phát triển kinh doanh để tiếp tục cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới về Thẻ, Ngân hàng điện tử theo chiến lược bán lẻ của Ngân hàng.
- Triển khai các dự án về an toàn bảo mật hệ thống CNTT nhằm kiện toàn hệ thống an toàn bảo mật về kỹ thuật, bảo vệ hạ tầng công nghệ trước nguy cơ tấn công tội phạm công nghệ cao.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chuẩn hóa quy trình nội bộ liên quan đến hệ thống CNTT để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động quản lý hệ thống CNTT của Eximbank.

HỢP TÁC VỚI CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC NƯỚC NGOÀI

NĂM 2015 CHỨNG KIẾN SỰ GIA TĂNG SỐ LƯỢNG CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NHẬT BẢN ĐẦU TƯ VÀO THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM TRONG NHIỀU LĨNH VỰC TỪ MẢNG CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ, CƠ KHÍ CHÍNH XÁC CHO ĐẾN NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN.

Song hành với xu hướng đó, SMBC và Eximbank đã dựa trên thỏa thuận liên minh chiến lược để đẩy mạnh tiếp thị và cung ứng các dịch vụ liên kết cho khách hàng doanh nghiệp Nhật Bản và doanh nghiệp có vốn đầu tư Nhật Bản tại Việt Nam. Trong đó nổi bật nhất là mảng SMBC giới thiệu đối tác và Eximbank cung ứng các dịch vụ tài chính cho khách hàng của SMBC tại thị trường Việt Nam.

Tiếp nối đà tăng trưởng của các năm trước, với sự chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật của SMBC, Eximbank củng cố đội ngũ bán hàng và mở rộng thị phần ngân hàng bán lẻ với các sản phẩm chủ lực như cho vay mua nhà, cho vay mua xe ô tô liên kết với các đại lý bán xe ô tô thương hiệu Nhật Bản.

Ngoài hỗ trợ Eximbank về nguồn vốn, quản trị rủi ro, SMBC rất quan tâm và

hỗ trợ Eximbank trong công tác quy hoạch và đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế thừa, rà soát, hoàn chỉnh quy trình quy chế nhằm minh bạch hóa mọi hoạt động, giảm thiểu rủi ro, nâng cao tính ổn định hệ thống và hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2015, cán bộ biệt phái của SMBC đã lãnh đạo đội dự án CNTT sàng lọc và lựa chọn thành công giải pháp Core Banking mới cho ngân hàng cũng như xúc tiến nhanh việc xây dựng trung tâm dữ liệu mới để cung cấp các hỗ trợ tốt hơn cho công tác kinh doanh.



QUAN HỆ QUỐC TẾ

**900 MÃ SWIFT
CỦA CÁC NGÂN HÀNG/CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG TẠI GẦN 80 QUỐC
GIA TRÊN TOÀN THẾ GIỚI.**

Trong năm 2015, hoạt động quan hệ quốc tế của Eximbank được triển khai đồng thời theo hai hướng. Thứ nhất, Eximbank chủ động rà soát và xúc tiến các biện pháp, hình thức tăng cường hợp tác với các đối tác hiện hữu nhằm phát huy hiệu quả thế mạnh của mỗi bên và sự hỗ trợ tương ứng về nghiệp vụ, hạn mức, đào tạo... giúp phục vụ tốt hơn nhu cầu khách hàng. Song song đó, Eximbank cũng xem xét thiết lập thêm quan hệ hợp tác với những đối tác mới, những thị trường mới. Tính đến cuối năm 2015, Eximbank đã có

quan hệ với gần 900 mã SWIFT của các ngân hàng/chi nhánh ngân hàng tại gần 80 quốc gia trên toàn thế giới.

Với chủ trương như trên, năm qua Eximbank chú trọng hơn việc tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế hàng đầu trên thế giới cũng như khu vực của ngành tài chính ngân hàng như: Hội nghị thường niên Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Hội nghị Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng ASEAN, Hội nghị dành cho các Tổng Giám Đốc ngành Tài chính bên lề Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính APEC 2015, Hội nghị Sibos 2015... Đặc biệt tại Hội nghị Sibos 2015 (Hội nghị thường niên về ngân hàng tài chính do Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT) tổ chức) với sự tham gia của gần 8.000 đại biểu là các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, chuyên gia đến từ ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại, các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính và hạ tầng thị trường trên toàn thế giới, Eximbank ngoài việc tham dự Hội nghị đã cùng 5 ngân hàng Việt Nam khác tổ chức một gian hàng triển lãm dưới sự điều phối của Ngân hàng Nhà nước, qua đó đã quảng bá tốt thương hiệu Eximbank đến cộng đồng tài chính ngân hàng thế giới, gặp gỡ, trao đổi và tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới với những đối tác hiện hữu cũng như đối tác tiềm năng.

Năm 2015, Eximbank cũng vinh dự nhận được sự ghi nhận, đánh giá cao từ các Ngân hàng đại lý lớn, các tổ chức, tạp chí quốc tế uy tín đối với các mặt hoạt động thông qua các giải thưởng như: top 3 Đơn Vị Cung Cấp Dịch Vụ Tài Trợ Thương Mại Tốt Nhất năm 2014 tại Việt Nam của tạp chí Euromoney, giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam năm 2015 của The Asian Banker, giải thưởng Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Nội địa Tốt nhất Việt Nam năm 2015 do các doanh nghiệp có quy mô nhỏ bình chọn của tạp chí Asiamoney, giải thưởng Ngân hàng Tăng trưởng Thương mại Mạnh của Wells Fargo, giải thưởng Chất lượng Thanh toán Xuất sắc do các ngân hàng JPMorgan Chase Bank, The Bank of New York Mellon, Standard Chartered Bank trao tặng...

TỪ NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC, NĂM 2016 EXIMBANK SẼ TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG HƠN NỮA HOẠT ĐỘNG QUỐC TẾ CỦA MÌNH ĐỂ NGÀY Càng KHẲNG ĐỊNH VÀ NÂNG CAO VỊ THẾ, THƯƠNG HIỆU EXIMBANK.

QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ, CỔ ĐÔNG

Eximbank tuân thủ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán các thông tin liên quan hoạt động của ngân hàng, thông tin về báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty, Đại hội đồng cổ đông... theo quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Bên

cạnh đó, Eximbank sẵn sàng tiếp đón và cung cấp thông tin liên quan cho các nhà đầu tư, cổ đông có nhu cầu tìm hiểu, đầu tư vào Eximbank, cũng như cung cấp kịp thời các thông tin trên báo đài về hoạt động của ngân hàng để các nhà đầu tư có thêm kênh thông tin về hoạt động của Eximbank.

KẾ HOẠCH
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

720
TỶ ĐỒNG

TỔNG SẢN PHẨM
TRONG NƯỚC (GDP) TĂNG 6,7%

TỔNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TĂNG 10%



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CHỦ ĐỘNG, LINH HOẠT, PHỐI HỢP CHẶT CHẼ VỚI CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ KHÁC NHẪM KIỂM SOÁT LẠM PHÁT THEO MỤC TIÊU ĐỀ RA, ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, GÓP PHẦN HỖ TRỢ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở MỨC HỢP LÝ, BẢO ĐẢM THANH KHOẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ NỀN KINH TẾ, DUY TRÌ ỔN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, dự báo nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi mạnh mẽ. Với nền tảng đạt được trong việc liên tiếp ký kết nhiều hiệp định thương mại, Việt Nam sẽ trở thành nơi thu hút vốn FDI trong những năm tiếp theo. Năm 2016 cũng là năm bản lề trong nhiệm kỳ mới thực hiện nhiệm vụ 5 năm 2016 - 2020. Mục tiêu của Chính Phủ là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2015, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, đảm bảo phát triển bền vững. Dự kiến một số chỉ tiêu chủ yếu: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,7%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) dưới 5%, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 31% GDP.

Về định hướng chính sách tiền tệ trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước xác định mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế, duy trì ổn định thị trường tiền tệ. Một số chỉ tiêu cụ thể:



TỔNG PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN
TĂNG KHOẢNG

16% - 18%



DƯ NỢ TÍN DỤNG
TĂNG KHOẢNG

18% - 20%

CÓ ĐIỀU CHỈNH PHÙ HỢP
VỚI DIỄN BIẾN TÌNH HÌNH THỰC TẾ.

DỰA TRÊN ĐỊNH HƯỚNG ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ NĂM 2016 CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA EXIMBANK NĂM 2015; TRÊN CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ NỀN TẢNG NỘI LỰC CŨNG NHƯ NHỮNG LỢI THẾ CỦA MINH, EXIMBANK ĐÃ XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2016 NHƯ SAU:



ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Tăng so với năm 2015
1. Tổng tài sản	142.500	14%
2. Huy động vốn	113.500	15%
3. Dư nợ cấp tín dụng	105.805	10%
4. Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	≤ 3%	
5. Lợi nhuận trước thuế	720	

**SỨC TRẺ, TÍNH
NĂNG ĐỘNG, SỰ
SÁNG TẠO, NHỊT
TÌNH VÀ ĐƯỢC ĐÀO
TẠO ĐÚNG CHUYÊN
NGÀNH LÀ NHỮNG
ĐIỀU KIỆN HẾT SỨC
THUẬN LỢI CHO
SỰ ỔN ĐỊNH VÀ
PHÁT TRIỂN CỦA
EXIMBANK TRONG
TƯƠNG LAI.**



Đánh giá liên quan đến VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân sự của Eximbank tính đến ngày 31/12/2015 là 6.239 người, tăng 511 người (tương đương 8,9%) so với cuối năm 2014, chủ yếu do mở rộng quy mô nghiệp vụ, tiếp tục triển khai các mô hình bán lẻ.

Đội ngũ cán bộ nhân viên của Eximbank phần lớn ở độ tuổi trẻ (gần 80% nhân sự dưới 36 tuổi), có bản

lĩnh nghề nghiệp, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn cao (gần 80% nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên) và tâm huyết với sự nghiệp phát triển của Eximbank (hơn 50% nhân sự có thâm niên hơn 05 năm tại Eximbank). Sức trẻ, tính năng động, sự sáng tạo, nhiệt tình và được đào tạo đúng chuyên ngành là những điều kiện hết sức thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của Eximbank trong tương lai.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

**NỖ LỰC XÂY DỰNG MỘT CỘNG ĐỒNG TỐT ĐẸP, CHIA
SẺ CÙNG VỚI CỘNG ĐỒNG SẼ LÀ NGUỒN ĐỘNG LỰC
GIÚP EXIMBANK PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO GIÁ TRỊ
THƯƠNG HIỆU TRONG NHỮNG NĂM SAU.**

Trong phương châm hoạt động bền vững của ngân hàng, Eximbank không những chú trọng đến công tác nghiệp vụ mà còn luôn kêu gọi cán bộ nhân viên quan tâm đến các hoạt động trách

nhiệm xã hội như trao quà Trung thu cho các trẻ em nghèo tại địa phương, tặng quà Tết cho các gia đình chính sách...

Thông qua các chương trình thiện nguyện, đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội của ngành hay do địa phương phát động, Eximbank đã được các đoàn thể, ban/ngành, xã hội ghi nhận ý thức trách nhiệm cao và đánh giá tốt thương hiệu Eximbank, qua đó thắt chặt mối quan hệ, trách nhiệm của Eximbank với cộng đồng xã hội. Đây sẽ là nguồn động lực giúp Eximbank phát triển và nâng cao giá trị thương hiệu trong những năm sau. Với nỗ lực xây dựng một cộng đồng tốt đẹp, chia sẻ cùng với cộng đồng, Eximbank sẽ tập trung vào các hoạt động từ thiện, các chương trình an sinh xã hội do các tổ chức có uy tín phát động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

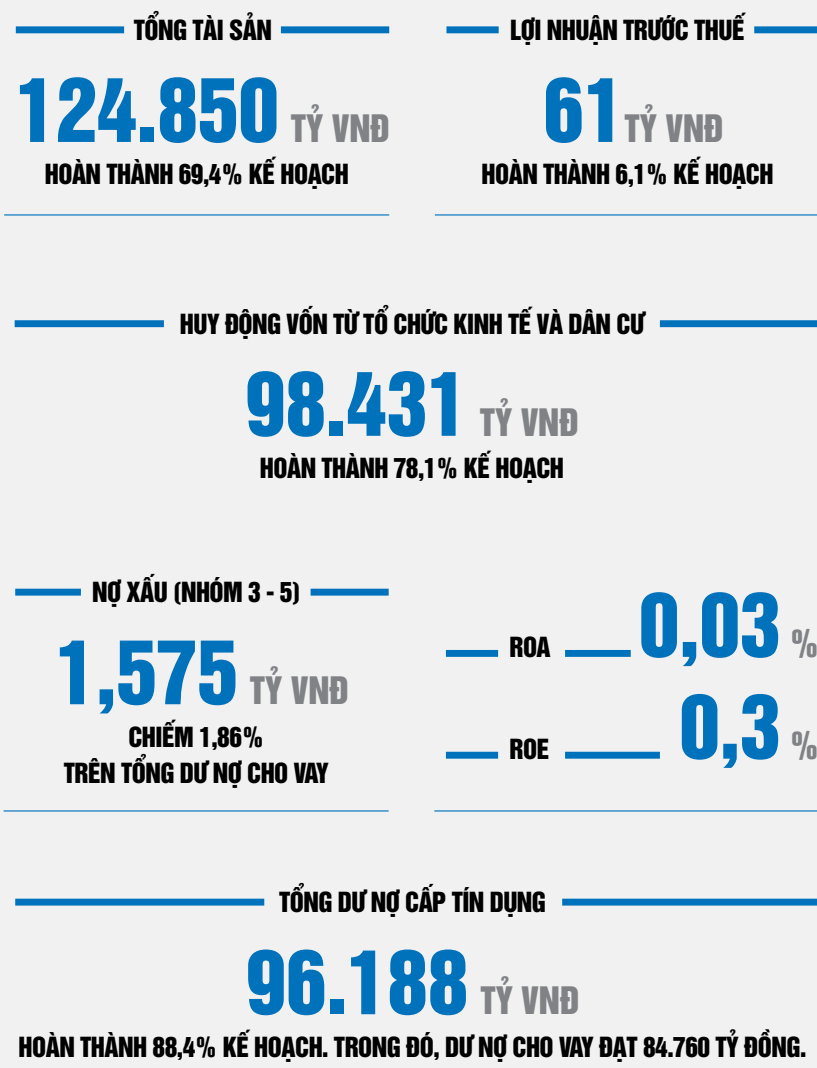
- 70 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của ngân hàng
- 71 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- 72 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

HƯỚNG TỚI CÁC THÔNG LỆ VÀ CHUẨN MỰC TỐT NHẤT

EXIMBANK TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH, KIẾN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC, CƠ CẤU NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG THEO HƯỚNG ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG HƠN, KIỂM SOÁT TÍN DỤNG MỘT CÁCH CHẶT CHẼ, QUYẾT LIỆT TRONG CÔNG TÁC XỬ LÝ NỢ XẤU, HOÀN THIỆN CÁC CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH, QUY TRÌNH, QUY CHẾ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ỔN ĐỊNH, ĐẢM BẢO THANH KHOẢN VÀ AN TOÀN HOẠT ĐỘNG

Eximbank thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhiều gói tín dụng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với lãi suất ưu đãi, tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, phát triển nhiều sản phẩm phục vụ khách hàng cá nhân, doanh nghiệp, đẩy mạnh tài trợ xuất nhập khẩu... Bên cạnh đó, Eximbank tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, kiến toàn mô hình tổ chức, cơ cấu nguồn vốn huy động theo hướng

ổn định và bền vững hơn, kiểm soát tín dụng một cách chặt chẽ, quyết liệt trong công tác xử lý nợ xấu, hoàn thiện các cơ chế chính sách, quy trình, quy chế các lĩnh vực hoạt động nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động. Mặc dù các chỉ tiêu hoạt động chưa đạt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao nhưng toàn thể cán bộ nhân viên Eximbank đã nỗ lực hết mình để thực hiện. Một số chỉ tiêu đạt được gồm:



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 LÀ KẾT QUẢ ĐÁNG GHI NHẬN CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHỮNG CHỈ ĐẠO TỪ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, EXIMBANK ĐÃ HOÀN THÀNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN, NHƯNG QUAN TRỌNG HƠN LÀ GIỮ ĐƯỢC NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ỔN ĐỊNH, BỀN VỮNG.

Trong năm qua, trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi trong chính sách điều hành chung của Ngân hàng Nhà nước; nhiều biến động về tỷ giá; về thông tin nhân sự cấp cao của Eximbank nhưng tình hình hoạt động của Eximbank vẫn đảm bảo an toàn thông qua việc tuân thủ các chỉ số an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, duy trì thanh khoản tốt trong hệ thống. Eximbank đã đẩy mạnh hoạt động bán lẻ, đưa dư nợ bán lẻ tăng 41,5% so với cuối năm 2014, góp phần đáng kể vào mức tăng dư nợ thuần túy của toàn hệ thống. Mặc dù có một số tập đoàn lớn trong nước, các ngân hàng nước ngoài rút vốn tại Eximbank nhưng nhìn chung nguồn vốn huy động vẫn được duy trì, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Eximbank. Eximbank đã tích cực xử lý nợ quá hạn, nợ xấu thông qua Hội đồng xử lý rủi ro và ngăn chặn nợ quá hạn, giảm tỷ lệ nợ xấu về 1,86%, góp phần minh bạch hóa số liệu tài chính của ngân hàng.



CÁC KẾ HOẠCH,
ĐỊNH HƯỚNG CỦA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THỐNG NHẤT VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VỀ CHỦ TRƯỞNG GIAO KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016 VỚI MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH:

TỔNG TÀI SẢN

142.500 TỶ VNĐ

TĂNG 14% SO VỚI NĂM 2015

HUY ĐỘNG VỐN TỪ THỊ TRƯỜNG 1 ĐẠT

113.500 TỶ VNĐ

TĂNG 15% SO VỚI NĂM 2015

DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG ĐẠT

105.805 TỶ VNĐ

TĂNG 10% SO VỚI NĂM 2015

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT

720 TỶ VNĐ

TỶ LỆ NỢ XẤU DƯỚI **3%**

ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU ĐÃ ĐỀ RA, EXIMBANK XÁC ĐỊNH NĂM 2016 VỚI ĐỊNH HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG, TÁI CẤU TRÚC TÀI CHÍNH ĐỂ ĐƯA EXIMBANK PHÁT TRIỂN MỘT CÁCH BỀN VỮNG, TẬP TRUNG ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XỬ LÝ NỢ VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC ĐỊNH HƯỚNG TRÊN,
EXIMBANK CẦN PHẢI THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP SAU:

Nhóm giải pháp TÁI CẤU TRÚC BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG

Tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động tại Hội sở và các chi nhánh, phòng giao dịch theo hướng tinh gọn với mục đích là phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, nhanh nhất.

Hoàn thiện bộ máy các Khối, Phòng, Ban tại Hội sở, đặc biệt là Khối Khách hàng doanh nghiệp, thành lập Trung tâm Thanh toán quốc tế của Eximbank.

Hoàn thiện bộ máy đội ngũ bán hàng (RBO và RM), tăng cường vai trò quản lý, giám sát của Hội sở đối với đội ngũ bán hàng.

Quy định cụ thể chính sách khen thưởng, xử phạt chế tài đối với các đơn vị.

Hoàn thiện bộ máy giám sát hoạt động để tăng cường giám sát quản lý rủi ro trong toàn hệ thống, đặc biệt quản lý rủi ro tín dụng.

TÁI CẤU TRÚC VÀ
HOÀN THIỆN BỘ MÁY
HOẠT ĐỘNG THEO
HƯỚNG TINH GỌN VỚI
MỤC ĐÍCH LÀ PHỤC
VỤ KHÁCH HÀNG MỘT
CÁCH TỐT NHẤT,
NHANH NHẤT.

Nhóm giải pháp TÁI CẤU TRÚC TÀI CHÍNH ĐỂ ĐƯA EXIMBANK PHÁT TRIỂN MỘT CÁCH BỀN VỮNG

Cấu trúc lại các khoản mục tài sản nợ - tài sản có nhằm đảm bảo các chỉ số tài chính được cân bằng, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả và bền vững.

Cơ cấu vốn huy động từ tổ chức và dân cư tăng tập trung vào phân kỳ trung hạn và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động cấp phát tín dụng trung, dài hạn và đảm bảo tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn đạt tối đa là < 40% để đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống.

Đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ.

Đẩy mạnh hoạt động tài trợ thương mại.

Nghiên cứu phương án tăng vốn điều lệ trong những năm sau để tăng cường năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu nguồn vốn và mở rộng quy mô hoạt động.

CẤU TRÚC LẠI CÁC
KHOẢN MỤC TÀI SẢN NỢ
- TÀI SẢN CÓ NHẪM ĐẢM
BẢO CÁC CHỈ SỐ TÀI
CHÍNH ĐƯỢC CÂN BẰNG,
ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH CÓ HIỆU
QUẢ VÀ BỀN VỮNG.

**CÔNG TÁC XỬ LÝ NỢ
CẦN ĐƯỢC XEM LÀ
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
NHẪM GIẢM GÁNH
NẶNG CHI PHÍ NỢ XẤU
ĐỐI VỚI LỢI NHUẬN
CỦA EXIMBANK TRONG
NHỮNG NĂM TỚI.**

**NHẪM ỔN ĐỊNH TRỤ SỞ
LÀM VIỆC CỦA HỘI SỞ,
QUẢN LÝ TẬP TRUNG
CÁC PHÒNG, BAN THUỘC
HỘI SỞ, TIẾT GIẢM CHI
PHÍ THUÊ MẶT BẰNG
TRONG TƯƠNG LAI, TẠO
ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI
CHO VIỆC GIAO DỊCH
CỦA ĐỐI TÁC VÀ GÓP
PHẦN NÂNG CAO HÌNH
ẢNH THƯƠNG HIỆU CỦA
EXIMBANK.**

Nhóm giải pháp tập trung ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XỬ LÝ NỢ

Xây dựng phương án xử lý nợ trên cơ sở phân loại nợ theo từng nhóm đặc thù, có các biện pháp cụ thể để nhanh chóng thu hồi nợ đọng, nợ xấu. Công tác xử lý nợ cần được xem là nhiệm vụ trọng tâm nhằm giảm gánh nặng chi phí nợ xấu đối với lợi nhuận của Eximbank trong những năm tới.

Giao chỉ tiêu kế hoạch xử lý nợ cho từng khu vực, chi nhánh. Mức độ hoàn thành chỉ tiêu xử lý nợ được xem như 1 tiêu chí trong đánh giá năng lực điều hành của cán bộ lãnh đạo tại đơn vị kinh doanh.

Giao quyền chủ động đối với Trung tâm Xử lý nợ, Giám đốc chi nhánh và phòng giao dịch trong công tác thu hồi nợ như: thương lượng giảm lãi suất cho vay đã quá hạn, chủ động xử lý chi phí xử lý nợ phù hợp với mức quy định chung đã ban hành và quyết toán trên cơ sở số nợ đã thu hồi...

Củng cố lại bộ máy hoạt động của Trung tâm Xử lý nợ và Công ty AMC để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Xây dựng cơ sở hạ tầng PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Xem xét xây dựng trụ sở của Eximbank, nhằm ổn định trụ sở làm việc của Hội sở, quản lý tập trung các phòng, ban thuộc Hội sở, tiết giảm chi phí thuê mặt bằng trong tương lai, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch của đối tác và góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu của Eximbank.

Xem xét cải tạo chất lượng cơ sở hạ tầng tại các chi nhánh, phòng giao dịch theo hướng đồng bộ mặt tiền trụ sở, chuyên nghiệp và thẩm mỹ trong bố trí bộ phận giao dịch với khách hàng, nhất là quầy giao dịch phục vụ khách hàng.

Rà soát vị trí trụ sở của các chi nhánh, phòng giao dịch hiện hữu theo hướng tập trung tại các khu vực thuận lợi kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả trong tiếp thị khách hàng tiềm năng với chi phí phù hợp với hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

Tập trung nhân sự và nguồn lực vào dự án phát triển hệ thống Corebanking mới, dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng nhằm đảm bảo tiến độ dự án.

QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- 76 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 80 Hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 98 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 80 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 102 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

HIỆU QUẢ



Ông Cao Xuân Ninh
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Cao Xuân Ninh sinh năm 1962 tại Việt Nam, là Cử nhân chuyên ngành Tín dụng đối ngoại và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông từng giữ các chức vụ chủ chốt tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam như Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Thanh toán Quốc tế - Chi nhánh Vũng Tàu, Phó giám đốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Giám đốc - Chi nhánh Tiền Giang, Giám đốc - Chi nhánh Kỳ Đồng. Ông từng là Giám đốc Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông - VINAFICO; Phó Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Văn phòng đại diện - Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại Tp.HCM. Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông Lê Minh Quốc
Chủ tịch
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Lê Minh Quốc sinh năm 1951, quốc tịch Việt Nam và Canada, là Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Thụy Sĩ. Ông từng Nhân viên, Chuyên viên, Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng BNP Canada tại Canada; Giám đốc phụ trách Tài trợ thương mại vùng Châu Á, Úc và Ấn Độ - Ngân hàng Banque Nationale de Paris tại Pháp; Giám đốc phụ trách Tài trợ thương mại vùng Châu Á, Úc và Ấn Độ - Ngân hàng BNP Paribas tại Singapore; Giám đốc điều hành BNP Paribas tại Đài Loan; Tổng Giám đốc BNP Paribas Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc, Phó Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Phương Đông. Hiện nay, ông là Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Eximbank.

Ông Lê Văn Quyết
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quyết sinh năm 1961 tại Việt Nam, ông là Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và có bằng Cao cấp lý luận chính trị. Ông từng giữ nhiều chức vụ tại NHNN tỉnh Đồng Nai như nhân viên, Phó trưởng phòng - Phòng lưu thông tiền tệ, Phó trưởng phòng, Trưởng Phòng - Phòng tổng hợp và phân tích kinh tế; Tại Vietcombank Đồng Nai, ông từng là nhân viên, Phó trưởng phòng - Phòng Thanh toán quốc tế, Phó trưởng phòng - Phòng Tín dụng, Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp và thẩm định, Phó Giám đốc, Giám đốc; Giám đốc Vietcombank Biên Hòa. Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông Đặng Anh Mai
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Anh Mai sinh năm 1966, ông đã tốt nghiệp thạc sĩ tại Đại học Duke - Hoa Kỳ. Ông từng giữ các chức vụ: Chuyên viên Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó trưởng Phòng Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Chuyên gia World Bank tại Hoa Kỳ; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Ngân hàng Nhà nước. Hiện nay, ông đang là thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông Ngô Thanh Tùng
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Thanh Tùng sinh năm 1969 tại Việt Nam, ông có bằng Cử nhân Luật, Chứng chỉ Quản trị và lãnh đạo của Mỹ, Thạc sĩ Luật tại Mỹ, Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Mỹ. Ông từng giữ nhiều chức vụ như Cố vấn pháp luật - Giám đốc điều hành Văn phòng luật sư Hồng Đức; Thành viên Đoàn luật sư Tp.HCM - Liên đoàn luật sư Tp.Hồ Chí Minh; Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty liên doanh khách sạn Grand Imperial Saigon (Parkhyatt Hotel Saigon); Chủ tịch Hội đồng điều hành, Thành viên cao cấp Hội đồng điều hành - Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF - Hồng Đức); Giảng viên thỉnh giảng - Học viện Tư pháp; Thành viên cố vấn nước ngoài Đoàn luật sư Bang Washington, Hoa Kỳ (Washington Bar Association); Hội đồng cố vấn doanh nghiệp - UNICEF Việt Nam; Thành viên - Hiệp hội luật sư tranh tụng quốc tế (International Association of Defense counsel "IADC"). Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông Hoàng Tuấn Khải
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Tuấn Khải sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Đại học Ngoại thương chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương và học quản lý Kinh tế tại Hà Lan. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I, Giám đốc Công ty XNK Tổng hợp I. Hiện ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bất Động Sản Tổng hợp 1, đại diện phân vốn góp của Eximbank và là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP đầu tư và phát triển du lịch Vinaconex.

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị gồm 9 thành viên: 1 Chủ tịch kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và 8 thành viên.



Ông Nguyễn Quang Thông
 Thành viên
 Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Thông sinh năm 1963 tại Kiên Giang, là Cử nhân Kinh tế. Ông từng giữ các chức vụ: thành viên Ban Kiểm soát Eximbank, thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank. Hiện ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty bảo hiểm Bảo Long và là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long.

Ông Naoki Nishizawa
 Thành viên
 Hội đồng Quản trị

Ông Naoki Nishizawa sinh năm 1957, quốc tịch Nhật Bản, là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard, Cử nhân Luật Đại học Kyoto. Ông là đại diện đối tác chiến lược Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) tại Eximbank. Ông từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Khối ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, SMBC, Tokyo, Nhật Bản; Phó Giám đốc cấp cao và Phó Giám đốc Điều hành Khối ngân hàng Nhật Bản - Châu Á, Phó Giám đốc Điều hành Phòng Kế hoạch Ngân hàng Manufacturers Bank, Los Angeles, Hoa Kỳ; Phó Giám đốc Điều hành Phòng Kế hoạch Ngân hàng SMBC, Tokyo, Nhật Bản. Hiện nay ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Ông Yasuhiro Saitoh
 Thành viên
 Hội đồng Quản trị

Ông Yasuhiro Saitoh sinh năm 1961, quốc tịch Nhật Bản, là Cử nhân Khoa học tại Nhật Bản; Cử nhân Chuyên ngành Nhân học văn hóa, chuyên ngành phụ: Kinh tế toàn cầu tại Nhật Bản; Cử nhân Khoa học - Chuyên ngành Nhân học văn hóa tại Pháp. Ông đã từng là Nhân viên Marketing - Ngân hàng Mitsui Bank Ltd; Phó Tổng Giám đốc - AVP, Tập đoàn đầu tư Thu nhập cố định toàn cầu, Khối giao dịch thị trường vốn (Tokyo); Phó Tổng Giám đốc cấp cao, Giám đốc Đầu tư (Trái phiếu, Cổ phiếu, Hàng hóa và đầu tư cổ phần tư nhân) - VP, Khối Quản lý tài sản tại công ty ủy thác Sakura (New York); Phó Tổng Giám đốc Điều hành cấp cao - Phòng Ngân quỹ Ngân hàng Manufacturers (Los Angeles); Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban quản lý rủi ro; Ủy viên Hội đồng Đầu tư Tài chính, Ủy viên Hội đồng Tín dụng Trung Ương - Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Hiện nay ông đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Thay đổi thành viên HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ V (2010-2015), Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 ngày 15/12/2015 đã bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2015-2020). Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

STT	Họ và tên	Thành viên HĐQT Nhiệm kỳ V	Thành viên HĐQT Nhiệm kỳ VI
1	Ông Lê Hùng Dũng	Chủ tịch HĐQT	Không
2	Ông Hà Thanh Hùng	Phó Chủ tịch thường trực	Không
3	Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Không
4	Ông Đặng Phước Dừa	Phó Chủ tịch	Không
5	Ông Lawrence Justin Wolfe	Thành viên HĐQT độc lập	Không
6	Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch	Thành viên HĐQT
7	Ông Hoàng Tuấn Khải	Phó Chủ tịch	Thành viên HĐQT
8	Ông Đặng Anh Mai	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT
9	Ông Naoki Nishizawa	Phó Chủ tịch	Thành viên HĐQT
10	Ông Lê Minh Quốc	Không	Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch HĐQT
11	Ông Cao Xuân Ninh	Không	Thành viên HĐQT
12	Ông Lê Văn Quyết	Không	Thành viên HĐQT
13	Ông Ngô Thanh Tùng	Không	Thành viên HĐQT
14	Ông Yasuhiro Saitoh	Không	Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại TCTD	Số lượng cổ phần của cá nhân	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cá nhân (%)	Đại diện của cổ đông tổ chức	Số lượng cổ phần của tổ chức	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức (%)
1	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT Độc lập, Chủ tịch HĐQT	0	0,00			
2	Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên HĐQT	0	0,00			
3	Ông Naoki Nishizawa	Thành viên HĐQT	0	0,00	Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	185.329.207	15,0000624
4	Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT	0	0,00			
5	Ông Yasuhiro Saitoh	Thành viên HĐQT	0	0,00			
6	Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên HĐQT	152.714	0,0123603			
7	Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên HĐQT	67.392	0,0054545			
8	Ông Đặng Anh Mai	Thành viên HĐQT	0	0,00			
9	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	0,00			

TRONG NĂM 2015, CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ V (2010 - 2015) TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 15/12/2015 ĐÃ TRỰC TIẾP THAM DỰ 32 PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ 135 LẦN LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN; CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ VI (2015 - 2020) TỪ NGÀY 15/12/2015 ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2015 ĐÃ TRỰC TIẾP THAM DỰ 04 PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ 03 LẦN LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐƯỢC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 6 THÁNG VÀ CẢ NĂM CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015 ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG TẢI ĐẦY ĐỦ TRÊN WEBSITE CỦA NGÂN HÀNG.

Hiện nay, các Hội đồng/Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có:

HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG TRUNG ƯƠNG

Trong năm 2015, Hội đồng tín dụng trung ương đã tổ chức họp các phiên định kỳ hàng tuần hoặc đột xuất để xử lý kịp thời những hồ sơ tín dụng vượt thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng tín dụng Hội sở nhằm giải quyết nhanh nhu cầu của khách hàng.

HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Phân tích, đánh giá, tham mưu cho Hội đồng Quản trị về các chính sách, quy định về đầu tư tài chính. Thực hiện chức năng tham mưu cho Hội đồng Quản trị, Hội đồng đầu tư tài chính đã tổ chức các cuộc họp để thảo luận các vấn đề liên quan đến đầu tư khi có nghiệp vụ thực tế phát sinh. Từ đó, đã đề xuất cho Hội đồng Quản trị xử lý một số công việc như: quyết định liên quan đến đầu tư trái phiếu mới, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư cổ phiếu đã thực hiện trước đây theo hướng hiệu quả hơn, xem xét tăng cường hợp tác với các đối tác đầu tư nhằm mang lại lợi ích gia tăng...

HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Phân tích, đánh giá, tham mưu cho Hội đồng Quản trị về các khoản đầu tư, thanh lý tài sản cố định của Eximbank.

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ RỦI RO VÀ NGĂN CHẶN NỢ QUÁ HẠN

Trong năm 2015, Hội đồng xử lý rủi ro và ngăn chặn nợ quá hạn đã tổ chức họp các phiên định kỳ hàng tuần để xử lý những hồ sơ xử lý nợ, thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu vượt thẩm quyền quyết định của chi nhánh, Giám đốc khu vực, Trung tâm xử lý nợ, quyết định các vấn đề về phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT

Nghiên cứu, nắm bắt tình hình hoạt động, chất lượng cán bộ, kịp thời tư vấn cho Hội đồng Quản trị khen

thưởng, kỷ luật theo quy định. Cụ thể tư vấn cho Hội đồng Quản trị về chủ trương khen thưởng đối với các cán bộ bán hàng xuất sắc, cơ chế thưởng cho các chi nhánh hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao, đóng góp cao vào lợi nhuận của toàn hệ thống và có tỷ lệ nợ xấu thấp.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Các thành viên thường xuyên nghiên cứu, nắm bắt thông tin để có những thảo luận, tư vấn về chiến lược cho Hội đồng Quản trị. Cụ thể một số nghiên cứu báo cáo tư vấn cho Hội đồng Quản trị như sau:

- » Báo cáo tình hình kinh tế Việt Nam để tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong chiến lược phát triển kinh doanh Eximbank 6 tháng cuối năm 2014.
- » Phân tích, nhận định để tham mưu cho Hội đồng Quản trị các định hướng xử lý nợ xấu.
- » Phân tích, nhận định báo cáo kiểm soát nội bộ, để tham mưu cho Hội đồng Quản trị về định hướng phát triển chi nhánh.
- » Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh và năng lực tài chính của một số khách hàng để tham mưu cho Hội đồng Quản trị.
- » Nghiên cứu và báo cáo về tác động TPP đến nền kinh tế và các chuẩn bị của ngành ngân hàng.
- » Báo cáo về hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại 9 tháng đầu năm để tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc đánh giá hoạt động của Eximbank năm 2015 và hoạch định kế hoạch 2016.
- » Nhận định, đánh giá nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào khu vực Đông Nam Á và Việt Nam 2016.
- » Phân tích tình hình kinh tế Việt Nam năm 2015 và dự báo năm 2016 để tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong chiến lược phát triển kinh doanh Eximbank năm 2016.

ỦY BAN NHÂN SỰ

Tư vấn cho Hội đồng Quản trị về các nội dung chủ yếu sau:

- » Chính sách nhân sự trong hệ thống, quy hoạch cán bộ các cấp nhằm chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng cán bộ kế thừa phục vụ nhu cầu phát triển và mở rộng mạng lưới hoạt động;
- » Tư vấn cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhân sự dự kiến làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2015 – 2020);

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Trong năm đã tổ chức họp 10 phiên họp và đã đề xuất với Hội đồng Quản trị một số nội dung sau:

- » Quản lý hoạt động cho vay tại các chi nhánh
- » Tình hình triển khai và đảm bảo tuân thủ Thông tư 36.
- » Triển khai các đề xuất trong công tác quản lý rủi ro hoạt động tại Eximbank.
- » Sử dụng hiệu quả báo cáo Kiểm toán nội bộ và quản lý tiến độ chỉnh sửa, khắc phục sai phạm tại các Chi nhánh và Phòng giao dịch.
- » Kiểm soát chất lượng tín dụng liên quan đến hoạt động cho vay liên ngân hàng.
- » Triển khai các đề xuất của Khối Giám sát hoạt động về việc quản lý các khoản cấp tín dụng đối với nhóm khách hàng.
- » Quản lý công tác thẩm định giá và thuê công ty thẩm định giá.
- » Thảo luận các báo cáo định kỳ về hoạt động tín dụng & tuân thủ tỷ lệ an toàn hoạt động.
- » Báo cáo định kỳ về hoạt động tín dụng & tuân thủ tỷ lệ an toàn hoạt động.
- » Triển khai các khuyến nghị của Ban Kiểm soát đối với công tác quản lý tín dụng tại Eximbank.
- » Cải thiện công tác xử lý hồ sơ tín dụng.
- » Báo cáo đánh giá chất lượng hoạt động cho vay cán bộ công nhân viên của tổ chức khác.

- » Đề xuất đổi mới cơ chế giao chỉ tiêu hoạt động, khen thưởng, xử phạt, xây dựng KPI theo khẩu vị rủi ro của Eximbank, đặc biệt là trong hoạt động tín dụng.

ỦY BAN LIÊN MINH

Chỉ đạo Phòng Liên Minh và các khối nghiệp vụ đẩy mạnh các chương trình liên kết và hợp tác kinh doanh giữa SMBC và Eximbank. Với cam kết đầu tư lâu dài vào thị trường Việt Nam, trong năm 2015, SMBC tiếp tục hỗ trợ Eximbank về nguồn vốn, giáo dục đào tạo, kết nối doanh nghiệp Việt Nam – Nhật Bản, giới thiệu đối tác và cung ứng dịch vụ tài chính cho khách hàng lẫn nhau, đặc biệt là đẩy mạnh mảng nghiệp vụ tài trợ xuất nhập khẩu và dịch vụ ngân hàng bán lẻ.

HỘI ĐỒNG ĐÀO TẠO

Hội đồng đào tạo đã góp ý xây dựng kế hoạch đào tạo 2015 trình Chủ tịch HĐQT thông qua. Theo đó, công tác đào tạo Giám đốc phòng giao dịch dự bị, Lớp đào tạo lãnh đạo Phòng Tín dụng cá nhân/Khách hàng doanh nghiệp, đào tạo cán bộ kế thừa được chú trọng hơn.

Ngoài ra, Hội đồng đào tạo cũng tham vấn ý kiến của chuyên gia SMBC như: đánh giá nhu cầu đào tạo của cán bộ bán hàng, đánh giá năng lực nhân viên, thảo luận về đào tạo cán bộ cấp cao của Eximbank, thảo luận về định hướng hoạt động đào tạo của Eximbank.

Bên cạnh triển khai công tác đào tạo 2015, Hội đồng đào tạo đã thảo luận về định hướng phát triển nhân sự và đào tạo trong thời gian tới.

ỦY BAN PHÁT TRIỂN VÀ HOẠCH ĐỊNH MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Tư vấn cho Hội đồng Quản trị về việc hoạch định các chính sách cũng như cơ cấu lại mạng lưới hoạt động cho phù hợp với điều kiện kinh doanh của Eximbank trong từng thời kỳ. Cụ thể trong thời gian qua Ủy ban đã tư vấn Hội đồng Quản trị chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện các nội dung sau:

- » Tư vấn khai thác sử dụng một số tài sản thuộc sở hữu Eximbank có vị trí kinh doanh thuận lợi, thích hợp cho hoạt động ngân hàng để làm trụ sở các chi nhánh và phòng giao dịch, do đó có thể tiết giảm chi phí thuê mượn và ổn định mặt bằng trụ sở kinh doanh.



- » Tư vấn các biện pháp tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh như di dời các địa điểm có vị trí kinh doanh không thuận lợi và không đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng, như di dời trụ sở chi nhánh Quận 4, di dời trụ sở 11 phòng giao dịch.

ỦY BAN HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG

Với vai trò tham mưu cho Hội đồng Quản trị về chiến lược phát triển công nghệ, hỗ trợ Ban Điều hành thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong việc thực thi các chiến lược và kế hoạch về công nghệ thông tin (CNTT). Trong năm 2015, Ủy ban đã thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- » Hỗ trợ Ban Điều hành trong việc thực hiện kế hoạch CNTT năm 2015 đã được HĐQT phê duyệt, tham gia xây dựng kế hoạch CNTT cho năm 2016.
- » Thành viên chuyên trách và các thành viên kiêm nhiệm khác của Ủy ban đã tham gia xuyên suốt tất cả các hoạt động CNTT của Eximbank trong việc hỗ trợ vận hành hệ thống CNTT đảm bảo hoạt động liên tục và ổn định, là cầu nối cho Khối CNTT, Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị.

- » Các thành viên của Ủy ban là nòng cốt trong việc tham gia Ban đàm phán và chỉ đạo CNTT đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện lựa chọn công nghệ cho dự án trọng điểm của Ngân hàng như Dự án Core Banking, hỗ trợ việc triển khai dự án Trung Tâm dữ liệu Ngân hàng (Data Center).

- » Tham gia góp ý, thẩm định các chính sách về an toàn thông tin, quy trình ứng cứu khẩn cấp khi xảy ra sự cố về an toàn thông tin.

- » Cùng với Kiểm toán nội bộ, Kế toán thẩm định các báo cáo đầu tư các dự án lớn của Ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông Lawrence Justin Wolfe là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Eximbank nhiệm kỳ V (2010-2015) đến ngày 15/12/2015. Từ ngày 15/12/2015, Ông Lê Minh Quốc là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020). Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết đối với các nội dung theo quy định của Điều lệ và pháp luật liên quan.



Ông Trần Ngọc Dũng
Thành viên

Ông Trần Ngọc Dũng sinh năm 1966 tại Sài Gòn. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân tài chính tín dụng, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật học. Ông đã từng làm Trưởng đội phó – phường 8 và phường 13 Quận Phú Nhuận; Nhân viên kinh doanh – Cty Lương thực TPHCM; Kế toán, kiểm soát viên – Eximbank CN Chợ Lớn; Nhân viên kinh doanh – Sơn Expo; Kế toán, kế toán trưởng Cty TNHH Thiên Lộc; Chuyên viên phòng kế hoạch đầu tư, phó phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, Giám đốc CN Nha Trang, Trưởng phòng tín dụng HS, Giám đốc CN Ngã Bảy, Giám đốc Khối quản lý rủi ro, Thành viên BKS Ngân hàng Nam Á; Trợ lý chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á, Eximbank.

Ông Trần Lê Quyết
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Trần Lê Quyết sinh năm 1981 tại Quảng Bình. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân kế toán – kiểm toán, chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng doanh nghiệp, Chứng chỉ kỹ năng đàm phán sinh lợi, Chứng chỉ hoàn thiện chỉ số đánh giá thực hiện, Chứng chỉ giám đốc tài chính. Ông đã từng làm kế toán Công ty Thị công cơ giới thủy đầu tư và xây dựng; nhân viên tín dụng, nhân viên QLRRTD, Phó bộ phận QLRRTD HSC tại HCM; Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Tiền Giang; Phó trưởng BKS Eximbank.

Bà Phạm Thị Mai Phương
Thành viên

Bà Phạm Thị Mai Phương sinh năm 1982 tại Nha Trang. Bà đã tốt nghiệp Trung cấp kế toán, Cử nhân kế toán, Cử nhân Kinh tế đối ngoại, chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, chứng chỉ Giám đốc kinh doanh, chứng chỉ Giám đốc tài chính. Bà đã từng làm nhân viên kế toán tổng hợp Cty XNK Thủy sản Thái Bình Dương; Chuyên viên kế toán tổng hợp, chuyên viên Corebanking, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng, Giám đốc PGD Bến Thành, Chuyên viên văn phòng Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng – Đặc phái viên HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

Ông Đặng Hữu Tiến
Thành viên

Ông Đặng Hữu Tiến sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Thạc sỹ quản trị kinh doanh của Mỹ, Chứng chỉ bồi dưỡng sau đại học chuyên ngành kinh tế, văn bằng 2 – Cử nhân quản trị kinh doanh (Ngoại thương), Cử nhân ngành kế hoạch hóa kinh tế Quốc dân, Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng, Chứng chỉ tốt nghiệp quản trị tài chính ngân hàng cao cấp, Chứng chỉ bồi dưỡng kiểm toán viên. Ông đã từng làm Trưởng Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ V (2010-2015).

Ông Trịnh Bảo Quốc
Thành viên

Ông Trịnh Bảo Quốc sinh năm 1971 tại Việt Nam. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân sinh vật học và sử tại Hoa Kỳ, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Hoa Kỳ. Ông đã từng làm nhân viên điều phối dự án – US Viet nam Trade Council; Trợ lý luật sư và thông dịch viên – Cty Luật quốc tế Baker & McKenzie; Trưởng phòng tài chính & phân tích đầu tư – Phú Mỹ Hưng, Central & Development Group (chủ đầu tư KCX Tân Thuận, Nhà máy điện Hiệp Phước, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng); Giám đốc – QML Corporate Group; Giám đốc kiểm Trưởng đại diện tại VN – Avenue Capital Group; Đồng sáng lập & nhà đầu tư – Cty CP tư vấn & đào tạo Summa; Tổng giám đốc – Cty CP BĐS Sơn Kim.

Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát

Năm 2015 là năm hết nhiệm kỳ V (2010-2015), cơ cấu Ban Kiểm soát gồm:

STT	Tên	Chức vụ	Diễn giải
1	Đặng Hữu Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát	Trúng cử nhiệm kỳ 2010-2015
2	Trần Lê Quyết	Phó Ban Kiểm soát	Trúng cử bổ sung ngày 28/4/2014 nhiệm kỳ (2010-2015)
3	Nguyễn Hồng Long	Phó Ban Kiểm soát	Trúng cử nhiệm kỳ 2010-2015
4	Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	Trúng cử nhiệm kỳ 2010-2015

Tại Đại hội đồng cổ đông ngày 15/12/2015, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ VI (2015-2020) trúng cử với cơ cấu Ban Kiểm soát được thay đổi từ 4 lên 5 thành viên:

STT	Tên	Chức vụ	Diễn giải
1	Trần Lê Quyết	Trưởng Ban Kiểm soát	Tái đắc cử nhiệm kỳ 2015-2020
2	Đặng Hữu Tiến	Thành viên	Tái đắc cử nhiệm kỳ 2015-2020
3	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên	Trúng cử nhiệm kỳ 2015-2020
4	Trần Ngọc Dũng	Thành viên	Trúng cử nhiệm kỳ 2015-2020
5	Phạm Thị Mai Phương	Thành viên	Trúng cử nhiệm kỳ 2015-2020

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cá nhân (%)	Tên cổ đông là tổ chức	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức (%)	Ghi chú
1	Trần Lê Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	0,00	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	8,1945167	(Ông Trần Lê Quyết đại diện phần vốn góp của Vietcombank tại Eximbank)
2	Đặng Hữu Tiến	Thành viên	0,0068182			
3	Trần Ngọc Dũng	Thành viên	0,0001669			
4	Phạm Thị Mai Phương	Thành viên	0,00			
5	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên	0,00			

BAN KIỂM SOÁT LÀ CƠ QUAN GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NHẪM ĐÁNH GIÁ CHÍNH XÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH CỦA NGÂN HÀNG, THỰC HIỆN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, QUY ĐỊNH NỘI BỘ, ĐIỀU LỆ CỦA NGÂN HÀNG VÀ NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ của ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp giao ban giữa Hội đồng Quản

trị – Ban Kiểm soát – Ban Điều hành, giao ban hàng tháng, hội nghị sơ kết/tổng kết.

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã họp 18 phiên (trong đó có 16 phiên họp mở rộng với Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ) để thảo luận, triển khai và thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Bên cạnh đó, các thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách đã trực tiếp tham gia và chủ trì 52 phiên họp với các Đoàn Kiểm toán và các đơn vị được kiểm toán để thảo luận xem xét, kết luận và chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ từng đơn vị theo kế hoạch một các độc lập – khách quan (đảm bảo phản ánh đúng/trung thực thực trạng về tình hình hoạt động của các đơn vị được kiểm toán), cũng như các vấn đề cần giải quyết với các Đoàn kiểm toán nội bộ.

Ban Kiểm soát sử dụng bộ máy kiểm toán nội bộ để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ định kỳ và đột xuất theo định hướng rủi ro, kết hợp kiểm toán trực tiếp và từ xa thông qua hệ thống thông tin nội bộ (thông qua hệ thống thông tin nội bộ, Ban Kiểm soát thực hiện công tác giám sát từ xa các hoạt động kinh doanh trọng yếu tại các bộ phận trong hệ thống Eximbank). Đối tượng kiểm toán là các Chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, các Khối, Trung tâm, Phòng/Ban tại Hội sở. Chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ ngày càng được củng cố và nâng cao, nội dung kiểm toán nội bộ chủ yếu tập trung vào quy trình nghiệp vụ và hệ thống kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro trong hoạt động, đảm bảo tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý nhà nước và của Eximbank.

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã chỉ đạo 52 đợt công tác (do các thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp chỉ đạo và chủ trì các cuộc họp làm việc với Đoàn Kiểm toán và đơn vị được kiểm toán) đến các đơn vị để thực hiện kiểm toán nội bộ theo kế hoạch và đột xuất, cụ thể: 09 đợt tại Hội sở (trong đó CNTT: rà soát 06 đợt, kiểm toán 01 đợt; 02 đợt song song với Kiểm toán độc lập thực hiện thẩm định, rà soát Báo cáo tài chính năm 2014 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của ngân hàng), 38 đợt tại các Chi nhánh Eximbank (149 phòng giao dịch trực thuộc), 01 đợt kiểm toán tại Trung Tâm Xử lý Nợ Eximbank và 04 đợt theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng Ngân hàng Nhà nước.

Thông qua công tác kiểm tra, kiểm toán các Đoàn công tác đã đưa ra tổng cộng 12.593 khuyến nghị để các đơn vị được kiểm toán khắc phục/chỉnh sửa/bổ sung các sai sót nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động. Ngoài ra, có 270 khuyến nghị đối với Hội sở, liên quan đến quy trình, quy chế nhằm góp phần ngăn ngừa rủi ro, đảm bảo chặt chẽ hơn trong hoạt động.

Đối với các khuyến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước, Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ về xử lý nghiêm trách nhiệm của tập thể/cá nhân có hành vi cố ý làm trái, vi phạm pháp luật/các chính sách tín dụng, quản trị nội bộ của Eximbank và của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2015. Các kiến nghị này đã được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tiếp nhận, xử lý, chấn chỉnh và hiện nay lãnh đạo ngân hàng đang tiếp tục khắc phục, chỉnh sửa.

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015, phần Thuyết minh mục 36 “Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan”

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2015, Eximbank không nhận được thông báo và báo cáo giao dịch của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và người có liên quan của các thành viên này.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Nội dung
1	Hợp đồng, giao dịch cấp tín dụng giữa Chi nhánh Eximbank Quận 3 với Công ty CP Sóng Việt, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thiên Sứ (người có liên quan với ông Hà Thanh Hùng – Thành viên HĐQT Eximbank)
2	Hợp đồng, giao dịch cấp tín dụng giữa Phòng giao dịch Eximbank Trảng Bom, Chi nhánh Đồng Nai với Cty TNHH Đầu tư Phú Việt Tín (người có liên quan với ông Đặng Phước Dừa – Thành viên HĐQT Eximbank)
3	Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 21063/15/HD-1131/22-TKT ngày 04/11/2015 giữa Eximbank và Tổng Cty CP Bảo hiểm Bảo Long – Sở giao dịch Bảo Long (người có liên quan với ông Nguyễn Quang Thông – Thành viên HĐQT Eximbank).
4	Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số 3206/15/HD-1063/22-TKT ngày 11/11/2015 giữa Eximbank và Tổng Cty CP Bảo hiểm Bảo Long – Sở giao dịch Bảo Long (người có liên quan với ông Nguyễn Quang Thông – Thành viên HĐQT Eximbank).
5	Hợp đồng, giao dịch cấp tín dụng giữa Eximbank và Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (SMBC chưa từng sử dụng hạn mức này, số dư gửi vốn trong hạn mức tính đến hết 31/12/2015 là 0)
6	Hợp đồng, giao dịch cấp tín dụng giữa Eximbank với Công ty CP Sóng Việt (người có liên quan với ông Hà Thanh Hùng – Thành viên HĐQT Eximbank)
7	Hợp đồng, giao dịch cấp hạn mức thấu chi cho Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Long (người có liên quan với ông Nguyễn Quang Thông)
8	Giao dịch Tài trợ thương mại (SMBC Singapore tài trợ cho Eximbank)

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC và các văn bản khác có liên quan), Eximbank đã ban hành và thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành và có hiệu lực, Eximbank sẽ tiến hành rà soát, báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định điều chỉnh quy định về quản trị ngân hàng cho phù hợp.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 104 Thông tin về Ngân hàng.
- 106 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
- 107 Báo cáo kiểm toán độc lập.
- 109 Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- 113 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.
- 115 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ý kiến kiểm toán

Xin xem Báo cáo kiểm toán độc lập của công ty Kiểm toán KPMG gửi các cổ đông ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015

**Giấy phép Thành lập và
 Hoạt động Ngân hàng số**

11/NH-GP ngày 6 tháng 4 năm 1992

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

**Giấy Chứng nhận
 Đăng ký Kinh doanh số**

0301179079 ngày 23 tháng 7 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận ngày 14 tháng 11 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Minh Quốc	Chủ tịch <i>(từ ngày 16 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Lê Hùng Dũng	Chủ tịch <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Hà Thanh Hùng	Phó Chủ tịch Thường trực <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Naoki Nishizawa	Phó Chủ tịch <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Hoàng Tuấn Khải	Phó Chủ tịch <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Đặng Phước Dừa	Phó Chủ tịch <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên
Ông Naoki Nishizawa	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Quang Thông	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Yasuhiro Saitoh	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Lawrence Justin Wolfe	Thành viên độc lập <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Trần Lê Quyết	Trưởng Ban <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên <i>(từ ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Đặng Hữu Tiến	Trưởng Ban <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Trưởng Ban <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Trần Lê Quyết	Phó Trưởng Ban <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên <i>(đến ngày 15 tháng 12 năm 2015)</i>

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Tấn Lộc	Quyền Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 10 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Phạm Hữu Phú	Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 9 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thường trực <i>(đến ngày 9 tháng 12 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Quốc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Đỗ Bích Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Lê Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Triết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Xuân Lành	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 20 tháng 1 năm 2016)</i>
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Masashi Mochizuki	Phó Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 27 tháng 5 năm 2015)</i>
Ông Bùi Văn Đạo	Phó Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 19 tháng 10 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 23 tháng 11 năm 2015)</i>
Ông Mitsuki Shiego	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 10 tháng 2 năm 2015)</i>
Ông Kenji Kuroki	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 25 tháng 5 năm 2015)</i>

Trụ sở đăng ký

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center,
 Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam




Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 109 đến trang 193 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Trần Tấn Lộc
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 109 đến trang 193.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 41 của báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, trước những điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh số 41 của báo cáo tài chính hợp nhất, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2015. Như một phần của công việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh số 41 được sử dụng để điều chỉnh lại các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm kết thúc cùng ngày. Chúng tôi đã không thực hiện thủ tục kiểm toán, soát xét hay bất cứ thủ tục nào khác đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoài các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh số 41 của báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính này xét trên phương diện tổng thể. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh số 41 là phù hợp và được áp dụng một cách hợp lý.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-234/1

**Trương Vĩnh Phúc**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Anh Hưng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2206-2013-007-1

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 Đã điều chỉnh lại
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng	4	2.040.749	1.662.045
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	2.716.264	3.214.967
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	7.833.274	39.463.116
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		7.833.274	33.219.476
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		95.000	6.243.640
3 Dự phòng rủi ro		(95.000)	-
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	30.797	13.435
VI Cho vay khách hàng		83.889.887	86.123.843
1 Cho vay khách hàng	8	84.759.792	87.146.543
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(869.905)	(1.022.700)
VIII Chứng khoán đầu tư	10	19.118.084	19.923.493
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		3.957.184	3.633.649
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		16.178.452	16.518.217
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(1.017.552)	(228.373)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	1.869.834	1.940.102
3 Đầu tư vào công ty liên kết		-	61.723
4 Đầu tư dài hạn khác		2.031.645	2.031.645
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(161.811)	(153.266)
X Tài sản cố định		4.740.627	4.288.671
1 Tài sản cố định hữu hình	12	1.105.024	1.029.615
a Nguyên giá		2.033.247	1.799.556
b Giá trị hao mòn lũy kế		(928.223)	(769.941)
3 Tài sản cố định vô hình	13	3.635.603	3.259.056
a Nguyên giá		3.730.270	3.341.593
b Giá trị hao mòn lũy kế		(94.667)	(82.537)
XII Tài sản Có khác	14	2.610.159	3.515.594
1 Các khoản phải thu		1.520.156	1.929.890
2 Các khoản lãi, phí phải thu		992.436	1.408.202
4 Tài sản Có khác		103.567	181.752
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(6.000)	(4.250)
TỔNG TÀI SẢN		124.849.675	160.145.266

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 Đã điều chỉnh lại
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	544.945	6.613
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	7.933.317	41.043.340
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.103.777	29.554.266
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		829.540	11.489.074
III Tiền gửi của khách hàng	17	98.430.542	101.371.886
VI Phát hành giấy tờ có giá	18	3.000.392	3.008.378
VII Các khoản nợ khác		1.795.758	1.595.322
1 Các khoản lãi, phí phải trả		1.510.364	1.264.197
2 Các khoản phải trả và công nợ khác	19	285.394	331.125
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		111.704.954	147.025.539
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII Vốn và các quỹ	21	13.144.721	13.119.727
1 Vốn của tổ chức tín dụng		12.448.674	12.448.674
a Vốn điều lệ		12.355.229	12.355.229
b Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		15.396	15.396
c Thặng dư vốn cổ phần		156.322	156.322
d Cổ phiếu quỹ		(78.273)	(78.273)
2 Các quỹ		1.513.516	1.505.613
5 Lợi nhuận chưa phân phối		(817.469)	(834.560)
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.144.721	13.119.727
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		124.849.675	160.145.266

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	35	39.475.997	30.858.294
1 Bảo lãnh vay vốn		36.219	34.274
2 Cam kết giao dịch hối đoái		32.350.457	22.220.308
Trong đó:			
• Cam kết mua ngoại tệ		153.212	99.992
• Cam kết bán ngoại tệ		358.369	867.519
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ		31.838.876	21.252.797
4 Cam kết trong nghiệp vụ L/C		3.856.992	4.903.797
5 Bảo lãnh khác		3.068.929	3.544.094
6 Các cam kết khác		163.400	155.821

Người lập


Nguyễn Minh Thanh
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát


Nguyễn Ngọc Hà
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật


Trần Tấn Lộc
 Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

EXIMBANK cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B03/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

EXIMBANK cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN

ĐVT: Triệu VND

	Thuyết minh	2015	2014 Đã điều chỉnh/ phân loại lại
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.601.184	8.681.711
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(5.203.494)	(5.853.950)
I	Thu nhập lãi thuần	3.397.690	2.827.761
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	567.691	454.119
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(275.650)	(225.731)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	292.041	228.388
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62.715	170.254
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(34.163)	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	381.532	160.248
6	Chi phí hoạt động khác	(296.390)	(136.230)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	85.142	24.018
VII	Lỗ từ góp vốn, mua cổ phần	(4.062)	(22.817)
VIII	Chi phí hoạt động	(2.304.554)	(2.048.681)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.494.809	1.178.923
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.433.987)	(825.299)
XI	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.822	353.624
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(20.828)	(12.712)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
XII	Chi phí thuế TNDN	(20.828)	(12.712)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	39.994	340.912
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	33	277

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng



Trần Tấn Lộc
Quyển Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

ĐVT: Triệu VND

	2015	2014 Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	8.978.479	9.192.835
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(4.957.387)	(6.057.442)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	293.751	228.388
04 Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	59.772	170.254
05 (Chi phí khác đã trả)/thu nhập khác nhận được	(38.637)	3.641
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	66.356	29.721
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(2.072.604)	(1.824.719)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp	(21.441)	(106.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	2.308.289	1.636.197
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09 Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	4.467.198	17.589.752
10 Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	894.887	(2.036.725)
11 Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(17.362)	(6.245)
12 Giảm/(tăng) các khoản cho vay khách hàng	485.703	(8.111.246)
13 Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(648.478)	(167.090)
14 Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	286.477	(96.385)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15 Tăng/(giảm) các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	538.332	(420.188)
16 Giảm tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(33.110.023)	(24.723.214)
17 Giảm/(tăng) tiền gửi của khách hàng	(2.941.344)	21.899.475
18 Giảm phát hành giấy tờ có giá	(7.986)	(4.669.366)
21 Giảm khác về nợ hoạt động khác	(54.434)	(16.882)
22 Chi từ các quỹ	-	(46.432)
I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(27.798.741)	831.651

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu VND

	2015	2014 Đã phân loại lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(296.033)	(481.878)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	304.801	127.208
07 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(6.545)
08 Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	12.907
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ góp vốn, mua cổ phần	2.308	2.286
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	11.076	(346.022)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04 Cổ tức đã trả cho cổ đông	(89)	(490.978)
05 Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	-	(78.273)
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(89)	(569.251)
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM	(27.787.754)	(83.622)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	40.362.491	40.446.113
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH SỐ 32)	12.574.737	40.362.491

ĐVT: Triệu VND

	2015	2014 Đã phân loại lại
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Nguyên giá của chi phí xây dựng cơ bản dở dang do Tập đoàn nhận được thông qua hình thức cản trừ khoản cho vay khách hàng	403.898	-

Người lập

Người kiểm soát

Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng



Trần Tấn Lộc
Quyển Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 11/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 1992. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận gửi tiền ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.355.229 triệu Việt Nam đồng. Ngân hàng đã phát hành 1.235.522.904 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch, một (1) quỹ tiết kiệm trên toàn quốc và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội (31/12/2014: một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch, một (1) quỹ tiết kiệm trên toàn quốc và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội).

1. Đơn vị báo cáo (tiếp theo)**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn cổ phần và quyền biểu quyết	
			31/12/2015	31/12/2014
Công ty con				
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Số 031028097 ngày 24 tháng 8 năm 2010	Quản lý tài sản	100%	100%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn phân loại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt là khoản đầu tư vào công ty liên kết do Tập đoàn và bên có liên quan của Tập đoàn sở hữu trên 11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt. Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã tăng vốn điều lệ và Tập đoàn không mua thêm cổ phần của công ty này do đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn và bên có liên quan của Tập đoàn sở hữu dưới 11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt trở thành chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Trong năm 2014, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim và công ty này không còn là công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014.

(e) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có **6.239** nhân viên (31/12/2014: **5.728** nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và nguyên tắc kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”) và báo cáo tài chính hợp nhất này cũng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”).

(e) Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

(f) Thay đổi các chính sách kế toán**(i) Ngân hàng**

Phân loại nợ theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 và Khoản 1, Điều 9 và Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN (“Thông tư 02”)

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Khoản 3, Điều 8 và Khoản 1, Điều 9 của Thông tư 02 có hiệu lực thi hành. Theo đó, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng nếu kết quả tự phân loại nhóm nợ của Ngân hàng thấp hơn kết quả phân loại nhóm nợ của CIC.

Đồng thời, Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư 02 chính thức hết hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Theo đó, Ngân hàng không được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Khoản 3a, Điều 10 từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Ngân hàng đã áp dụng phi hồi tố các quy định này. Những thay đổi trong chính sách phân loại nợ được trình bày trong Thuyết minh 3(g) – Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Áp dụng Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (“Thông tư 49”) sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thông tư 49 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính của Ngân hàng có một số thay đổi theo mẫu biểu mới của Thông tư 49. Đồng thời, các số liệu so sánh của năm trước đã được trình bày cho phù hợp với năm hiện tại (Thuyết minh số 42 – Số liệu so sánh).

Áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho hướng dẫn trước đó về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Bên cạnh việc tuân thủ các quy định của Chế độ Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng, Ngân hàng cũng áp dụng các quy định phù hợp của Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)**(f) Thay đổi các chính sách kế toán (tiếp theo)****(ii) Công ty con**

Ban Giám đốc công ty con áp dụng Thông tư 200 để lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(iii) Hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Thông tư 202. Việc áp dụng Thông tư 202 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính**(i) Công ty con**

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Khi có sự khác biệt giữa chính sách kế toán của công ty con và Ngân hàng thì các điều chỉnh cần thiết được thực hiện nhằm đảm bảo tính nhất quán của các chính sách kế toán cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

(ii) Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp chủ sở hữu)

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết (“đơn vị nhận đầu tư”) được hạch toán theo phương pháp chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn, và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 tại Thuyết minh 38(c)(ii)), các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trừ tiền gửi thanh toán là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trừ tiền gửi thanh toán và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”). Theo đó, Tập đoàn trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Theo Thông tư 02, Tập đoàn không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(e) Các công cụ tài chính phái sinh

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được ghi nhận theo giá trị thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giá trị hợp đồng. Chênh lệch giữa số lượng tiền tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá ghi trên hợp đồng và số lượng tiền tệ cam kết mua/bán được quy đổi theo tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và hợp đồng hoán đổi tiền tệ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Số dư của hợp đồng kỳ hạn tiền tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay vào cuối mỗi tháng. Lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)**(f) Cho vay khách hàng**

Cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn dưới một năm kể từ ngày giải ngân; cho vay trung hạn có kỳ hạn từ một năm đến năm năm kể từ ngày giải ngân và cho vay dài hạn có kỳ hạn trên năm năm kể từ ngày giải ngân.

Các khoản vay được dừng ghi nhận khi quyền lợi theo theo hợp đồng của Tập đoàn đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi Tập đoàn chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản vay được bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), Ngân hàng tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 ("Công văn 8499") và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 ("Công văn 925").

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**(i) Phân loại nợ**

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng (gọi chung là "các khoản nợ"), các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm (ngày 31 tháng 12) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc của các khoản nợ tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Tình hình quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc • Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ đang thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4 Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng đã quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể (tiếp theo)

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, Tập đoàn phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Tập đoàn thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- ❖ **Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn:** nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- ❖ **Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ:** nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- ❖ **Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn:** nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Tập đoàn mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Tập đoàn buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Tập đoàn tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối, các ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và đánh giá của Tập đoàn.

Tập đoàn cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Tập đoàn điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Theo Công văn số 5482/NHNN-TTGSNH ngày 30 tháng 7 năm 2014 do NHNNVN ban hành hướng dẫn thực hiện Thông tư 02 và Thông tư 09, Tập đoàn không phải sử dụng kết quả phân loại nợ do CIC cung cấp đối với các khoản nợ đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 02 còn trong hạn theo thời hạn đã được cơ cấu.

Trước ngày 1 tháng 4 năm 2015: Theo Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư 02 đã được sửa đổi bởi Thông tư 09, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- ❖ Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của Pháp luật;
- ❖ Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- ❖ Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- ❖ Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; và
- ❖ Ngân hàng và công ty con đáp ứng được quy định của NHNNVN về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Sau ngày 1 tháng 4 năm 2015: Khoản 3a, Điều 10 của Thông tư hết hiệu lực. Theo đó, Tập đoàn không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định trên.

Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

- ❖ Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá; và
- ❖ Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Tập đoàn.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
(a) Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
(b) Vàng miếng, trừ vàng miếng quy định tại điểm (i); tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
(c) Trái phiếu Chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: <ul style="list-style-type: none"> • Có thời hạn còn lại dưới 1 năm • Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm • Có thời hạn còn lại trên 5 năm 	95% 85% 80%
(d) Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50% 30%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30% 10%
(h) Bất động sản	50%
(i) Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 12 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm (ngày 31 tháng 12) cũng được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào Nhóm nợ có khả năng mất vốn tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)**(g) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)****(iv) Xử lý nợ xấu**

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09 các khoản nợ sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro sau khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay bị phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức, doanh nghiệp), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(v) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, việc phân loại nợ các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không cần trích lập dự phòng cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi Tập đoàn được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

(h) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**Phân loại**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này được hạch toán theo giá gốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó, trường hợp chứng khoán đó được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày bán.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(ii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**Phân loại**

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được trình bày trong Thuyết minh 3(g).

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)**(h) Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)****(ii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và Tập đoàn không thực hiện lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành**Phân loại**

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Tập đoàn.

Ghi nhận

Tập đoàn kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn 8499 và Công văn 925. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Đo lường

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Tập đoàn nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Tập đoàn ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Tập đoàn ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 ("Thông tư 14"). Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan trong năm. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Tập đoàn trích lập một lần số dự phòng cụ thể nói trên và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu thực tế của Tập đoàn tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(j) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết của Tập đoàn là công ty trong đó Tập đoàn hoặc Tập đoàn và người có liên quan của Tập đoàn sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Tập đoàn.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(k) Tài sản có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(k) Tài sản có khác (tiếp theo)

Đối với các tài sản có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Tập đoàn sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

❖ nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
❖ máy móc thiết bị	5 - 10 năm
❖ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
❖ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
❖ tài sản cố định khác	5 - 10 năm

(m) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới, mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo nguyên giá.

(p) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được phản ánh theo nguyên giá.

(q) Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(r) Phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(s) Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp do Tập đoàn đóng cho thời gian làm việc của nhân viên được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(t) Vốn

(i) Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)**(t) Vốn (tiếp theo)****(iii) Cổ phiếu quỹ**

Khi Tập đoàn mua lại cổ phiếu đã phát hành của chính Ngân hàng (“cổ phiếu quỹ”), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu quỹ, sẽ ghi giảm vào vốn chủ sở hữu.

Khi các cổ phiếu quỹ này được tái phát hành sau đó, số tiền nhận được sẽ được ghi nhận là khoản tăng vốn chủ sở hữu và chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá ghi sổ của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần.

(u) Các quỹ**(ii) Quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 do Chính phủ Việt Nam ban hành, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Phân bổ hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – công ty con

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 do Bộ Tài chính ban hành, việc trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc được thực hiện theo các quy định áp dụng cho Ngân hàng như mô tả ở trên.

(ii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được ghi nhận trong nợ phải trả của Tập đoàn. Tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

(iii) Các quỹ dự trữ khác

Các quỹ dự trữ khác bao gồm quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(v) Các chỉ tiêu ngoại bảng**Các cam kết và nợ tiềm ẩn**

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo

lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó các khoản này không thể hiện một cam kết về dòng tiền chắc chắn trong tương lai.

(w) Thu nhập lãi

Tập đoàn ghi nhận thu nhập lãi trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 3(g) được ghi nhận khi Tập đoàn thực sự thu được. Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày trong Thuyết minh 3(g) thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(x) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(y) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(z) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(aa) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập và Tập đoàn chỉ cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(bb) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(cc) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)**(cc) Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(dd) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(ee) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(ff) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận cần báo cáo là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn được chia theo khu vực địa lý và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu được chia theo hoạt động kinh doanh.

(gg) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ❖ Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ❖ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ❖ các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ❖ các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- ❖ các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ❖ các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ❖ các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ❖ các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ❖ các khoản cho vay và phải thu;
- ❖ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ❖ các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ❖ Nợ phải trả tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ❖ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(hh) Sai sót trọng yếu liên quan đến các kỳ trước

Tập đoàn điều chỉnh hồi tố những sai sót trọng yếu liên quan đến các kỳ trước vào báo cáo tài chính hợp nhất bằng cách:

- ❖ Điều chỉnh lại số liệu so sánh nếu sai sót thuộc kỳ lấy số liệu so sánh; hoặc
- ❖ Điều chỉnh số dư đầu kỳ của tài sản, nợ phải trả và các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu của kỳ lấy số liệu so sánh, nếu sai sót thuộc kỳ trước kỳ lấy số liệu so sánh.

(ii) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 49 mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền mặt, vàng

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền mặt bằng VND	846.541	701.172
Tiền mặt bằng ngoại tệ	942.159	696.190
Vàng	252.049	264.683
	2.040.749	1.662.045

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

Tiền gửi tại Ngân hàng	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2015	31/12/2014
Số dư tiền gửi bình quân tháng trước của:		
<i>Khách hàng:</i>		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng	8%	8%
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng	3%	3%
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
<i>Tổ chức tín dụng nước ngoài:</i>		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ	1%	1%
		ĐVT: Triệu VND
	31/12/2015	31/12/2014
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc		
• Bằng VND	1.607.784	2.106.702
• Bằng USD	1.108.480	1.108.265
	2.716.264	3.214.967

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	98.808	190.146
• Bằng ngoại tệ	3.303.126	1.922.160
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	3.321.550	25.238.360
• Bằng ngoại tệ	1.109.790	5.868.810
	7.833.274	33.219.476
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
• Bằng VND	95.000	2.758.700
• Bằng ngoại tệ	-	3.484.940
	95.000	6.243.640
Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(95.000)	-
	-	6.243.640
	7.833.274	39.463.116

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	4.415.790	37.350.810
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	15.550	-
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	95.000	-
	4.526.340	37.350.810

Biến động dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

	2015	2014
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	95.000	-
Số dư cuối năm	95.000	-

7. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

ĐVT: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015)	
		Tài sản	Công nợ
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.809.583	29.012	-
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	15.942.587	1.785	-
	19.752.170	30.797	-

ĐVT: Triệu VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015)	
		Tài sản	Công nợ
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	6.155.514	6.482	-
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	9.633.883	6.953	-
	15.789.397	13.435	-

8. Cho vay khách hàng

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	84.401.111	86.532.138
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	357.513	611.275
Các khoản trả thay khách hàng	1.168	3.130
	84.759.792	87.146.543

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	82.690.435	84.466.501
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	493.885	535.671
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	181.992	245.592
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	591.316	555.154
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	802.164	1.343.625
	84.759.792	87.146.543

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Nợ ngắn hạn	31.618.759	45.599.692
Nợ trung hạn	15.806.410	12.384.194
Nợ dài hạn	37.334.623	29.162.657
	84.759.792	87.146.543

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh doanh như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	33.203.944	29.372.611
Thương mại	20.942.648	21.953.633
Nông, lâm, ngư nghiệp	6.730.921	7.656.638
Sản xuất và gia công chế biến	6.500.828	7.686.299
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	5.908.704	6.064.489
Xây dựng	5.174.406	7.360.964
Kho bãi, giao thông vận tải và thông tin liên lạc	1.983.031	777.961
Nhà hàng và khách sạn	1.385.227	1.413.807
Dịch vụ tài chính	867.373	2.107.376
Giáo dục và đào tạo	551.611	672.769
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	448.815	463.965
Công nghiệp khai thác mỏ	308.702	409.937
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	301.835	451.512
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể quốc tế	278.708	580.853
Hoạt động khoa học và công nghệ	124.216	127.089
Hoạt động văn hóa, thể thao	48.823	46.640
	84.759.792	87.146.543

8. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Cá nhân	35.984.766	30.425.487
Công ty trách nhiệm hữu hạn	21.837.001	26.103.578
Công ty cổ phần	13.884.318	17.083.070
Doanh nghiệp nhà nước	10.096.115	11.064.924
Doanh nghiệp tư nhân	1.962.076	2.061.406
Công ty 100% vốn nước ngoài	805.563	352.888
Kinh tế tập thể	162.095	48.501
Khác	27.858	6.689
	84.759.792	87.146.543

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Dự phòng chung (i)	628.462	618.294
Dự phòng cụ thể (ii)	241.443	404.406
	869.905	1.022.700

(i) *Biến động dự phòng chung của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:*

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	2015	2014
Số dư đầu năm	618.294	596.177
Trích lập dự phòng trong năm	10.168	22.117
Số dư cuối năm	628.462	618.294

(ii) *Biến động dự phòng cụ thể của dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:*

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	2015	2014
Số dư đầu năm	404.406	114.781
Trích lập dự phòng trong năm	539.640	631.253
Sử dụng dự phòng trong năm	(648.478)	(167.090)
Sử dụng dự phòng cho các khoản nợ được bán cho VAMC	(51.062)	(174.017)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	(3.063)	(521)
Số dư cuối năm	241.443	404.406

10. Chứng khoán đầu tư

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	-	1.033.278
• Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	-	250.000
• Trái phiếu Chính phủ	3.922.512	2.348.379
<i>Chứng khoán vốn</i>		
• Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	722	722
• Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	33.950	1.270
	3.957.184	3.633.649
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-
	3.957.184	3.633.649

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	150.042	1.108.894
• Do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết	4.600.000	4.600.000
• Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành – chưa niêm yết	5.198.000	6.025.000
	9.948.042	11.733.894
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
• Dự phòng chung (i)	(38.422)	(44.625)
	9.909.620	11.689.269

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (ii)		
• Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	6.230.410	4.784.323
• Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(979.130)	(183.748)
	5.251.280	4.600.575

10. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)(i) *Biến động dự phòng chung chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trong năm như sau:*

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014
Số dư đầu năm	44.625	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	44.625
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.203)	-
Số dư cuối năm	38.422	44.625

(ii) *Đây là trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm mua lại các khoản nợ xấu của Tập đoàn với tổng giá trị nợ gốc được mua là 6.454.402 triệu VND. Tính đến thời điểm bán nợ cho VAMC, dự phòng rủi ro cụ thể đã được Tập đoàn trích lập cho các khoản nợ này là 223.992 triệu VND.*

Biến động dự phòng dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm như sau:

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014
Số dư đầu năm	183.748	-
Trích lập dự phòng trong năm	803.919	183.748
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.537)	-
Số dư cuối năm	979.130	183.748

11. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	ĐVT: Triệu VND	
	31/12/2015	31/12/2014
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	-	61.723
Đầu tư dài hạn khác (ii)	2.031.645	2.031.645
	2.031.645	2.093.368
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
• Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (iii)	(161.811)	(153.266)
	1.869.834	1.940.102

(i) *Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn phân loại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt là khoản đầu tư vào công ty liên kết do Tập đoàn và bên có liên quan của Tập đoàn sở hữu trên 11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt. Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã tăng vốn điều lệ và Tập đoàn không mua thêm cổ phần của công ty này do đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn và bên có liên quan của Tập đoàn sở hữu dưới 11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt trở thành chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.*(ii) *Đầu tư dài hạn khác:*

	ĐVT: Triệu VND	
	31/12/2015	31/12/2014
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng khác trong nước		
• Đã niêm yết	1.672.663	1.672.663
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế trong nước		
• Đã niêm yết	52.483	52.483
• Chưa niêm yết	306.499	306.499
	2.031.645	2.031.645

(iii) *Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:*

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014
Số dư đầu năm	153.266	123.065
Trích lập dự phòng trong năm	9.617	32.213
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.072)	(2.012)
Số dư cuối năm	161.811	153.266

12. Tài sản cố định hữu hình

ĐVT: Triệu VND

2015	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	436.397	567.871	230.677	41.485	523.126	1.799.556
Tăng trong năm	-	-	217	-	-	217
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	191.196	30.482	4.003	2.240	35.186	263.107
Phân loại lại	-	625	-	(225)	(400)	-
Thanh lý	(22.378)	(819)	(3.047)	(551)	(2.838)	(29.633)
Số dư cuối năm	605.215	598.159	231.850	42.949	555.074	2.033.247
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	21.066	295.829	135.969	28.285	288.792	769.941
Khấu hao trong năm	8.209	62.519	30.244	4.866	59.302	165.140
Phân loại lại	-	220	-	(152)	(68)	-
Thanh lý	(978)	(744)	(2.941)	(493)	(1.702)	(6.858)
Số dư cuối năm	28.297	357.824	163.272	32.506	346.324	928.223
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	415.331	272.042	94.708	13.200	234.334	1.029.615
Số dư cuối năm	576.918	240.335	68.578	10.443	208.750	1.105.024

ĐVT: Triệu VND

2014	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	255.562	479.042	207.123	42.152	481.507	1.465.386
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	193.497	88.939	34.158	316	42.734	359.644
Phân loại lại	-	(79)	(1.019)	(293)	1.391	-
Thanh lý	(12.662)	(31)	(9.585)	(690)	(2.506)	(25.474)
Số dư cuối năm	436.397	567.871	230.677	41.485	523.126	1.799.556
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	16.098	234.797	106.518	25.684	225.457	608.554
Khấu hao trong năm	4.968	61.099	37.069	3.269	62.883	169.288
Phân loại lại	-	(36)	(910)	(77)	1.023	-
Thanh lý	-	(31)	(6.708)	(591)	(571)	(7.901)
Số dư cuối năm	21.066	295.829	135.969	28.285	288.792	769.941
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	239.464	244.245	100.605	16.468	256.050	856.832
Số dư cuối năm	415.331	272.042	94.708	13.200	234.334	1.029.615

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bao gồm trong tài sản cố định hữu hình là các tài sản có nguyên giá 295.429 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 184.280 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B05/TCTD-HN

13. Tài sản cố định vô hình

ĐVT: Triệu VND			
2015	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	3.209.098	132.495	3.341.593
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	603.132	15.342	618.474
Thanh lý	(229.797)	-	(229.797)
Số dư cuối năm	3.582.433	147.837	3.730.270
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	-	82.537	82.537
Khấu hao trong năm	-	12.130	12.130
Số dư cuối năm	-	94.667	94.667
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	3.209.098	49.958	3.259.056
Số dư cuối năm	3.582.433	53.170	3.635.603
ĐVT: Triệu VND			
2014	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	2.467.458	128.100	2.595.558
Mua trong kỳ	34.868	-	34.868
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	825.750	4.395	830.145
Thanh lý	(118.978)	-	(118.978)
Số dư cuối năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	3.209.098	132.495	3.341.593
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	70.685	70.685
Khấu hao trong năm	-	11.852	11.852
Số dư cuối năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	-	82.537	82.537
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	2.467.458	57.415	2.524.873
Số dư cuối năm (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	3.209.098	49.958	3.259.056

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bao gồm trong tài sản cố định vô hình là các tài sản có nguyên giá 41.033 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 40.728 triệu VND).

14. Tài sản Có khác

ĐVT: Triệu VND		
	31/12/2015	31/12/2014
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)		
• Tạm ứng mua sắm bất động sản	310.151	536.870
• Chi phí xây dựng công trình	281.101	264.278
• Tạm ứng mua sắm tài sản khác	19.769	34.348
	611.021	835.496
Các khoản phải thu		
• Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (ii)	303.828	303.679
• Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 20)	129.561	128.948
• Tạm ứng lương chưa quyết toán	116.012	239.295
• Phải thu từ xử lý nợ của Vinashin (iii)	87.500	131.250
• Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	57.797	51.712
• Các khoản phải thu trong cho vay hỗ trợ lãi suất	38.451	38.442
• Các khoản phải thu trong hoạt động thanh toán thẻ	31.079	35.177
• Đặt cọc thuê nhà và ký quỹ hoạt động khác	26.111	12.775
• Tạm ứng thu nợ chờ tất toán	18.736	34.683
• Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ở nước ngoài chờ tất toán	12.519	12.895
• Phải thu cổ tức bằng tiền mặt	5.865	5.865
• Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.472	6.034
• Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	31.466
• Các khoản phải thu khác	76.204	62.173
	909.135	1.094.394
Các khoản lãi, phí phải thu		
	992.436	1.408.202
Tài sản Có khác		
• Chi phí chờ phân bổ	72.962	122.588
• Vật liệu, công cụ lao động	17.473	16.608
• Thanh toán giữa các tổ chức tín dụng	13.132	-
• Tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Tập đoàn, đang chờ xử lý	-	42.556
	103.567	181.752
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (iv)		
	(6.000)	(4.250)
	2.610.159	3.515.594

14. Tài sản Có khác (tiếp theo)

(i) *Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:*

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	2015	2014
Số dư đầu năm	835.496	1.587.889
Tăng trong năm	678.821	483.156
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(263.107)	(359.644)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(618.474)	(830.145)
Chuyển sang tài sản có khác	(21.715)	(45.760)
Số dư cuối năm	611.021	835.496

(ii) *Đây là các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn và Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim. Các khoản phải thu này sẽ đáo hạn trong năm 2018 và năm 2019.*

(iii) *Đây là khoản phải thu từ việc xử lý nợ vay của Tổng công ty công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin) theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được phân bổ vào chi phí đến năm 2017. Biến động của khoản phải thu này trong năm là phần đã được phân bổ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.*

(iv) *Biến động các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác trong năm như sau:*

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	2015	2014
Số dư đầu năm	4.250	-
Trích lập dự phòng trong năm	1.839	48.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(89)	(43.750)
Số dư cuối năm	6.000	4.250

Phân tích chất lượng tài sản có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	1.537.733	1.923.830
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	40	211
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	173	131
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	53	168
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	93.365	137.305
	1.631.364	2.061.645

15. Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Vay NHNNVN		
• Bằng VND	542.634	-
• Bằng ngoại tệ	2.311	6.613
	544.945	6.613

16. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	81.426	90.775
• Bằng ngoại tệ	13.571	13.991
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	4.565.000	23.570.000
• Bằng ngoại tệ	2.443.780	5.879.500
	7.103.777	29.554.266
Tiền vay		
• Bằng VND	-	3.850.000
• Bằng ngoại tệ	829.540	7.639.074
	829.540	11.489.074
	7.933.317	41.043.340

17. Tiền gửi của khách hàng

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	10.410.868	9.010.250
• Bằng ngoại tệ	3.389.012	2.354.544
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	19.237.732	27.381.978
• Bằng ngoại tệ	799.151	1.526.950
Tiền gửi tiết kiệm		
• Bằng VND	53.658.311	49.926.314
• Bằng ngoại tệ	10.075.694	10.181.799
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
• Bằng VND	41.245	27.050
• Bằng ngoại tệ	55.435	26.875
Tiền gửi ký quỹ		
• Bằng VND	560.621	434.438
• Bằng ngoại tệ	202.473	501.688
	98.430.542	101.371.886

17. Tiền gửi của khách hàng (tiếp theo)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp như sau:

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Cá nhân	70.321.728	65.820.637
Công ty cổ phần, công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân	17.849.862	24.066.016
Doanh nghiệp nhà nước	5.796.873	7.129.432
Công ty 100% vốn nước ngoài	3.971.537	3.847.392
Các đối tượng khác	490.542	508.409
	98.430.542	101.371.886

18. Phát hành giấy tờ có giá

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Chứng chỉ tiền gửi		
• Dưới 12 tháng	392	8.378
• Từ 5 năm trở lên	3.000.000	3.000.000
	3.000.392	3.008.378

19. Các khoản phải trả và công nợ khác

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Các khoản phải trả nội bộ		
• Các khoản phải trả nhân viên	5.365	3.528
• Các khoản phải trả nội bộ khác	4.659	2.572
Các khoản phải trả bên ngoài		
• Các khoản phải trả trong nghiệp vụ L/C	114.878	109.549
• Các khoản phải trả NHNNVN trong cho vay hỗ trợ lãi suất	29.841	29.686
• Các khoản phải trả trong dịch vụ thanh toán thẻ	29.374	25.172
• Các khoản thuế phải nộp (Thuyết minh số 20)	15.728	12.454
• Các khoản phải trả trong nghiệp vụ xử lý nợ	13.666	13.018
• Chuyển tiền phải trả	11.572	22.728
• Cổ tức phải trả	2.556	2.645
• Doanh thu chờ phân bổ	354	9.725
• Phải trả khác	33.026	66.721
• Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	24.375	33.327
	285.394	331.125

(i) *Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:*

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	2015	2014
Số dư đầu năm	33.327	-
Chuyển từ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh số 21)	-	51.626
Trích từ lợi nhuận sau thuế trong năm (Thuyết minh số 21)	15.000	-
Sử dụng trong năm	(23.952)	(18.299)
Số dư cuối năm	24.375	33.327

20. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

2015	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(128.948)	20.828	(21.441)	(129.561)
Thuế giá trị gia tăng phải trả	8.496	76.882	(76.069)	9.309
Thuế thu nhập cá nhân	3.958	62.045	(59.584)	6.419
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	3.769	(3.769)	-
Các loại thuế khác	-	6.062	(6.062)	-
	(116.494)	169.586	(166.925)	(113.833)

2014	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.179)	12.712	(106.481)	(128.948)
Thuế giá trị gia tăng phải trả	5.374	49.924	(46.802)	8.496
Thuế thu nhập cá nhân	12.492	69.626	(78.160)	3.958
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	8.685	(8.685)	-
Các loại thuế khác	-	4.484	(4.484)	-
	(17.313)	145.431	(244.612)	(116.494)

21. Vốn và các quỹ

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

ĐVT: Triệu VND

	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Quỹ dự trữ bổ sung	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	12.355.229	15.396	156.322	-	29.032	511.574	984.322	326	(605.282)	13.446.919
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	340.912	340.912
Trích bổ sung cho các quỹ cho năm trước	-	-	-	-	69.026	294	588	-	(69.908)	-
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	2.836	5.673	-	(8.509)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(78.273)	-	-	-	-	-	(78.273)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(491.773)	(491.773)
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	(46.432)	-	-	-	-	(46.432)
Chuyển sang các khoản phải trả (*)	-	-	-	-	(51.626)	-	-	-	-	(51.626)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 (đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 41)	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	-	514.704	990.583	326	(834.560)	13.119.727
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	39.994	39.994
Điều chỉnh các quỹ cho năm trước	-	-	-	-	-	(32)	(65)	-	97	-
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	2.666	5.334	-	(8.000)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.000)	(15.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	12.355.229	15.396	156.322	(78.273)	-	517.338	995.852	326	(817.469)	13.144.721

(*) Quỹ khen thưởng và phúc lợi đã được chuyển sang các khoản phải trả và công nợ khác theo hướng dẫn của Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành được áp dụng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

21. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

(b) Vốn điều lệ

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá	Số cổ phiếu	Mệnh giá
Vốn điều lệ được duyệt	1.235.522.904	12.355.229	1.235.522.904	12.355.229
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.235.522.904	12.355.229	1.235.522.904	12.355.229
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(6.090.000)	(60.900)	(6.090.000)	(60.900)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.229.432.904	12.294.329	1.229.432.904	12.294.329

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Thu nhập lãi thuần

ĐVT: Triệu VND

	2015	2014 Đã phân loại lại
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
• Cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	6.669.181	6.304.951
• Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	350.262	756.626
• Chứng khoán đầu tư	1.441.696	1.471.392
• Nghiệp vụ bảo lãnh	111.129	117.528
• Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	28.916	31.214
	8.601.184	8.681.711
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự từ		
• Tiền gửi của khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	(4.707.171)	(4.959.095)
• Tiền vay tổ chức tín dụng khác	(93.702)	(501.769)
• Chứng chỉ tiền gửi	(375.001)	(390.095)
• Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	(27.620)	(2.991)
	(5.203.494)	(5.853.950)
Thu nhập lãi thuần	3.397.690	2.827.761

23. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

ĐVT: Triệu VND

	2015	2014 Đã phân loại lại
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
• Dịch vụ thanh toán	476.699	385.915
• Dịch vụ ngân quỹ	33.082	25.161
• Dịch vụ khác	57.910	43.043
	567.691	454.119
Chi phí hoạt động dịch vụ		
• Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(204.878)	(157.902)
• Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(35.834)	(36.713)
• Vận chuyển, bốc xếp tiền	(6.766)	(7.626)
• Hoa hồng môi giới	(12.044)	(8.177)
• Các dịch vụ khác	(16.128)	(15.313)
	(275.650)	(225.731)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	292.041	228.388

24. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

ĐVT: Triệu VND

	2015	2014
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	1.318.090	1.467.581
• Thu từ kinh doanh vàng	204.029	284.388
• Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	510.436	268.987
	2.032.555	2.020.956
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(1.071.600)	(985.402)
• Chi về kinh doanh vàng	(209.848)	(253.901)
• Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(688.392)	(611.399)
	(1.969.840)	(1.850.702)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62.715	170.254

25. Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	204	-
Chi phí cho mua bán chứng khoán đầu tư	(3.147)	-
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(31.220)	-
	(34.163)	-

26. Lãi thuần từ hoạt động khác

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014 Đã điều chỉnh/ phân loại lại
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu từ các khoản nợ đã được xử lý trước đây	66.356	29.721
Thu thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác	305.106	127.208
Thu nhập khác	10.070	3.319
	381.532	160.248
Chi phí hoạt động khác		
Giá trị ghi sổ của quyền sử dụng đất và tài sản cố định khác được thanh lý	(294.910)	(136.230)
Chi phí khác	(1.480)	-
	(296.390)	(136.230)
	85.142	24.018

27. Lỗ từ góp vốn, mua cổ phần

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014
Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia trong năm từ:	2.308	2.286
• Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán	26	31
• Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.282	2.255
Lỗ từ bán khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	(3.716)
Lỗ từ bán các khoản đầu tư dài hạn khác	-	(2.613)
Phân chia lợi nhuận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	2.175	11.427
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.072	10.368
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(9.617)	(40.569)
	(4.062)	(22.817)

28. Chi phí hoạt động

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014 Đã phân loại lại
1. Chi phí cho nhân viên:	1.148.906	949.687
Trong đó:		
• Chi lương và phụ cấp	1.002.325	794.987
• Các khoản chi đóng góp theo lương	73.544	63.559
• Chi ăn ca	62.881	61.281
• Chi y tế	5.316	4.464
• Chi trợ cấp	4.415	5.039
• Chi trang phục và phương tiện bảo hộ lao động	425	20.357
2. Chi về tài sản	499.114	488.149
Trong đó:		
• Chi phí thuê tài sản	200.207	199.576
• Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.270	181.144
• Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	77.361	71.025
• Mua sắm công cụ lao động	41.802	34.035
• Chi bảo hiểm tài sản	2.474	2.369
3. Chi xuất bản tài liệu, quảng cáo	96.354	174.331
4. Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	82.193	64.852
5. Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	71.147	76.232
6. Chi điện nước, vệ sinh cơ quan	47.020	41.717
7. Chi dự phòng rủi ro khác	45.500	48.000
8. Chi vật liệu, giấy tờ in	40.367	36.951
9. Công tác phí	23.579	21.249
10. Chi bưu phí và điện thoại	10.948	14.233
11. Chi phí thuê chuyên gia	15.017	9.254
12. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	7.882	6.651
13. Chi phí mua tài liệu sách báo	7.515	5.433
14. Chi đào tạo, huấn luyện	3.995	2.495
15. Chi phí cho việc thanh tra, kiểm tra	2.248	2.698
16. Các khoản chi phí khác	202.769	106.749
	2.304.554	2.048.681

29. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014
Trích lập dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác (Thuyết minh số 6)	95.000	-
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng (Thuyết minh 9(i))	10.168	22.117
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng (Thuyết minh 9(ii))	539.640	631.253
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 10(i))	(6.203)	44.625
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 10(ii))	803.919	183.748
Hoàn nhập dự phòng trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 10(ii))	(8.537)	-
Hoàn nhập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	-	(56.444)
	1.433.987	825.299

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	20.645	12.518
Dự phòng thiếu trong những năm trước	183	194
	20.828	12.712
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.828	12.712

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	ĐVT: Triệu VND	
	2015	2014 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.822	353.624
Các khoản mục điều chỉnh:		
• Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(1.932)	(1.937)
• Lãi được chia từ công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	(2.175)	(11.427)
• Chi phí dự phòng của công ty liên kết cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	11.159	8.355
• Lỗ do thanh lý công ty liên kết	-	3.716
• Chi phí không được khấu trừ thuế	22.598	29.361
Thu nhập chịu thuế	90.472	381.692
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	20.645	83.725
Dự phòng thiếu trong những năm trước	183	194
Điều chỉnh thuế (*)	-	(71.207)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.828	12.712

(*) Đây là khoản điều chỉnh thuế TNDN do hủy hợp đồng chuyển nhượng tài sản trong năm.

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng là 22% cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% lợi nhuận chịu thuế cho năm 2014 và 2015 do doanh thu của Công ty thấp hơn 20 tỷ VND theo hướng dẫn của Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

31. Lãi trên cổ phiếu

(a) *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng là 39.994 triệu VND (2014: 340.912 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.229.432.904 (2014: 1.229.682.643), được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	2015	2014 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	39.994	340.912

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	<i>ĐVT: Cổ phiếu</i>	
	2015	2014
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đầu năm	1.229.432.904	1.235.552.904
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Ngân hàng đang nắm giữ	-	(5.870.261)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm	1.229.432.904	1.229.682.643

(iii) *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

	<i>ĐVT: VND</i>	
	2015	2014 Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	277

(b) *Lãi suy giảm trên cổ phiếu*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014, Ngân hàng không có bất kỳ loại cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

32. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Tiền mặt, vàng	2.040.749	1.662.045
Tiền gửi tại NHNNVN	2.716.264	3.214.967
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	7.817.724	34.885.368
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua	-	600.111
	12.574.737	40.362.491

33. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	2015	2014
Tổng số nhân viên bình quân trong năm	6.046	5.429
Thu nhập của nhân viên		
1. Lương	1.002.325	794.987
2. Thưởng	10.865	30.219
3. Thu nhập khác	62.881	61.281
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	1.076.071	886.487
Tiền lương bình quân hàng tháng/nhân viên	14	12
Thu nhập bình quân hàng tháng/nhân viên	15	14

34. Loại hình và giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng

	<i>ĐVT: Triệu VND</i>	
	31/12/2015	31/12/2014
Hàng tồn kho	553.676	1.036.807
Bất động sản	109.857.818	95.604.943
Máy móc và thiết bị	15.567.144	5.117.128
Cổ phiếu và giấy tờ có giá	20.909.487	29.358.752
Tài sản khác	25.603.203	16.172.157
	172.491.328	147.289.787

Ngoại trừ tài sản có giá trị nhỏ được định giá bởi các chi nhánh, tài sản bảo đảm được định giá bởi Trung tâm Thẩm định Giá Tài sản trực thuộc Ngân hàng. Đối với các tài sản bảo đảm (i) có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Tập đoàn và các đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng, hoặc (ii) có giá trị từ 200 tỷ VND trở lên, Tập đoàn sử dụng dịch vụ định giá tài sản của các tổ chức có chức năng thẩm định giá độc lập theo danh sách được chấp thuận bởi Tổng Giám đốc Ngân hàng.

35. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá trị theo hợp đồng – góp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng – thuần	Giá trị theo hợp đồng – góp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng – thuần
Bảo lãnh vay vốn						
Cam kết giao dịch hối đoái	36.219	-	36.219	34.274	-	34.274
Trong đó:	32.350.457	-	32.350.457	22.220.308	-	22.220.308
• Cam kết mua ngoại tệ	153.212	-	153.212	99.992	-	99.992
• Cam kết bán ngoại tệ	358.369	-	358.369	867.519	-	867.519
• Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	31.838.876	-	31.838.876	21.252.797	-	21.252.797
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	4.047.921	(190.929)	3.856.992	5.247.509	(343.712)	4.903.797
Bảo lãnh khác	3.228.650	(159.721)	3.068.929	3.676.371	(132.277)	3.544.094
Cam kết khác	163.400	-	163.400	155.821	-	155.821
	39.826.647	(350.650)	39.475.997	31.334.283	(475.989)	30.858.294

36. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

ĐVT: Triệu VND

Số dư cuối năm	31/12/2015	31/12/2014
	Phải thu/(Phải trả)	
Các cổ đông lớn		
Tiền gửi từ các cổ đông lớn	(1.757.538)	(209.691)
Vay từ các cổ đông lớn	(112.100)	(1.560.740)
Tiền gửi tại các cổ đông lớn	1.759.491	515.005
Các bên liên quan khác (*)		
Tiền gửi từ các bên liên quan khác	(58.414)	(219.395)
Lãi phải trả cho các bên liên quan khác	(7.994)	(1.266)
Cho các bên liên quan khác vay	(257)	7.280
Lãi phải thu các bên liên quan khác	-	20

ĐVT: Triệu VND

Giao dịch phát sinh trong năm	2015	2014
	Thu nhập/(Chi phí)	
Các cổ đông lớn		
Thu nhập lãi	946	422
Chi phí lãi	(29.935)	(27.778)
Các bên liên quan khác (*)	29	5.143
Thu nhập lãi	(2.323)	(18.662)
Chi phí lãi		
Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị	(17.747)	(23.673)
Thù lao trả cho Ban Kiểm soát	(7.021)	(11.260)
Tiền lương và phụ cấp trả cho Ban Tổng Giám đốc	(48.858)	(45.314)

(*) Các bên liên quan khác bao gồm những nhân sự quản lý chủ chốt là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân này và những doanh nghiệp do các cá nhân này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Tập đoàn.

37. Mức độ tập trung của tài sản, nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Triệu VND

	Cho vay khách hàng – gộp	Tiền gửi của khách hàng	Phát hành giấy tờ có giá	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng	Chứng khoán đầu tư – gộp	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	Tiền gửi và cho vay TCTD khác – gộp	Tiền gửi và vay từ TCTD khác	Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)
Trong nước	84.759.792	97.145.933	3.000.392	7.309.487	20.135.636	2.031.645	6.246.195	7.260.717	18.362.454
Nước ngoài	-	1.284.609	-	3.303	-	-	1.682.079	672.600	1.389.716
	84.759.792	98.430.542	3.000.392	7.312.790	20.135.636	2.031.645	7.928.274	7.933.317	19.752.170

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: Triệu VND

	Cho vay khách hàng – gộp	Tiền gửi của khách hàng	Phát hành giấy tờ có giá	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng	Chứng khoán đầu tư – gộp	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	Tiền gửi và cho vay TCTD khác – gộp	Tiền gửi và vay từ TCTD khác	Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)
Trong nước	87.146.543	99.908.798	3.008.378	8.947.640	20.151.866	2.093.368	37.892.565	39.176.866	14.735.301
Nước ngoài	-	1.463.088	-	10.514	-	-	1.570.551	1.866.474	1.054.096
	87.146.543	101.371.886	3.008.378	8.958.154	20.151.866	2.093.368	39.463.116	41.043.340	15.789.397

38. Quản lý rủi ro tài chính**(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Tập đoàn, và được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Tập đoàn và mỗi cá nhân trong Tập đoàn có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Tập đoàn đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Tập đoàn cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Tập đoàn.

(ii) Khung quản lý rủi ro tín dụng**Cơ cấu quản lý rủi ro**

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên hợp nhất riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Tập đoàn.

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động của Tập đoàn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Tập đoàn trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý Rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Tập đoàn để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**(a) Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****(ii) Khung quản lý rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Tập đoàn.

Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Tập đoàn sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Tập đoàn được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Tập đoàn và tuân thủ các quy định an toàn của NHNNVN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Tập đoàn cũng như mức độ rủi ro mà Tập đoàn sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng hạn mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Tập đoàn.

Đối với tất cả các cấp trong Tập đoàn, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

Giảm thiểu rủi ro

Tập đoàn đã chủ động sử dụng các tài sản bảo đảm nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Tập đoàn cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động ngân hàng đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Tập đoàn đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Tập đoàn cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc người vay không trả nợ gốc và lãi như cam kết hoặc các bên đối tác không đáp ứng tuân thủ theo các điều kiện hoặc theo hợp đồng. Rủi ro tín dụng bao gồm tất cả các loại sản phẩm tài chính: các giao dịch ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản tiền gửi, cho vay, thấu chi, trái phiếu, và các tài sản có khác; và các giao dịch ghi nhận ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất như là công cụ tài chính phái sinh, thư tín dụng và thư bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Tập đoàn xây dựng cơ cấu tổ chức các chức năng tín dụng dựa trên hệ thống kiểm soát và cân bằng, các đơn vị kinh doanh được tách hợp nhất hoàn toàn với các đơn vị phê duyệt tín dụng. Ngoại trừ việc ủy quyền phê duyệt tín dụng cho Giám đốc Chi nhánh đối với các giao dịch có giá trị nhỏ và rủi ro thấp, thẩm quyền phê duyệt tín dụng được thực hiện tập trung. Các chính sách quản lý rủi ro tín dụng đối với các rủi ro tín dụng trọng yếu được xây dựng và phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng, như sau:

- ❖ Các đơn vị kinh doanh được tách hợp nhất với các đơn vị quản lý rủi ro, định giá tài sản bảo đảm và phê duyệt tín dụng.
- ❖ Các đơn vị kinh doanh đề xuất cấp tín dụng và thực hiện định giá sơ bộ tài sản bảo đảm.
- ❖ Các đơn vị quản lý rủi ro độc lập với các đơn vị đề xuất ban đầu và thực hiện rà soát và tái thẩm định các đề xuất của đơn vị kinh doanh.
- ❖ Ngoại trừ việc phê duyệt các giao dịch có giá trị thấp và rủi ro thấp, thẩm quyền phê duyệt tín dụng được tập trung tại Hội sở. Các chính sách và các quy định liên quan đến quản lý rủi ro tín dụng được phê duyệt tương ứng bởi Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, bao gồm:
 - Chính sách Tín dụng;
 - Quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng;
 - Quy định về tài sản bảo đảm và định giá tài sản bảo đảm;
 - Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng;
 - Hướng dẫn hạn mức tín dụng cho đối tác;
 - Quy trình Tín dụng;
 - Quy định về quy trình, nội dung kiểm tra và giám sát trước, trong và sau khi gia hạn tín dụng; và
 - Quy định về hoạt động, chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Xử lý Rủi ro.
- ❖ Các đơn vị quản lý rủi ro định kỳ gửi Báo cáo Rủi ro đến Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Quản trị, báo cáo này gồm báo cáo về tăng trưởng tín dụng, chất lượng tín dụng, phân phối tín dụng theo hệ thống xếp hạng rủi ro tín dụng mới, dự phòng tín dụng, tín dụng có vấn đề, giám sát rà soát khách hàng, dư nợ theo ngành nghề, nhóm nợ và tập trung tín dụng.
- ❖ Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán và kiểm tra thường xuyên đảm bảo sự tuân thủ và tính hiệu lực của các chính sách và quy trình nghiệp vụ.

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Tài sản bảo đảm**

Tài sản bảo đảm được định giá bởi một bộ phận độc lập với bộ phận kinh doanh dựa trên giá trị thị trường tại thời điểm định giá. Việc định giá tài sản bảo đảm được cập nhật thường xuyên.

Các loại tài sản bảo đảm chính bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và giấy tờ có giá. Hướng dẫn đánh giá tài sản là động sản, bất động sản đang được rà soát và cập nhật nhằm tuân thủ các quy định của NHNNVN.

Các cam kết và bảo lãnh

Để đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng, Tập đoàn phát hành các cam kết không hủy ngang và các nợ tiềm ẩn khác nhau. Các cam kết và bảo lãnh cũng được xếp hạng và phân loại rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng tập trung

Mức độ rủi ro tín dụng tập trung của Tập đoàn được quản lý theo khách hàng, theo bộ phận địa lý và ngành nghề.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày báo cáo, không tính đến tài sản bảo đảm, bao gồm:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Các khoản cho vay và phải thu		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.716.264	3.214.967
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp (i)	7.928.274	39.463.116
Cho vay khách hàng – gộp (ii)	84.759.792	87.146.543
Các khoản phải thu – gộp	638.927	653.442
Các khoản lãi, phí phải thu	992.436	1.408.202
	97.035.693	131.886.270
Chứng khoán đầu tư – gộp (iii)		
Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán	3.922.512	3.631.657
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	16.178.452	16.518.217
	20.100.964	20.149.874
Các cam kết tín dụng – gộp		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	4.047.921	5.247.509
Bảo lãnh khác	3.264.869	3.710.645
	7.312.790	8.958.154
	124.449.447	160.994.298

(i) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác của Tập đoàn chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu được giao dịch với các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và cho vay này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là từ các khách hàng có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn.

(iii) Chứng khoán đầu tư

Tập đoàn giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu các tổ chức tín dụng, trái phiếu của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán hay sàn UPCoM. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng sẽ không có tổn thất tài chính trọng yếu nào có thể phát sinh từ các chứng khoán đầu tư này.

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	15.550	-	15.550
Cho vay khách hàng – gộp	100.797	21.427	26.335	406.679	555.238
	100.797	21.427	41.885	406.679	570.788

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Cho vay khách hàng – gộp	100.116	40.779	62.854	767.551	971.300
Tài sản Có khác – gộp	211	131	3	-	345
	100.327	40.910	62.857	767.551	971.645

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính bị giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	-	95.000	95.000
Cho vay khách hàng – gộp	393.088	160.565	564.981	395.485	1.514.119
Tài sản Có khác – gộp	40	173	53	93.365	93.631
	393.128	160.738	565.034	583.850	1.702.750

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Quá hạn				Tổng
	Từ 10 đến 90 ngày	Từ 91 đến 180 ngày	Từ 181 đến 360 ngày	Trên 360 ngày	
Các khoản cho vay và phải thu					
Cho vay khách hàng – gộp	435.555	204.813	492.300	576.074	1.708.742
Tài sản có khác – gộp	-	-	165	137.305	137.470
	435.555	204.813	492.465	713.379	1.846.212

Xem Thuyết minh số 34 về các loại và giá trị tài sản bảo đảm nhận được từ khách hàng. Tập đoàn chưa xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản bảo đảm cho các tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các tài sản bảo đảm này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền của công cụ tài chính biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Tập đoàn sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo kỳ định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau đó được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn:

- ❖ Tiền mặt, vàng; các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác; góp vốn, đầu tư dài hạn; các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- ❖ Tiền gửi tại NHNNVN được xếp loại vào tiền gửi thanh toán do đó kỳ định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục dưới một tháng.
- ❖ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán nợ đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán của từng loại chứng khoán.
- ❖ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác; cho vay khách hàng; tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời hạn định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ❖ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn còn lại của từng loại giấy tờ có giá.

Bảng sau trình bày tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn được phân loại theo thời hạn ngắn hơn giữa thời hạn định lại lãi suất hoặc ngày đáo hạn hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B05/TCTD-HN

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	2.040.749	-	-	-	-	-	-	2.040.749
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.716.264	-	-	-	-	-	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức									
tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.772.884	44.840	-	-	-	-	7.928.274
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	30.797	-	-	-	-	-	-	30.797
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.069.357	-	39.810.005	15.440.732	13.568.515	11.214.110	2.589.702	67.371	84.759.792
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	6.265.082	2.373.041	-	900.631	3.856.644	6.665.238	75.000	20.135.636
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	2.031.645	-	-	-	-	-	-	2.031.645
Tài sản cố định	-	4.740.627	-	-	-	-	-	-	4.740.627
Tài sản có khác – gộp	93.631	2.522.528	-	-	-	-	-	-	2.616.159
Tổng tài sản (1)	2.273.538	17.631.428	52.672.194	15.485.572	14.469.146	15.070.754	9.254.940	142.371	126.999.943
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	518.720	-	2.907	23.318	-	-	544.945
Tiền gửi và vay các tổ chức									
tín dụng khác	-	-	7.552.017	381.300	-	-	-	-	7.933.317
Tiền gửi của khách hàng	-	-	50.271.102	18.992.379	12.096.509	8.816.283	8.253.717	552	98.430.542
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	392	-	-	-	-	3.000.000	3.000.392
Các khoản nợ khác	-	1.795.758	-	-	-	-	-	-	1.795.758
Tổng nợ phải trả (2)	-	1.795.758	58.342.231	19.373.679	12.099.416	8.839.601	8.253.717	3.000.552	111.704.954
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)=(1)-(2)]	2.273.538	15.835.670	(5.670.037)	(3.888.107)	2.369.730	6.231.153	1.001.223	(2.858.181)	15.294.989
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	7.333.077	-	-	-	-	-	-	7.333.077
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	2.273.538	23.168.747	(5.670.037)	(3.888.107)	2.369.730	6.231.153	1.001.223	(2.858.181)	22.628.066

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	1.662.045	-	-	-	-	-	-	1.662.045
Tiền gửi tại NHNNVN	-	1.524.941	1.690.026	-	-	-	-	-	3.214.967
Tiền gửi và cho vay các tổ chức									
tín dụng khác – gộp	-	-	25.323.316	13.689.800	450.000	-	-	-	39.463.116
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	13.435	-	-	-	-	-	-	13.435
Cho vay khách hàng – gộp (*)	2.680.042	-	45.523.196	21.488.015	6.730.116	9.996.073	545.277	183.824	87.146.543
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	4.786.315	1.850.112	-	3.883.166	3.557.777	2.999.496	3.075.000	20.151.866
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	2.093.368	-	-	-	-	-	-	2.093.368
Tài sản cố định	-	4.288.671	-	-	-	-	-	-	4.288.671
Tài sản có khác – gộp	137.815	3.382.029	-	-	-	-	-	-	3.519.844
Tổng tài sản (1)	2.817.857	17.750.804	74.386.650	35.177.815	11.063.282	13.553.850	3.544.773	3.258.824	161.553.855
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	-	-	6.613	-	-	-	6.613
Tiền gửi và vay các tổ chức									
tín dụng khác	-	6.093	24.731.255	15.343.892	962.100	-	-	-	41.043.340
Tiền gửi của khách hàng	-	-	44.338.096	15.025.027	8.277.305	14.372.538	19.356.093	2.827	101.371.886
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.378	-	-	-	-	3.000.000	3.008.378
Các khoản nợ khác	-	1.595.322	-	-	-	-	-	-	1.595.322
Tổng nợ phải trả (2)	-	1.601.415	69.077.729	30.368.919	9.246.018	14.372.538	19.356.093	3.002.827	147.025.539
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng [(3)=(1)-(2)]	2.817.857	16.149.389	5.308.921	4.808.896	1.817.264	(818.688)	(15.811.320)	255.997	14.528.316
Mức chênh lệch cảm với lãi suất ngoại bảng (4)	-	(9.113.975)	-	-	-	-	-	-	(9.113.975)
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	2.817.857	7.035.414	5.308.921	4.808.896	1.817.264	(818.688)	(15.811.320)	255.997	5.414.341

(*) Các số dư này được tính toán dựa trên cơ sở từng khoản vay thay vì trên cơ sở khách hàng.

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây thể hiện lãi suất thực tế bình quân của những công cụ tài chính chịu lãi với thời hạn và đơn vị tiền tệ khác nhau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền gửi tại NHNNVN								
• VND	-	0,60%	-	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,03%	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	0,00%	0,33%	5,12%	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,11%	0,11%	1,00%	-	-	-	-
Cho vay khách hàng								
• VND	10,30%	-	9,12%	8,91%	9,20%	9,24%	8,83%	8,34%
• Ngoại tệ	6,61%	-	4,61%	3,63%	3,54%	3,04%	5,22%	-
Chứng khoán đầu tư								
• VND	-	-	10,03%	-	10,90%	8,96%	7,70%	8,70%
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN								
• VND	-	-	5,00%	-	3,50%	3,50%	-	-
• Ngoại tệ	-	-	-	-	2,33%	-	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	0,33%	5,00%	4,80%	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,01%	0,65%	1,57%	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng								
• VND	-	0,30%	4,98%	6,00%	6,28%	6,17%	6,82%	5,90%
• Ngoại tệ	-	0,10%	0,18%	0,28%	0,33%	0,41%	0,24%	-
Phát hành giấy tờ có giá								
• VND	-	-	3,01%	-	-	-	-	12,50%

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản								
Tiền gửi tại NHNNVN								
• VND	-	0,60%	-	-	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,25%	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	0,00%	0,33%	3,95%	4,11%	4,62%	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,11%	1,33%	1,30%	-	-	-	-
Cho vay khách hàng								
• VND	12,09%	-	9,05%	9,26%	10,17%	10,27%	9,44%	9,36%
• Ngoại tệ	7,80%	-	4,31%	3,26%	4,14%	4,00%	4,10%	-
Chứng khoán đầu tư								
• VND	-	-	4,16%	6,88%	8,03%	10,41%	10,38%	8,90%
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN								
• Ngoại tệ	-	-	-	-	2,02%	-	-	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác								
• VND	-	0,10%	3,92%	4,16%	-	-	-	-
• Ngoại tệ	-	0,10%	1,20%	1,33%	1,54%	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng								
• VND	-	0,30%	4,82%	5,52%	6,44%	7,27%	5,98%	12,40%
• Ngoại tệ	-	0,10%	0,83%	0,70%	0,82%	0,70%	0,85%	-
Phát hành giấy tờ có giá								
• VND	-	-	5,28%	-	-	-	-	12,50%

Phân tích độ nhạy với lãi suất

Tập đoàn chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro phát sinh từ những thay đổi về tỷ giá hối đoái đối với đồng VND, đồng tiền hạch toán kế toán của Tập đoàn, gây ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính hoặc có thể gây ra những biến động đối với thu nhập của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách xây dựng các hạn mức rủi ro về trạng thái tiền tệ. Những hạn mức này bao gồm hạn mức trạng thái giới hạn mở, trạng thái mở theo từng loại tiền tệ.

Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khoản của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý

trạng thái của từng loại tiền tệ. Trạng thái tiền tệ được quản lý hàng ngày để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Tập đoàn áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2015	31/12/2014
USD/VND	22.420	21.380
EUR/VND	24.429	25.908
XAU/VND (chì)	3.220.000	3.483.000

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Triệu VND

	VND	USD	Vàng	EUR	Tiền tệ khác	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng	846.541	518.760	252.049	68.506	354.893	2.040.749
Tiền gửi tại NHNNVN	1.607.784	1.108.480	-	-	-	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	3.515.358	3.789.064	-	289.292	334.560	7.928.274
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	1.334.500	-	169.397	538.666	2.042.563
Cho vay khách hàng – gộp	74.035.188	10.558.432	83.018	41.295	41.859	84.759.792
Chứng khoán đầu tư – gộp	20.135.636	-	-	-	-	20.135.636
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	2.031.645	-	-	-	-	2.031.645
Tài sản cố định	4.740.627	-	-	-	-	4.740.627
Tài sản có khác – gộp	2.564.322	45.451	-	1.986	4.400	2.616.159
Tổng tài sản (1)	109.477.101	17.354.687	335.067	570.476	1.274.378	129.011.709
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Các khoản nợ NHNNVN	542.634	2.311	-	-	-	544.945
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	4.646.426	3.286.742	-	109	40	7.933.317
Tiền gửi của khách hàng	83.908.777	12.714.618	-	564.665	1.242.482	98.430.542
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	2.011.766	-	-	-	-	2.011.766
Phát hành giấy tờ có giá	3.000.122	270	-	-	-	3.000.392
Các khoản nợ khác	1.661.836	131.556	-	380	1.986	1.795.758
Vốn và các quỹ	13.144.721	-	-	-	-	13.144.721
Tổng nợ phải trả (2)	108.916.282	16.135.497	-	565.154	1.244.508	126.861.441
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	560.819	1.219.190	335.067	5.322	29.870	2.150.268
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	206.423	(153.954)	(25.760)	855	(26.298)	1.266
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	767.242	1.065.236	309.307	6.177	3.572	2.151.534

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: Triệu VND

	VND	USD	Vàng	EUR	Tiền tệ khác	Tổng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng	701.172	315.401	264.683	95.320	285.469	1.662.045
Tiền gửi tại NHNNVN	2.106.702	1.108.265	-	-	-	3.214.967
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	28.187.206	10.910.810	-	77.118	287.982	39.463.116
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	340.183	1.870.880	2.211.063
Cho vay khách hàng – gộp	70.612.642	16.135.261	247.620	128.403	22.617	87.146.543
Chứng khoán đầu tư – gộp	20.151.866	-	-	-	-	20.151.866
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	2.093.368	-	-	-	-	2.093.368
Tài sản cố định	4.288.671	-	-	-	-	4.288.671
Tài sản có khác – gộp	3.500.579	19.263	-	-	2	3.519.844
Tổng tài sản (1)	131.642.206	28.489.000	512.303	641.024	2.466.950	163.751.483
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu						
Các khoản nợ NHNNVN	-	6.613	-	-	-	6.613
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	27.510.775	13.532.407	-	115	43	41.043.340
Tiền gửi của khách hàng	86.780.030	11.544.757	-	626.802	2.420.297	101.371.886
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài khoản nợ chính khác	930.045	1.267.583	-	-	-	2.197.628
Phát hành giấy tờ có giá	3.005.381	2.997	-	-	-	3.008.378
Các khoản nợ khác	1.431.234	153.758	-	208	10.122	1.595.322
Vốn và các quỹ	13.119.727	-	-	-	-	13.119.727
Tổng nợ phải trả (2)	132.777.192	26.508.115	-	627.125	2.430.462	162.342.894
Trạng thái tiền tệ nội bảng [(3)=(1)-(2)]	(1.134.986)	1.980.885	512.303	13.899	36.488	1.408.589
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng (4)	766.752	(758.308)	(6.339)	(6.218)	3.338	(775)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng [(5)=(3)+(4)]	(368.234)	1.222.577	505.964	7.681	39.826	1.407.814

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)****(ii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)**

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế
USD (mạnh lên 5%)	41.544
EUR (yếu đi 6%)	(289)
XAU (yếu đi 8%)	(19.301)

ĐVT: Triệu VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế
USD (mạnh lên 1%)	9.536
EUR (yếu đi 10%)	(599)
XAU (mạnh lên 0,4%)	1.579

(iii) Rủi ro về giá thị trường

Rủi ro về giá chứng khoán là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của Tập đoàn.

Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán của Tập đoàn chịu ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và năm 2014, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn nắm giữ danh mục chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán không đáng kể tại ngày báo cáo.

(d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Tập đoàn huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Tập đoàn, đồng thời Tập đoàn cân có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Tập đoàn cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản bảo đảm hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản còn được hạn chế thông qua việc nắm giữ tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày báo cáo đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn:

- ❖ Tiền gửi tại NHNNVN được xếp vào loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi của khách hàng.
- ❖ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- ❖ Thời gian đến hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ❖ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là trên 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định và Tập đoàn có ý định nắm giữ lâu dài.
- ❖ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- ❖ Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán từ các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.

Dưới đây là bảng phân tích tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn theo nhóm dựa trên thời gian còn lại tính từ ngày báo cáo đến ngày đáo hạn. Trên thực tế, thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả có thể khác với cam kết, tùy thuộc vào các phụ lục hợp đồng được ký.

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(d) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	2.040.749	-	-	-	-	2.040.749
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.716.264	-	-	-	-	2.716.264
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	110.550	-	7.772.884	44.840	-	-	-	7.928.274
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	30.797	-	-	-	30.797
Cho vay khách hàng – gộp	1.575.472	493.885	3.663.379	8.338.881	19.523.189	17.099.354	34.065.632	84.759.792
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	52.033	-	2.780.275	16.695.648	607.680	20.135.636
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	2.031.645	2.031.645
Tài sản cố định	-	-	96	178	29.680	240.751	4.469.922	4.740.627
Tài sản có khác – gộp	93.631	-	1.137.383	12.683	789.040	583.422	-	2.616.159
Tổng tài sản (1)	1.779.653	493.885	17.382.788	8.427.379	23.122.184	34.619.175	41.174.879	126.999.943
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	518.720	-	26.225	-	-	544.945
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	7.552.017	381.300	-	-	-	7.933.317
Tiền gửi của khách hàng	-	-	50.271.102	18.992.379	20.912.792	8.253.717	552	98.430.542
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	392	-	-	-	3.000.000	3.000.392
Các khoản nợ khác	-	-	1.575.010	24.375	81.495	114.878	-	1.795.758
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	59.917.241	19.398.054	21.020.512	8.368.595	3.000.552	111.704.954
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)]	1.779.653	493.885	(42.534.453)	(10.970.675)	2.101.672	26.250.580	38.174.327	15.294.989

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(d) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: Triệu VND

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 12 tháng	Từ trên 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	1.662.045	-	-	-	-	1.662.045
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.214.967	-	-	-	-	3.214.967
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	-	-	25.323.316	13.689.800	450.000	-	-	39.463.116
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	13.435	-	-	-	13.435
Cho vay khách hàng – gộp	2.144.371	535.671	7.056.248	13.051.059	25.237.402	11.795.297	27.326.495	87.146.543
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	852.103	-	2.040.943	13.683.820	3.575.000	20.151.866
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	-	-	-	2.093.368	2.093.368
Tài sản cố định	-	-	535	441	42.141	184.880	4.060.674	4.288.671
Tài sản có khác – gộp	137.604	211	1.472.187	6.034	1.175.145	728.663	-	3.519.844
Tổng tài sản (1)	2.281.975	535.882	39.581.401	26.760.769	28.945.631	26.392.660	37.055.537	161.553.855
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNNVN	-	-	-	-	4.409	2.204	-	6.613
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	24.737.348	15.343.892	962.100	-	-	41.043.340
Tiền gửi của khách hàng	-	-	44.338.096	15.025.027	22.649.843	19.356.093	2.827	101.371.886
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	8.378	-	-	-	3.000.000	3.008.378
Các khoản nợ khác	-	-	1.393.392	6.625	72.738	122.567	-	1.595.322
Tổng nợ phải trả (2)	-	-	70.477.214	30.375.544	23.689.090	19.480.864	3.002.827	147.025.539
Mức chênh thanh khoản ròng [(3)=(1)-(2)]	2.281.975	535.882	(30.895.813)	(3.614.775)	5.256.541	6.911.796	34.052.710	14.528.316

38. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

(d) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý:</i>				
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	30.797	(*)	13.435	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
• Trái phiếu Chính phủ có giá niêm yết	-	-	254.000	260.913
• Trái phiếu Chính phủ không có giá niêm yết	150.042	(*)	854.894	(*)
• Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	15.010.858	(*)	15.180.950	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
• Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2.716.264	2.716.264	3.214.967	3.214.967
• Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7.833.274	(*)	39.463.116	(*)
• Cho vay khách hàng	83.889.887	(*)	86.123.843	(*)
• Các khoản phải thu	633.354	(*)	649.718	(*)
• Các khoản lãi, phí phải thu	992.436	(*)	1.408.202	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
• Trái phiếu Chính phủ có giá niêm yết	-	-	413.679	429.771
• Cổ phiếu có giá niêm yết	32.680	34.199	-	-
• Trái phiếu Chính phủ không có giá niêm yết	3.922.512	(*)	1.934.700	(*)
• Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác	1.992	(*)	1.285.270	(*)
• Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.869.834	(*)	1.940.102	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
• Các khoản nợ NHNNVN	(544.945)	(*)	(6.613)	(*)
• Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(7.933.317)	(*)	(41.043.340)	(*)
• Tiền gửi của khách hàng	(98.430.542)	(*)	(101.371.886)	(*)
• Phát hành giấy tờ có giá	(3.000.392)	(*)	(3.008.378)	(*)
• Các khoản lãi, phí phải trả	(1.510.364)	(*)	(1.264.197)	(*)
• Nợ phải trả tài chính khác	(244.937)	(*)	(275.619)	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

39. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn được trình bày như sau:

ĐVT: Triệu VND

	Năm kết thúc ngày 31/12/2015				Tổng
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Điều chỉnh	
I. Doanh thu					
1. Doanh thu lãi					
<i>Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	1.080.525	815.229	6.705.430	-	8.601.184
<i>Doanh thu lãi nội bộ</i>	1.164.138	308.547	9.778.148	(11.250.833)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	64.930	22.395	480.366	-	567.691
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	40.674	21.079	385.238	-	446.991
II. Chi phí					
1. Chi phí lãi					
<i>Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài</i>	(887.943)	(226.155)	(4.089.396)	-	(5.203.494)
<i>Chi phí lãi nội bộ</i>	(1.007.369)	(677.384)	(9.566.080)	11.250.833	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(21.773)	(13.760)	(141.737)	-	(177.270)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(312.569)	(159.502)	(2.268.222)	-	(2.740.293)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	120.613	90.449	1.283.747	-	1.494.809
Chi phí dự phòng rủi ro	(309.987)	(86.680)	(1.037.320)	-	(1.433.987)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	(189.374)	3.769	246.427	-	60.822
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	447.887	243.846	1.349.016	-	2.040.749
Tài sản cố định	24.638	15.406	4.700.583	-	4.740.627
Tài sản khác	14.822.650	9.672.127	95.435.881	(1.862.359)	118.068.299
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(16.215.129)	(5.314.319)	(88.474.440)	94.692	(109.909.196)
Nợ phải trả nội bộ	(230)	-	(9.793)	-	(10.023)
Nợ phải trả khác	(407.264)	(170.434)	(2.019.185)	811.148	(1.785.735)

39. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu (tiếp theo)

ĐVT: Triệu VND

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014				Tổng Đã điều chỉnh lại
	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Điều chỉnh	
I. Doanh thu					
1. Doanh thu lãi					
Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	1.052.983	674.790	6.953.938	-	8.681.711
Doanh thu lãi nội bộ	465.973	114.700	4.429.995	(5.010.668)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	52.666	19.706	381.747	-	454.119
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	28.351	13.324	288.831	-	330.506
II. Chi phí					
1. Chi phí lãi					
Chi phí lãi cho khách hàng bên ngoài	(723.237)	(219.443)	(4.911.270)	-	(5.853.950)
Chi phí lãi nội bộ	(470.690)	(316.864)	(4.223.114)	5.010.668	-
2. Chi phí khấu hao tài sản cố định	(22.144)	(15.393)	(143.607)	-	(181.144)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(270.996)	(138.231)	(1.843.092)	-	(2.252.319)
Kết quả hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	112.906	132.589	933.428	-	1.178.923
Chi phí dự phòng rủi ro	(165.945)	(51.525)	(607.829)	-	(825.299)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế TNDN	(53.039)	81.064	325.599	-	353.624
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	321.818	218.917	1.121.310	-	1.662.045
Tài sản cố định	22.592	16.857	4.249.222	-	4.288.671
Tài sản khác	16.182.704	8.046.428	131.819.368	(1.853.950)	154.194.550
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	(19.483.533)	(5.039.817)	(121.006.409)	99.542	(145.430.217)
Nợ phải trả nội bộ	(190)	-	(5.296)	-	(5.486)
Nợ phải trả khác	2.903.567	(3.161.322)	(2.143.308)	811.227	(1.589.836)

(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực ngân hàng thương mại.

40. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	122.085	30.729

(b) Hợp đồng thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2015	31/12/2014
Đến một năm	159.062	128.263
Trên một đến năm năm	337.312	311.398
Trên năm năm	30.915	62.475
	527.289	502.136

41. Điều chỉnh theo Kết luận thanh tra của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Theo Kết luận thanh tra do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2015, Tập đoàn đã bán một số tài sản cố định là bất động sản cho Công ty Cổ phần Bất động sản E Xim (“Eximland”) trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2013 và đã ghi nhận các khoản lợi nhuận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của các năm này (2010: 179.844 triệu VND; 2011: 363.364 triệu VND; 2012: 477.455 triệu VND và 2013: 95.996 triệu VND). Sau đó, Tập đoàn đã mua lại các tài sản này từ Eximland trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015. Cũng theo Kết luận thanh tra trên, Tập đoàn phải ghi giảm thu nhập do bán các tài sản không đúng quy định và ghi giảm các chi phí liên quan khác để khôi phục giá trị tài sản về giá trị ban đầu. Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh hồi tố đối với số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

	31/12/2014 (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh	31/12/2014 (đã điều chỉnh lại)
Tài sản cố định hữu hình – giá trị hao mòn lũy kế	(770.488)	547	(769.941)
Tài sản cố định vô hình – nguyên giá	4.290.705	(949.112)	3.341.593
Các khoản phải thu	1.929.895	(5)	1.929.890
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	114.010	(948.570)	(834.560)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

	2014 (theo báo cáo trước đây sau khi phân loại lại – Thuyết minh số 42)	Điều chỉnh	2014 (đã điều chỉnh lại)
Chi phí hoạt động khác	(421.058)	284.828	(136.230)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	56.084	284.828	340.912

42. Số liệu so sánh

Như được trình bày trong Thuyết minh 2(f)(ii), kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư 49 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do việc áp dụng Thông tư 49, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một vài số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

	2014 (đã phân loại lại)	2014 (theo báo cáo trước đây)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.681.711	8.564.183
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	454.119	571.647
Chi phí hoạt động khác	(421.058)	(421.035)
Chi phí hoạt động	(2.048.681)	(2.048.704)

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

ĐVT: Triệu VND

	2014 (đã phân loại lại)	2014 (theo báo cáo trước đây)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	9.192.835	9.075.307
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	228.388	345.916
Thu nhập khác nhận được	3.641	3.664
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(1.824.719)	(1.824.742)

Người lập



Nguyễn Minh Thanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Ngọc Hà
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Trần Tấn Lộc
Quyển Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG được công bố trên website của ngân hàng tại địa chỉ:
<https://www.eximbank.com.vn/home/Static/baocaotaichinh.aspx>

BÁO CÁO MẠNG LƯỚI

ĐẾN NGÀY 31/3/2016

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hà Nội	19 Trần Hưng Đạo, P.Phân Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
2	PGD Nguyễn Du	(Tầng 1+2) Tòa nhà số 76 Mai Hắc Đế, P.Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
3	PGD Bạch Mai	(Tầng 2+3) Tòa nhà số 134 Phố Bạch Mai, P.Cầu Dền, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
4	PGD Hàng Than	18 Phố Hàng Than, P.Nguyễn Trung Trực, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội
5	PGD Xuân Diệu	96 Yên Phụ, P.Yên Phụ, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội
6	PGD Tây Hồ	509B Phố Lạc Long Quân, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội
7	PGD Lý Thường Kiệt	15 Liễu Giai, P.Liễu Giai, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội
8	PGD Bà Triệu	(Tầng 1 -4) Tòa nhà số 2C Phố Thái Phiên, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
9	PGD Nguyễn Chí Thanh	Tầng 1 (lô số 9) Tòa nhà M3-M4, số 91A Nguyễn Chí Thanh, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội
10	Chi nhánh Ba Đình	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, P.Thành Công, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội
11	PGD Trung Yên	143 Trung Kính, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
12	PGD Trung Hòa	Lô NV-B30 Phố Nguyễn Thị Định, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội
13	PGD Cửa Đông	(Tầng 1,2) số 152 Khuất Duy Tiến, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Tp.Hà Nội
14	PGD Mỹ Đình	B1-12 Lê Đức Thọ, P.Mỹ Đình, Q.Từ Liêm, Tp.Hà Nội
15	PGD Hàng Bông	(Tầng 1) số 10-12-14 Cửa Nam, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
16	PGD Thăng Long	Trung Tâm Công Nghệ - KCN Thăng Long, H.Đống Anh, Tp.Hà Nội
17	Chi nhánh Long Biên	558 Nguyễn Văn Cừ, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
18	PGD Việt Hưng	(Tầng 1) Căn nhà số 567 Ngô Gia Tự, P.Đức Giang, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
19	PGD Lò Đức	(Tầng 1) Tòa nhà 73 Lò Đức, P.Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
20	PGD Nguyễn Thái Học	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà số 91 Phố Nguyễn Thái Học, P.Điện Biên, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội
21	PGD Đống Xuân	16 Trần Nhật Duật, P.Đống Xuân, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
22	Chi nhánh Thủ Đức	(Tầng 1 và tầng 5) Tòa nhà số 257 Giải Phóng, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội
23	PGD Trần Khắc Chân	439 Trần Khắc Chân, P.Thanh Nhân, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
24	PGD Nguyễn Phong Sắc	(Tầng 1) Tòa nhà Sannam, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
25	Chi nhánh Cầu Giấy	(Tầng trệt) Tòa nhà Machinco, số 444 Hoàng Hoa Thám, P.Thụy Khê, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội
26	QTK Nguyễn Cơ Thạch	(Tầng 1) Tòa nhà số 136 Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
27	Chi nhánh Đống Đa	(Tầng 1 + tầng 2) Tòa nhà số 292 Tây Sơn, P.Trung Liệt, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội
28	PGD Kim Liên	206 Phố Xã Đàn, Tổ 27, P.Phương Liên, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội
29	PGD Trần Đăng Ninh	6C Tổ 24, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
30	PGD Hà Đông	24 Phố Quang Trung, P.Quang Trung, Q.Hà Đông, Tp.Hà Nội
31	PGD Đống Tâm	10B2 Phố Trần Đại Nghĩa, P.Đống Tâm, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
32	Chi nhánh Hải Phòng	32 Trần Phú, Q.Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng
33	PGD KCN Nomura Hải Phòng	Cổng phụ KCN Nomura, xã Tân Tiến, H.An Dương, Tp.Hải Phòng
34	PGD Trần Nguyên Hãn	274 Trần Nguyên Hãn, P.Niêm Nghĩa, Q.Lê Chân, Hải Phòng
35	PGD Thủy Nguyên	Mặt tiền đường TL359, thôn Phú Liên, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, Tp.Hải Phòng

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
36	PGD Tô Hiệu	172 Tô Hiệu, P.Trại Cau, Q.Lê Chân, Tp.Hải Phòng
37	Chi nhánh Vinh	182 Nguyễn Văn Cừ, P.Hưng Phúc, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An
38	PGD Thanh Chương	Khối 4, TT.Thanh Chương, H.Thanh Chương, Nghệ An
39	PGD Yên Thành	Khối 1, TT.Yên Thành, H.Yên Thành, Nghệ An
40	PGD Diễn Châu	Kiot số 02, TTMM Diễn Châu, TT.Diễn Châu, H.Diễn Châu, Nghệ An
41	PGD Đô Lương	Khối 3, TT.Đô Lương, H.Đô Lương, Nghệ An
42	PGD Thái Phiên	80 Thái Phiên, P.Hồng Sơn, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An
43	PGD Nam Vinh	343 Lê Duẩn, P.Trung Đô, Tp.Vinh, Nghệ An
44	PGD Bắc Vinh	150 Nguyễn Trãi, Tp.Vinh, Nghệ An
45	Chi nhánh Quảng Ninh	14-16 Trần Hưng Đạo, P.Trần Hưng Đạo, Tp.Hạ Long, Quảng Ninh
46	PGD Móng Cái	01 Hùng Vương, P.Hòa Lạc, Tp.Móng Cái, Quảng Ninh
47	PGD Quảng Yên	66 Lê Lợi, TT.Quảng Yên, H.Yên Hưng, Quảng Ninh
48	PGD Uông Bí	434 Quang Trung, P.Quang Trung, Tx.Uông Bí, Quảng Ninh
49	PGD Hạ Long	(Tầng trệt) Tòa nhà Bưu Điện Hạ Long, Tổ 2, khu 2, P.Bãi Cháy, Tp.Hạ Long, Quảng Ninh
50	PGD Cẩm Phả	144 Trần Phú, Tổ 30B, P.Cẩm Tây, Tx.Cẩm Phả, Quảng Ninh
51	Chi nhánh Quảng Ngãi	35A-35B Đại lộ Hùng Vương, P.Trần Hưng Đạo, Tp.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
52	PGD Nguyễn Nghiêm	268 Nguyễn Nghiêm, P.Nguyễn Nghiêm, Tp.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
53	Chi nhánh Đà Nẵng	48 Trần Phú, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
54	PGD Thanh Khê	203 Ông Ích Khiêm, P.Thạch Thang, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
55	PGD Hải Châu	484 Hoàng Diệu, P.Bình Thuận, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
56	PGD Hàm Nghi	44A Hàm Nghi, P.Thạc Gián, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
57	PGD Sơn Trà	794-796 Ngô Quyền, P.An Hải Bắc, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng
58	Chi nhánh Hùng Vương	151-153 Nguyễn Văn Linh, P.Vinh Trung, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
59	PGD Thuận Phước	180-182 Đống Đa, P.Thuận Phước, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
60	PGD Điện Biên Phủ	433 Điện Biên Phủ, P.Hòa Khê, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
61	PGD Chợ Cồn	336 - 338 Hùng Vương, P.Vinh Trung, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
62	PGD Hòa Cường	205 Phan Châu Trinh, P.Phước Ninh, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
63	Chi nhánh Huế	205 Trần Hưng Đạo, P.Phú Hòa, Tp.Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
64	Chi nhánh Quảng Nam	226 - 228 Phan Chu Trinh, Tp.Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
65	PGD Hội An	22 Trần Hưng Đạo, P.Cẩm Phô, Tp.Hội An, tỉnh Quảng Nam
66	PGD Nam Phước	Quốc lộ 1A, Khối phố Long Xuyên 1, TT.Nam Phước, H.Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
67	Chi nhánh Nha Trang	63 Yersin, P.Phương Sài, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
68	PGD Lê Hồng Phong	584 Lê Hồng Phong, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
69	PGD Quang Trung	61A Quang Trung, P.Lộc Thọ, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
70	PGD Diên Khánh	246 Lạc Long Quân, TT.Diên Khánh, H.Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
71	Chi nhánh Buôn Ma Thuột	114-116 Phan Bội Châu, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
72	PGD Chợ Buôn Ma Thuột	Kiot số C21 Chợ Buôn Ma Thuột, P.Thống Nhất, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
73	PGD Nguyễn Tất Thành	316 Nguyễn Tất Thành, P.Tân Lập, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
74	PGD Phan Chu Trinh	240 Phan Chu Trinh, P.Tân Lợi, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
75	PGD Buôn Hồ	327 Hùng Vương, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
76	PGD Lê Duẩn	420 Lê Duẩn, P.Ea Tam, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
77	Chi nhánh Đà Lạt	2D-2D/1-2E Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
78	PGD Chi Lăng	Lô A7 khu quy hoạch Sương Mai, P.9, Tp.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
79	PGD Bảo Lộc	11 Đê Thám, P.1, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
80	PGD Đức Trọng	25 Thống Nhất, TT.Liên Nghĩa, H.Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
81	Chi nhánh Đồng Nai	223 Hà Huy Giáp, Kp4, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
82	PGD Biên Hòa	881 Quốc lộ 15, P.Tam Hiệp, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
83	PGD Gia Kiệm	số 5/1E Quốc lộ 20, ấp Võ Đông 1, xã Gia Kiệm, H.Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
84	PGD Tân Biên	122/5 Khu phố 9, P.Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
85	PGD Trảng Bom	118 Ấp An Chu, H.Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
86	PGD Long Thành	Quốc lộ 51A, tổ 19, Khu Văn Hải, TT.Long Thành, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai
87	PGD Long Khánh	245 Hùng Vương, KP5, P.Xuân Hòa, Tx.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
88	Chi nhánh Bình Dương	244 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
89	PGD Tân Phước Khánh	01 Tổ 1, Khu phố Khánh Thành, P.Tân Phước Khánh, Tx.Tân Uyên, H.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
90	PGD Lái Thiêu	499 Nguyễn Trãi, TT.Lái Thiêu, H.Thuận An, tỉnh Bình Dương
91	PGD Dĩ An	Khu phố Bình Minh 2, P.Dĩ An, Tx.Dĩ An, tỉnh Bình Dương
92	PGD Mỹ Phước	C4-Ô16 khu I đường DA1-1-Rupby Land, TT.Mỹ Phước, H.Bến Cát, tỉnh Bình Dương
93	PGD Bình Dương Canary	Lô G22 Tầng trệt Tòa nhà AEON CANARY, Đại lộ Bình Dương, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
94	Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	43 Trần Hưng Đạo, P.1, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
95	PGD Bà Rịa	112 - 114 Bạch Đằng, P.Phước Trung, Tx.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
96	PGD Tân Thành	27 Quốc lộ 51, TT.Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
97	PGD Nguyễn An Ninh	513 Nguyễn An Ninh, P.Nguyễn An Ninh, Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
98	PGD Phước Tỉnh	286 (T17) - tổ 8 ấp Tân Phước, xã Phước Tỉnh, Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
99	PGD Ngãi Giao	270 Hùng Vương, TT.Ngãi Giao, H.Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
100	Chi nhánh Bình Phước	(Tầng trệt, tầng 1 và tầng 2) Trung tâm Thương mại ITC Đồng Xoài, số 1029 Phú Riêng Đỏ, Tx.Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
101	Chi nhánh Tp.HCM	(Tầng 1 - tầng 7) Tòa nhà số 229 Đông Khởi, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
102	PGD Hàng Xanh	155A - 155B Điện Biên Phủ, P.15, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
103	PGD Trung Sơn	2-4-6 Đường số 9A, KDC Trung Sơn, Xã Bình Hưng, H.Bình Chánh, Tp.HCM
104	PGD Tao Đàn	(Tầng trệt) Tòa nhà số 141 Nguyễn Du, P.Bến Thành, Q.1, Tp.HCM
105	PGD Lê Lợi	08 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
106	PGD Minh Khai	(Tầng trệt) Tòa nhà 179EF Cách Mạng Tháng 8, P.5, Q.3, Tp.HCM

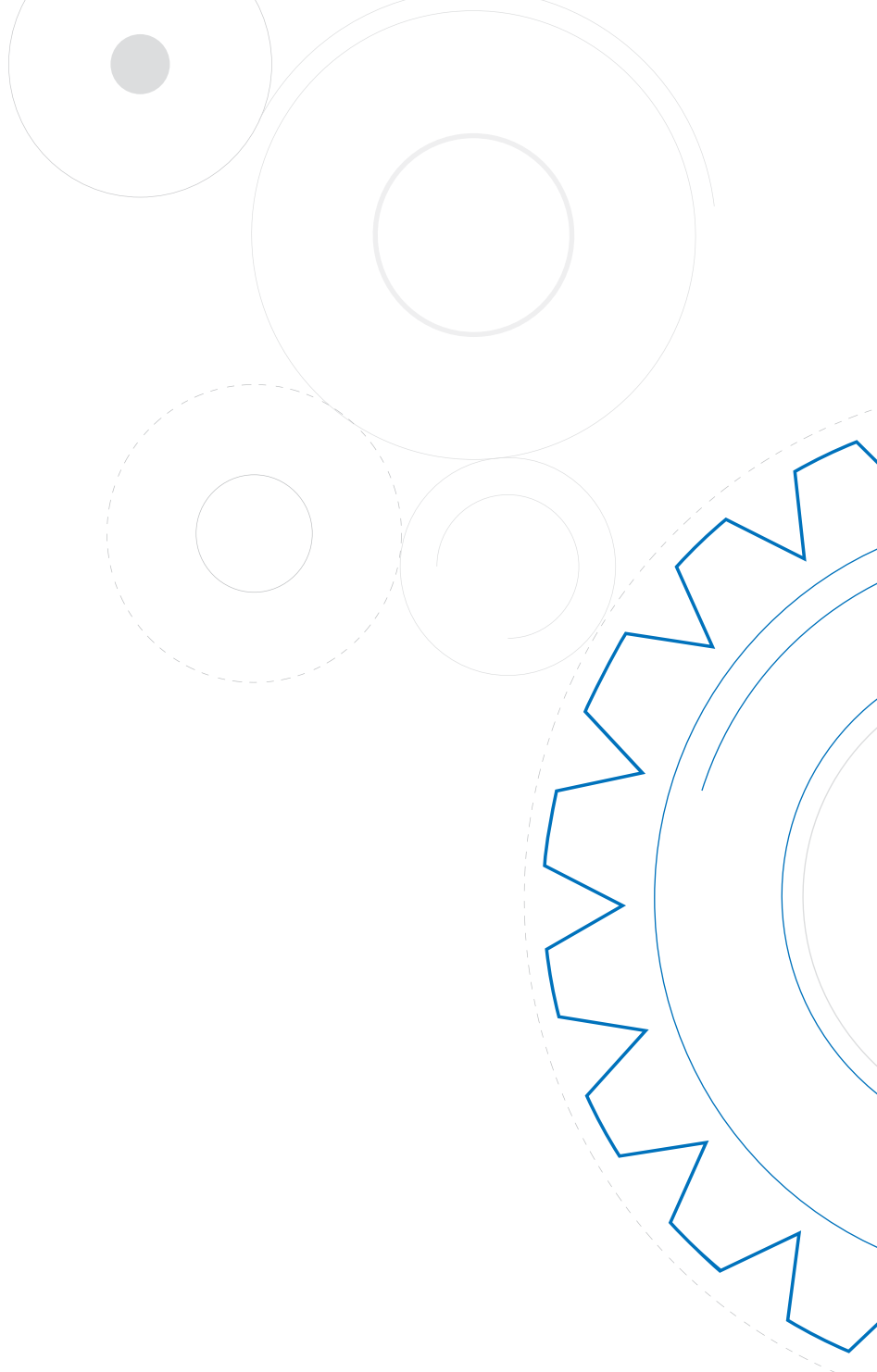
STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
107	PGD Trương Định	(Tầng trệt) Tòa nhà số 24B Trương Định, P.6, Q.3, Tp.HCM
108	PGD Bến Thành	36-38 Ngô Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
109	PGD Thanh Đa	629-631 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
110	PGD Bùi Thị Xuân	(Tầng trệt + lửng) Tòa nhà 122A-B-C Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp.HCM
111	PGD Văn Thành	(Tầng trệt + 1 phần lầu 1) số 85 Đường D2, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
112	Chi nhánh Chợ Lớn	141 Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5, Tp.HCM
113	PGD Lý Thái Tổ	291 Lý Thái Tổ, P.9, Q.10, Tp.HCM
114	PGD Nhật Tảo	410 Nguyễn Tri Phương, P.4, Q.10, Tp.HCM
115	PGD Quận 6	41 Hậu Giang, P.2, Q.6, Tp.HCM
116	PGD Kim Biên	161 Hải Thượng Lãn Ông, P.13, Q.5, Tp.HCM
117	PGD Phú Thọ	286 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, Tp.HCM
118	PGD Hồng Bàng	258 Hồng Bàng, P.15, Q.5, Tp.HCM
119	PGD Hưng Đạo	466 Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, Tp.HCM
120	PGD An Đông	265 Trần Phú, P.8, Q.5, Tp. HCM.
121	PGD Quận 8	390-392 Phạm Hùng, P.5, Q.8, Tp.HCM
122	Chi nhánh Hòa Bình	78 Nguyễn Trãi, P.3, Q.5, Tp.HCM
123	PGD Hòa Hưng	138 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
124	PGD Kỳ Hòa	773 Lê Hồng Phong (nd), P.12, Q.10, Tp.HCM
125	PGD Đống Khánh	81 Bùi Hữu Nghĩa, P.5, Q.5, Tp.HCM
126	Chi nhánh Tân Định	78 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q.1, Tp.HCM
127	PGD Nguyễn Thái Sơn	250 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
128	PGD Bến Nghé	11A-11B Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
129	PGD Gò Vấp	126 Nguyễn Oanh, P.7, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
130	PGD Hồ Văn Huê	164 Hồ Văn Huê, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM
131	PGD Phan Đình Phùng	130 Phan Đình Phùng, P.2, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM
132	Chi nhánh Sài Gòn	(Tầng trệt + lửng + tầng 2) Tòa nhà số 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
133	PGD Thảo Điền	14R-S Quốc Hương, P.Thảo Điền, Q.2, Tp.HCM
134	PGD Võ Văn Tần	365 Võ Văn Tần, P.5, Q.3 Tp.HCM
135	PGD ĐaKao	23A-B Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
136	PGD Nguyễn Công Trứ	130 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
137	PGD Bến Chương Dương	327 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.1, Tp.HCM
138	PGD Trường Sơn	39B Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM
139	PGD Phan Xích Long	(Tầng trệt) Tòa nhà số 05 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM
140	Chi nhánh Thủ Đức	147A Võ Văn Ngân, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
141	PGD Linh Xuân	76 Quốc lộ 1K, khu phố 3, P.Linh Xuân, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
142	PGD Phước Long	497 Đỗ Xuân Hợp, P.Phước Long B, Q.9, Tp.HCM
143	PGD Quận 2	08 Trần Nãi, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM
144	PGD Lê Văn Ninh	12 Lê Văn Ninh, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
145	PGD Tam Bình	141 Quốc Lộ 1A, P.Tam Bình, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
146	PGD Quận 9	35 Lê Văn Việt, P.Hiệp Phú, Q.9, Tp.HCM
147	Chi nhánh Cộng Hòa	(Tầng trệt + lửng) số 19 Cộng Hòa, P.12, Q.Tân Bình, Tp.HCM
148	PGD Nguyễn Sơn	230-232 Nguyễn Sơn, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
149	PGD An Sương	379-381 Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM
150	PGD Trung Chánh	150/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Ấp Trung Chánh 2, Xã Trung Chánh, H.Hóc Môn, Tp.HCM

STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
151	PGD Võ Thành Trang	509 Trường Chinh, P.14, Q.Tân Bình, Tp. HCM
152	PGD Phạm Văn Hai	156 Phạm Văn Hai, P.3, Q.Tân Bình, Tp.HCM
153	Chi nhánh Tân Sơn Nhất	307 Nguyễn Văn Trỗi, P.1, Q.Tân Bình, Tp.HCM
154	Chi nhánh Bình Phú	110-112-114 Chợ Lớn, P.11, Q.6, Tp.HCM
155	PGD Tân Phú	611-611A Lũy Bán Bích, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, Tp.HCM
156	PGD Bình Chánh	A29/25 Quốc lộ 50, xã Bình Hưng, H.Bình Chánh, Tp.HCM
157	PGD Bình Trị Đông	141-141A Đường số 1, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, Tp.HCM
158	PGD Gò Dầu	54 Gò Dầu, P.Tân Quý, Q.Tân Phú, Tp.HCM
159	Chi nhánh Bình Tân	10 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, Tp.HCM
160	PGD An Lạc	476-478 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, Tp.HCM
161	Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	(Một phần tầng trệt + Một phần tầng lửng) Vinamilk Tower - số 10 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, Tp.HCM
162	PGD Tân Phong	1469 Nguyễn Văn Linh, KP Mỹ Toàn I - H3, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
163	PGD Phạm Thế Hiển	721 Phạm Thế Hiển, P.4, Q.8, Tp.HCM
164	Chi nhánh Quận 3	(Tầng 1 - Tầng 3) Tòa nhà số 21 Kỳ Đông, P.9, Q.3, Tp.HCM
165	Chi nhánh Quận 4	Cao ốc H2 Đường Hoàng Diệu, P.8, Q.4, Tp.HCM
166	PGD Khánh Hội	42 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, Tp.HCM
167	PGD Thị Nghè	117 - 117A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
168	PGD Lý Tự Trọng	232 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, Tp.HCM.
169	Chi nhánh Quận 7	849 Huỳnh Tấn Phát, P.Phú Thuận, Q.7, Tp.HCM
170	PGD Phú Mỹ	07 Lò O Hoàng Quốc Việt, nối dài, KDC Phú Mỹ, P.Phú Mỹ, Q.7, Tp.HCM
171	PGD Phú Xuân	6/8 Khu phố 5, TT.Nhà Bè, H.Nhà Bè, Tp.HCM
172	PGD Nguyễn Thị Thập	527 Nguyễn Thị Thập, P.Tân Phong Q.7, Tp.HCM
173	Chi nhánh Quận 10	65-65A & 63/6 Đường 3/2, P.11, Q.10, Tp.HCM
174	PGD Thành Thái	61 Thành Thái, P.14, Q.10, Tp.HCM
175	PGD Lê Văn Sỹ	213 - 215 Lê Văn Sỹ, P.13, Q.3, Tp.HCM
176	PGD Bàn Cờ	619 Nguyễn Đình Chiểu, P.2, Q.3, Tp.HCM
177	PGD Vạn Hạnh	373 Sư Vạn Hạnh (nd), P.12, Q.10, Tp.HCM
178	PGD Ba Tháng Hai	530 Đường 3/2, P.14, Q.10, Tp.HCM
179	PGD Minh Phụng	90 Minh Phụng, P.5, Q.6, Tp.HCM
180	Chi nhánh Quận 11	31-33-27/1 Âu Cơ, P.14, Q.11, Tp.HCM
181	PGD Đầm Sen	377A Minh Phụng, P.10, Q.11, Tp.HCM


STT	Tên CN/PGD	Địa chỉ
182	PGD Phú Lâm	73 Thuận Kiều, P.12, Q.5, Tp.HCM
183	PGD Tân Bình	1115 Cách Mạng Tháng 8, P.7, Q.Tân Bình, Tp.HCM
184	PGD Bắc Hải	02 Bís Cửu Long, Cư Xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Tp.HCM
185	PGD Âu Cơ	344 -346 Âu Cơ, P.10, Q.Tân Bình, Tp.HCM
186	Chi nhánh Cần Thơ	08 Phan Đình Phùng, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
187	PGD Phong Điền	Lô số 1 Dãy A5 Phan Văn Trị, TT.Phong Điền, H.Phong Điền, Tp.Cần Thơ
188	PGD Cái Răng	171 Quốc Lộ 1A, P.Lê Bình, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ
189	PGD An Phú	87 Đường 30/4, P.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
190	PGD Cờ Đỏ	21-22 Hà Huy Giáp, ấp Thới Thuận, TT.Cờ Đỏ, H.Cờ Đỏ, Tp.Cần Thơ
191	PGD Hưng Lợi	221A Đường 3/2, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
192	Chi nhánh Tây Đô	Lô P+R Trần Văn Khéo, P.Cái Khế, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
193	PGD Trà Nóc	37 Lê Hồng Phong, P.Bình Thủy, Q.Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
194	PGD Ô Môn	292-293 Quốc lộ 91, Q.Ô Môn, Tp.Cần Thơ
195	PGD An Nghiệp	174 Trần Hưng Đạo, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
196	PGD Thốt Nốt	568 Quốc lộ 91, KV Long Thạnh A, P.Thốt Nốt, Q.Thốt Nốt, Tp.Cần Thơ
197	Chi nhánh Long An	42 Trà Quý Bình, P.2, Tp.Tân An, tỉnh Long An
198	Chi nhánh An Giang	46 Hai Bà Trưng, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang
199	PGD Tân Châu	46 Thoại Ngọc Hầu, Tx.Tân Châu, tỉnh An Giang
200	PGD Phú Tân	Thửa đất số 7125, TĐĐ số 02 - ấp Trung Hòa, xã Tân Trung, H.Phú Tân, tỉnh An Giang
201	PGD Châu Đốc	56-58-60 Nguyễn Văn Thoại, P.Châu Phú A, Tp.Châu Đốc, tỉnh An Giang
202	PGD Long Xuyên	3/4 Tôn Đức Thắng, P.Mỹ Bình, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang
203	PGD Châu Phú	21 Trần Khánh Dư, H.Châu Phú, tỉnh An Giang
204	Chi nhánh Mỹ Tho	77-79 Lê Lợi, P.1, Tp.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
205	PGD Cai Lậy	41 Đường 30/4, khu 2, TT.Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
206	PGD Ấp Bắc	366 Ấp Bắc, P.5, Tp.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
207	Chi nhánh Bạc Liêu	477 Trần Phú, P.7, Tp.Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
208	Chi nhánh Kiên Giang	02-04 Phạm Hồng Thái, P.Vinh Thanh Văn, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải đầy đủ tại website: www.eximbank.com.vn



NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

-  | Tầng 8 - Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
-  | (84-8) 3821 0056
-  | (84-8) 3821 6913
-  | Swift: EBVIVNVX
-  | www.eximbank.com.vn